

# diễn đàn

Số 150 / 4.2005

ISSN 1164-2378

F O R U M



Tình trạng bảo động của nhà cửa ở khu phố cổ Hà Nội  
(Ảnh ĐQN 2004)

## Mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

### Thời sự, những vấn đề

- |    |  |                |
|----|--|----------------|
| 1  | Bình thường hoá<br>quan hệ với người dân | Hoà Vân        |
| 4  | Tin tức, thời sự                         |                |
| 9  | Thư từ Mỹ                                | Tiểu Hằng Ngôn |
| 10 | Ấn tượng Huế                             | Phong Quang    |
| 12 | Những vết thương chiến tranh             | Tom Bissell    |

### Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- |    |                              |                       |
|----|------------------------------|-----------------------|
| 16 | Năng lượng hạt nhân          | Đặng Đình Cung        |
| 20 | Tháng 4.1905 ở vịnh Cam Ranh | Vĩnh Sính             |
| 23 | Kiến trúc hậu hiện đại       | Văn Ngọc              |
| 22 | Tro hồng (thơ)               | Gallagher             |
| 28 | Độc Dấu Ấn của NTTB          | Văn Ngọc              |
| 29 | Hương biển (truyện)          | Nguyễn Thị Thanh Bình |

Kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng đất nước

## Bình thường hoá quan hệ với người dân

Hoà Vân

Trong những ngày cuối tháng 3 này, báo chí trong nước bắt đầu đề cập tới những lễ lộc sẽ được tổ chức nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày đất nước hoàn toàn giải phóng. Việc nhắc lại những chiến tích trong những dịp kỷ niệm, mà một trong các mục tiêu là nhằm giáo dục các thế hệ mới lớn lên, cũng chỉ là một chuyện bình thường trong đời sống của một dân tộc. Song, một bên là những bài diễn văn đầy sáo ngữ, khẩu hiệu, chỉ biết nhắc đi nhắc lại (đôi khi còn đánh bóng thêm) cái huy hoàng của một thời đã lùi xa, một bên là thực tại còn quá nhiều lạc hậu, nghèo khó, cộng sinh với tham nhũng tràn lan, tội ác phát triển ở quy mô lớn, sự tương phản tương cũng dễ thấy! Nhiều nhà nghiên cứu chế độ chính trị ở Liên Xô và các nước Đông Âu từng chỉ rõ: sự độc tôn chiếm lĩnh ngôn từ của xã hội chỉ dẫn đến sự làm mất hoàn toàn ý nghĩa của lời nói. Và từ sự mất hết lòng tin vào những lời vàng ngọc của người cầm quyền, đến sự mù quáng tin vào những lời ngược lại, đến sự bỏ hết các giá trị đạo lý trong cuộc sống, khoảng cách không xa!

Một ví dụ liên quan trực tiếp đến dịp kỷ niệm ngày 30.4 này: những chiêu kích của cuộc chiến cho tới nay không được thừa nhận hoặc bị cố tình che giấu, có nhiều khả năng sẽ bật dậy, nổi lên... như những chiêu kích chính. Khía cạnh « nội chiến », khía cạnh « ý thức hệ » sẽ hiện ra thế nào dưới mắt các thế hệ sinh ra sau chiến tranh, khi trước mắt họ là tham nhũng và tội ác, là các chính sách lạc hậu vẫn tiếp tục được áp đặt, nhân danh « chủ nghĩa xã hội »?

Ba mươi năm, quãng thời gian của hơn một thế hệ đã trôi qua, phải chăng quan trọng hơn rất nhiều việc nhắc đi nhắc lại cái huy hoàng cũ ấy, là việc ngẫm về quá khứ để hiểu được những thất bại đắng cay sau ngày chiến thắng? Hiểu để có thể tìm cách vượt qua những trở lực vẫn kéo dài khiến cho hiện tại còn quá nhiều mảng tối, và hẹp đường hướng tới tương lai.

(xem tiếp trang 12)

## MÙA LEN TRÁU

Cuốn phim của đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh,  
Prix de la Jeunesse au Festival de Locarno 2004  
Prix du Meilleur Réalisateur au Festival de Chicago 2004  
Licorne d'Or au Festival d'Amiens 2004  
Prix du Jury au Festival du Film d'Aventure de Manaus  
2004,

đang được chiếu tại 15 rạp ở Pháp bắt đầu từ ngày  
23.3.2005. Xin vào mạng allocine.com để xem thêm chi  
tiết.

### Lịch trình tàu của NGUYỄN LÊ

**Tháng 4** : 6, 7 : Moscow Hendrix ; 19-31 : « Tiger's Tail »  
tour (Art Lande, Paul McCandless, Patrice Heral) ;  
19, 20 : Sunset, Paris ; 21 : Munich Gaertnerplatz Theater ;  
23 : Schiltigheim, Cheval Blanc, F ; 25 : Luxembourg  
Melusina ; 26 : Mannheim Alte Feuerwache ; 27 : Mainz  
Frankfurter Hof ; 28 : Reutlingen in der Mitte ; 29 : Singen  
Gems ; 30 Lausanne.

Sổ tay sinh hoạt văn hoá được cập nhật thường xuyên  
trên mạng internet : [www.diendan.org](http://www.diendan.org)

Tim đọc báo mạng [www.thoidai.org](http://www.thoidai.org)

## THỜI ĐẠI MỚI

số 4, tháng 3-2005

**Trần Thị Liên** : Vấn đề công giáo miền Bắc Việt Nam qua  
tư liệu lưu trữ Ba Lan (1954-1956)

**Nguyễn Huệ Chi** : Tề tướng và nhà thơ Nguyễn Văn Giai  
(Thử phân tích một hiện tượng tích hợp giữa folklore và  
văn học viết)

**Vĩnh Sinh** : Hội trí thức Meirokusha và tư tưởng khai sáng  
ở Nhật Bản

**Thái Kim Lan** : Khai sáng và tiến bộ công nghệ

**Phạm Quang Diệu** : Chiến lược công nghiệp hoá lan toả -  
Chuyển đổi nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp

**Vũ Quang Việt** : Vấn đề tranh chấp biển Đông

Hội đồng Khoa học :

PHAN ĐÌNH DIỆU • TRẦN HỮU DŨNG • TRẦN HẢI HẠC • LÊ THÀNH  
KHÔI • THÁI THỊ KIM LAN • ALEXANDRE LÊ • NGÔ VĂN LONG •  
NGÔ THANH NHÀN • VĨNH SINH • BÙI VĂN NAM SƠN • NGUYỄN  
MINH THỌ • TRẦN VĂN THỌ • CAO HUY THUẬN • ĐÀO VĂN THỤY  
• NGUYỄN TÙNG • VŨ QUANG VIỆT

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm* : Nguyễn Quang Đổ

*Tổng biên tập* : Hà Dương Tường

*Ban chủ biên* : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

*Ban biên tập, quản lí, kĩ thuật* :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,  
Tuần Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong  
Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,  
Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân,  
Hoài Văn, Kiên Văn, Hải Vân, Hoà Văn

## Bạn đọc & Diễn Đàn

### Thấy vui

Mười ba năm qua, dung nhan diện mạo của tờ báo  
không mấy thay đổi, nhưng nội dung và bút pháp (theo  
thiên ý) có phần phong phú đa dạng hơn xưa : thư từ Mỹ  
của Tiểu Hằng Ngôn (nghe tên là đã thấy vui quá xá rồi !),  
tân mạn (và tình cảm) của Nguyễn Lộc ở Cali, tâm tình  
của bà chị Chân Quỳnh ở Paris (và phản ứng của ông anh  
N. Chi cùng quê Orleans với Đặng Tiến ?), Di sản Champa  
và Nguyễn Đức Hiệp (ở Sydney ?), "Dòng nhớ" miền man  
và Nguyễn Ngọc Tư của đất mũi Cà Mau ... Những cộng  
tác viên này viết bài từ các chân trời khác nhau, mang đến  
cho tờ báo một phong thái đa dạng bổ sung cho cách viết  
"trí thức Paris" của những người sáng lập ra tờ báo. Giáo  
gàn có dịp được ghé thăm Cali hè năm rồi, có thấy được  
một cuộc thi "Bạn đọc viết cho ..." trên một tờ báo địa  
phương và có đọc được một bài tuy hơi đơn sơ về văn  
phong nhưng rất chan hòa về tình cảm. Bài viết ấy nếu  
đem so với "Tết này có lẽ không về được" của bà chị C.Q.  
thì thua kém xa về nội dung lẫn hình thức, nhưng mà như  
ai đó đã nói (hình như là Đ.T. của quý báo) chủ yếu "viết  
là bày trải tâm tình" mà ly !

Giáo gàn (Toulouse, France).

### Chuyện VietNam Airlines và phi trường

Chúng tôi vừa trở lại Đức sau 4 tuần du lịch Việt Nam  
Campuchia với vài người bạn Đức. Siem-Reap, Ankor, Nha  
Trang, Hội An, Huế, Hà Nội...đến tận Sapa hùng vĩ nhưng  
cũng huyền ảo thơ mộng. Nhiều kỷ niệm đẹp khó quên,  
nhưng lại mong sẽ quên được vài điều không đẹp lắm về  
các phi trường đã đi qua, và cái công ty hàng không có ông  
tổng giám đốc "Tôi Chưa Muốn và Tôi Chưa Thích".

Nhờ Trời Phật phù hộ nên chuyến đi bình an trót lọt  
sau khi thoát qua cảnh "xếp hàng" và chen lấn vô trật tự  
của hàng ngàn người trong "Khởi hành sảnh" (Departure  
Hall) ở phi trường Nội Bài. Khác với PT Tân Sơn Nhất ở  
TpHCM, không hiểu sao ở Nội Bài ai muốn vào trong  
cũng được, hàng ngàn thân nhân đứng chật ních từ cửa  
vào, che kín cả các lối vào chỗ *check in*. Mặc dù VN  
Airlines đã mở tất cả 6, 7 quầy *check in* nhưng chúng tôi  
mất gần 90 phút để gói hành lý !

Tại Nội Bài, ngoài cảnh tiễn đưa chen lấn vẫn còn cảnh  
tay xách nách mang hàng 40, 50 kí-lô (như thời những  
năm 80 thế kỷ trước). Rất nhiều người dư quá nhiều kí bị  
buộc phải lấy ra, phải tháo gỡ, bỏ ra bỏ vào, cân đi cân lại,  
đưa cho người nhà còn đứng đầy chung quanh... mở ra  
đóng vào 2, 3 lần mới xong vì hy vọng lấy ra vài kí-lô và  
năn nỉ tiếp thì thế nào cũng lọt... ! Khoảng sau nửa đêm  
nhân viên VN-Airlines mới đến điều chỉnh việc xếp hàng  
cho có chút trật tự.

Đến khâu xếp hàng kiểm tra hộ chiếu, lại phải chờ hơn  
30 phút. Nhưng cũng có vài người không phải xếp hàng,  
không trình hộ chiếu mà được "người nhà" đưa qua mặt  
các quầy kiểm tra vào thẳng bên trong ! Có lẽ họ thuộc  
điện Năm Xê (Con Cháu Các Cụ Cà). Máy bay cất cánh trễ  
đúng 1 giờ chỉ vì người chúng ta tự làm khổ mình !?! Nhớ

năm ngoái, chúng tôi cũng bay từ Nội Bài với Air Thái, vắng vẻ an nhàn thành thói quen. Có lẽ trong vài năm tới, chúng tôi sẽ phải "kính nhi viễn chí" VN Airlines vì một số "kinh (khủng) nghiệm" phải kinh qua trong cả 2 chuyến về và đi.

Trong chuyến đi từ Đức : gần 300 hành khách, trong đó có rất nhiều trẻ con nhỏ xíu, bị "cầm tù/giam lỏng" gần 2 ngày ở Moskau do máy bay có trục trặc kỹ thuật, phải chờ phụ tùng gửi từ Hà Nội qua để sửa. Gần 300 con người bị bỏ mặc trong phi trường từ 19g ngày 27.02 đến 05g sáng hôm sau. Không một thông báo cụ thể rõ ràng, không nước uống (tại phi trường quốc tế Moskau, các quầy bán giải khát và bánh trái không nhận đô-la và đồng Euro, chỉ nhận tiền Rúp và dĩ nhiên là cũng không có quầy đổi tiền !!!), hàng trăm người đói mệt nằm la liệt, hơn 20 trẻ con (từ 3 tháng đến 6, 7 tuổi) khóc lóc thảm thiết vì khát, đói, mệt... Không được tiếp nước uống và không một giọt sữa dù... có tiền ! Khoảng nửa đêm, do tình hình quá bi đát và do nhiều người nước ngoài chất vấn rất căng, các nhân viên của VN-Airlines (1 Việt, 3 Nga) mới đưa mọi người trở vào máy bay ăn tối rồi trở ra chờ tiếp !

Khoảng 3g sáng thì có màn thu hộ chiếu để làm thủ tục đưa về khách sạn, chuyện này chỉ do truyền miệng mà biết chứ không thông báo qua loa phóng thanh. Mọi thông báo đều từ 1 nhân viên người VN và 1 nhân viên người Nga nói cho một số người đứng gần đó rồi từ đó hành khách tự "tuyên truyền rỉ tai" nhau... Nhiều người rất e dè, hoài nghi, vì khi nộp hộ chiếu chẳng ai nhận được biên nhận gì cả. Sau khi nộp hộ chiếu khoảng 1g thì đến màn điểm danh từng người để trả lại hộ chiếu và thêm một mảnh giấy nhỏ của công an để đi ra sảnh bên ngoài chờ xe ca đón về khách sạn. Ra đến sảnh ngoài thì nhân viên VN-Airlines biến đi đâu mất tiêu, hành khách lại tiếp tục cảnh ngồi nằm la liệt... đến gần 5 g sáng mới có tin mọi người phải ra khu cửa phi trường để lên xe về khách sạn, thế là lại lê thê lếch thếch kéo nhau ra, đến gần cửa mới biết là chỉ có 2 xe ca, 1 chiếc 30 chỗ và 1 chiếc 15 chỗ đưa từng nhóm về khách sạn, mọi người phải chờ bên trong vì bên ngoài trời tuyết và nhiệt độ là - 20°C.

Sau khoảng 40 phút xe, từng tốp hành khách về đến khách sạn, lại xếp hàng nộp hộ chiếu để chia phòng, tất cả đều phải ở chung 2 người 1 phòng, nếu không có đôi thì cũng phải ở chung bất cứ ai, dù nam hay nữ... Chúng tôi nhận được phòng và lên giường khoảng 7 h sáng. Và sẽ còn phải chờ hơn một ngày - đêm nữa mới được bay tiếp...

T.K.

### Tin buồn

Được tin

Cụ Hồ Văn Phận

đã từ trần ngày 17.03.2005 tại Paris, hưởng thọ 77 tuổi. Lễ hỏa thiêu đã cử hành ngày 21.03 tại Corbeil Essonnes.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh Hồ Văn Tiên, chị Đỗ Tuyết Khanh và toàn thể gia đình.

## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số ..... )

Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

*Giá mua 1 năm báo (11 số)*

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

**Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : [diendan@diendan.org](mailto:diendan@diendan.org)

Địa chỉ mạng : [www.diendan.org](http://www.diendan.org)

# Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

## Đơn kiện của nạn nhân dioxin Việt Nam bị bác

Với lý do “ không có cơ sở pháp lý ”, thẩm phán toà án liên bang Mỹ ở quận Brooklyn, New York, J.B. Weinstein đã bác đơn của các nạn nhân Việt Nam kiện các công ty hoá chất Mỹ bán chất độc da cam cho chính phủ Mỹ sử dụng trong chiến tranh. Phán quyết dài 233 trang của ông Weinstein được đưa ra ngày 11.3, đúng vào ngày mở đầu một hội nghị quốc tế về chất độc này tại Paris.

Thẩm phán Weinstein cho rằng không thể coi chất làm rụng lá và các loại thuốc diệt cỏ tương tự khác của Mỹ là chất độc bị cấm theo luật quốc tế về chiến tranh, dù chúng có thể gây tác động đáng kể với con người và đất đai. Ông Weinstein viết trong phán quyết : “ Tuyên bố của nguyên đơn là không có cơ sở theo luật của bất kỳ quốc gia hay bang nào, hay hình thức luật quốc tế nào ”.

Đại diện bên nguyên đơn cho biết sẽ chống án. Luật sư William Goodman cho rằng thẩm phán đã mắc “ sai lầm lớn ” khi quyết định chất độc da cam không phải là chất độc. “ Việc sử dụng loại hoá chất này ở Việt Nam là một vụ bê bối ngay từ đầu, và việc toà án không thể bồi thường những sai lầm đó là việc tiếp tục vụ bê bối ”, ông Goodman khẳng định.

Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam đã ra tuyên bố phản đối “ phán quyết phi lý, bất bình thường và không công bằng ” này, và khẳng định “ tiếp tục thúc đẩy vụ kiện cho đến khi nào công lý thắng lợi không chỉ vì cuộc sống của các nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở Việt Nam, mà còn vì quyền lợi ích chính đáng của mọi nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở nhiều nước khác, kể cả ở Mỹ ”.

Trước đó, bộ Tư pháp Mỹ đã hối thúc thẩm phán liên bang bác bỏ vụ kiện. Họ cho rằng việc mở phiên toà xét xử các vụ việc do cựu thù đưa ra sẽ là mối đe dọa với quyền tiến hành chiến tranh của tổng thống (xem ĐĐ số trước). Phán quyết bác bỏ luận điểm này.

Ngày 25.2.2005, ba ngày trước khi phiên toà mở ra, Viện Khoa học về sức khỏe môi trường quốc gia Mỹ (NIEHS) quyết định hủy bỏ hợp tác nghiên cứu theo như văn bản ghi nhớ với VN mà họ ký kết vào ngày 10-3-2002, với lý do là họ “ không nhận được sự hợp tác cần thiết từ phía VN ” (theo New Scientist). Bản ghi nhớ, theo đó Mỹ đồng ý hợp tác và giúp đỡ các nhà khoa học VN nghiên cứu về ảnh hưởng của chất độc da cam, là kết quả của một hội nghị khoa học Việt - Mỹ về ảnh hưởng của chất độc da cam - dioxin diễn ra tại Hà Nội vào tháng 3.2002 với sự tham gia của hơn 300 nhà khoa học châu Á, Âu và Mỹ. Cũng như nhiều nhà khoa học Mỹ, hội “ Vận

động cứu trợ và trách nhiệm đối với nạn nhân chất độc da cam VN (VAORRC) ” đã ra thông cáo “ tổ cáo NIEHS đã làm một quyết định phi pháp, không phải là quyết định của một cơ quan nghiên cứu khoa học vì con người mà là một quyết định phục vụ mưu đồ trốn tránh tội ác của Chính phủ Mỹ và các công ty hóa chất Mỹ trước công luận và trước hàng triệu nạn nhân chất độc da cam VN ”. VAORRC đòi NIEHS tiếp tục thực hiện chương trình giới hạn này, mở rộng nghiên cứu chữa trị cho tất cả nạn nhân và làm sạch môi trường tại VN.

## Hơn nửa triệu người thiếu đói do hạn hán

Theo cục Thủy lợi, đầu tháng 3 năm nay do nắng nóng, khô hạn kéo dài tại các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã làm cho 537.000 người thiếu đói, hơn 1 triệu người thiếu nước sinh hoạt. Sơ bộ, tổng thiệt hại do hạn hán tại 2 khu vực này đã lên tới 1.258 tỷ đồng.

Phần lớn hồ chứa đã xuống dưới mực nước chết hoặc cạn kiệt, nên tình trạng thiếu nước sinh hoạt xảy ra hầu khắp các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai.

Giữa tháng, thủ tướng đã quyết định trích 98 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương hỗ trợ các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nhằm bảo đảm nước ăn cho người, nước uống cho gia súc, hỗ trợ chăn nuôi, sản xuất, phòng chống dịch bệnh và khắc phục hậu quả do hạn hán gây ra.

Tỉnh Ninh Thuận là tâm hạn nên được hỗ trợ nhiều nhất với 20 tỷ đồng, kế đó là Bình Thuận 10 tỷ, Đắk Lắk 15 tỷ, Gia Lai 12 tỷ, Đắk Nông 10 tỷ. Còn lại các tỉnh Kon Tum, Phú Yên, Khánh Hòa, Lâm Đồng, mỗi tỉnh được hỗ trợ từ 5 đến 8 tỷ đồng.

Ngoài ra, Chính phủ quyết định xuất không thu tiền 15.000 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để hỗ trợ các địa phương thực hiện việc cứu đói cho dân. Mức phân bổ cụ thể như sau : Đắk Lắk 4.500 tấn, Đắk Nông, Ninh Thuận mỗi tỉnh 3.000 tấn, Khánh Hòa, Bình Thuận, mỗi tỉnh 1.000 tấn. Còn lại Phú Yên, Lâm Đồng, Kon Tum, Gia Lai được hỗ trợ từ 500 đến 750 tấn gạo.

Ở ngoài bắc, mực nước trên sông Hồng tại Hà Nội xuống thấp nhất từ năm 1963 tới nay. Diện tích mặt nước thu hẹp, các cồn cát nổi cao khiến việc đưa nước tưới dưỡng cho lúa đông xuân và việc lưu thông của tàu bè bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Theo ông Ngô Bá Trác, phó phòng dự báo thủy văn, Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn TƯ, nếu hồ Hòa Bình không xả nước và trời tiếp tục nắng nóng, không mưa như hiện nay thì miền Bắc chắc chắn tái hạn. Diện tích lúa đông xuân mới cấy sẽ khó khăn vì thiếu nước tưới dưỡng. Trước đó, vào tháng 2, khu vực này may mắn thoát hạn nhờ những cơn mưa trái mùa và việc liên tục xả nước hồ Hòa Bình trong 1 tháng.

Theo các hãng thông tấn nước ngoài (Reuter, BBC...), Thái Lan cũng đang phải đối đầu với nguy cơ hạn hán lớn nếu mùa mưa đến muộn, và bộ trưởng Nông nghiệp Sudarat Keyuraphan cho biết có thể Thái Lan sẽ đề nghị

các quốc gia láng giềng cho phép lấy nước từ sông Mekong để chống hạn. « Các biện pháp lâu dài bao gồm cả kế hoạch chuyển nước từ sông Mekong », bà Keyuraphan cho hay. « Có thể chúng tôi phải sử dụng nước từ các dòng sông chảy qua nhiều quốc gia. Chúng tôi sẽ thảo luận với các nước láng giềng về vấn đề này ».

(theo VnExpress 7, 8, 17.3.2005)

### Tai nạn đường sắt : hàng chục người chết

11h50 ngày 12.3.2005, đoàn tàu thống nhất E1, xuất phát từ Hà Nội đi TP HCM lúc 23 giờ đêm hôm trước, đã bị trật bánh, lật đổ ở khoảng giữa hai ga Thừa Lưu và Lăng Cô, thuộc địa phận huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Sau khi bị trật bánh làm đứt toa xe, do quán tính, đầu máy và toa số 1, 2 của tàu E1 tiếp tục chạy thêm một đoạn khá xa. 8 trên tổng số 13 toa xe của tàu bị hất văng ra bìa rừng phía vịnh Lăng Cô. Trong đó, có 1 toa xe đứt hẳn, văng xuống sát mép nước vịnh.

Ông Khuất Hữu Tú, trưởng văn phòng đại diện Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Đà Nẵng, người có mặt tại hiện trường, cho biết có ít nhất 9 người chết tại chỗ, 4 người chết trên đường đi cấp cứu và hàng trăm hành khách bị thương.

Khoảng 70 người bị thương nặng đã được chở đến cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng (31 người), bệnh viện Đa khoa Huế (27 người), bệnh viện Giao thông vận tải 5 ( người) và Trung tâm Y tế Phú Lộc, Huế (4 người). Trong số này có nhiều người bị rất nặng (chấn thương sọ não, cột sống, tay chân dập nát).

Công tác cứu hộ gặp khó khăn do khu vực xảy ra tai nạn nằm xa khu dân cư, cách quốc lộ 1A và thị trấn Lăng Cô 20 phút đi bằng ghe máy. Phương tiện duy nhất đưa người bị nạn cùng hành khách ra khỏi hiện trường là ghe máy và ca nô để vượt vịnh Lăng Cô.

Hàng chục ghe máy, tàu đánh cá của ngư dân đậu gần vị trí bị nạn đã xông lên ứng cứu kịp thời trước khi cơ quan chức năng có mặt. Nhờ thế số người chết giảm đi đáng kể.

Tai nạn đã làm gián đoạn tuyến đường sắt Thống Nhất. Hiện chuyến tàu S8 từ TP HCM ra Hà Nội đang phải nằm chờ tại ga Lăng Cô và tàu S3 từ Hà Nội vào TP HCM phải nằm tại ga Thừa Lưu.

Về việc bảo hiểm cho hành khách, theo ông Nguyễn Tiên Hiệp, phó chánh văn phòng Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, tất cả khách đi tàu được mua bảo hiểm tại Công ty PJIICO thông qua giá vé. Theo quy định, người chết được chi trả 30 triệu đồng/người, người bị thương được lo toàn bộ viện phí. Riêng phía đường sắt đã hỗ trợ 1 triệu đồng cho gia đình có người thiệt mạng để lo ma chay.

Đánh giá về mức độ thiệt hại của vụ đổ tàu E1, Tổng công ty đường sắt Việt Nam cho biết đây là vụ thảm khốc nhất trong ngành suốt gần 30 năm qua. Năm 1978, một chiếc tàu khách đâm vào tàu hàng ngay tại đoạn đường sắt bắc ngang đường Điện Biên Phủ, Hà Nội, với số người chết và bị thương gấp nhiều lần so với vụ đổ tàu

E1. Mãi đến năm 1995, ngành đường sắt mới giải quyết xong hậu quả (lo cho con em nạn nhân đến tuổi trưởng thành).

**Nguyên nhân đổ tàu :** Chạy quá 72 % tốc độ quy định.

Kết quả đọc "hộp đen" cho thấy, tại khu vực xảy ra tai nạn đoàn tàu đã phóng với tốc độ 68-69 km/giờ trong khi tốc độ quy định cho phép tối đa là 40 km. « Cho đến lúc này chúng tôi có thể khẳng định việc đoàn tàu đã chạy quá 72 % tốc độ quy định chính là nguyên nhân trực tiếp gây nên sự cố lật tàu », ông Nguyễn Thanh Toàn, phó giám đốc Công an tỉnh Thừa Thiên - Huế, cho biết chiều ngày 15.3.

Theo quy định của pháp luật, trước mắt trưởng tàu và lái tàu sẽ là người trực tiếp chịu trách nhiệm về sự cố này. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam lái tàu chính Bùi Thái Sơn về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt, theo điều 208 Bộ luật hình sự. Ông Sơn, năm nay 43 tuổi, vào ngành đường sắt từ năm 1985 và trực tiếp lái tàu từ năm 1991 và là tài xế bậc 3 (bậc cao nhất). Sau hơn 2 tiếng trả lời thẩm vấn, ông thừa nhận đã cho tàu chạy quá tốc độ quy định, khi phát hiện ra sự cố đã không kịp phanh để xử lý gây ra tai nạn thảm khốc. Theo lời khai, trước đó, ông không hề uống rượu bia.

Trả lời câu hỏi của VnExpress (21.3) về trách nhiệm của người lái trong tai nạn này, nhiều người lái tàu Thống nhất nói lên áp lực quá lớn khi phải tôn trọng biểu đồ chạy tàu trong khi các điều kiện bảo đảm an toàn chưa được cải thiện. Theo lái tàu Nguyễn Văn Thanh, « biểu đồ tàu 29 giờ hơi chặt nhưng hoàn toàn thực hiện được nếu ý thức người dân tốt hơn. Đường sắt là đường độc đạo, được ưu tiên nhưng người dân không chịu nhường tàu hỏa, thấy tàu sắp đến vẫn cố vượt qua. ». Một người khác nói : « Nỗi kinh hoàng của chúng tôi là khi qua đường ngang. Tôi đã từng cán chết vài người, gia súc thì không thể nhớ nổi. Nhìn thấy cái chết trước mặt nhưng vẫn phải băng qua, hăm gập sẽ đổ cả đoàn tàu. Có những cung đường chạy 70 km/h vẫn thấy an tâm vì chất lượng đường tốt, ít đường ngang ».

Về phần mình, nhà báo Huỳnh Hoa, của Thời báo Kinh tế Sài Gòn (số 12-2003), nhấn mạnh : « trong thành tích ấn tượng của ngành đường sắt vẫn hàm chứa quá nhiều rủi ro : tốc độ chạy tàu liên tục tăng lên trong khi nền đường sắt lại không được nâng cấp tương ứng, hành lang an toàn liên tục bị lấn chiếm, hệ thống thông tin tín hiệu lạc hậu... Chúng ta vẫn dùng đường tàu khổ 1 mét mà người Pháp xây dựng cách đây gần thế kỷ, hoạt động "duy tu, bảo dưỡng" chỉ là thay thế, sửa chữa cục bộ những chỗ hư hỏng - về cơ bản hệ thống đường tàu vẫn như cũ, không được đầu tư để xây dựng thêm hoặc thay thế bằng một đường tàu mới, phù hợp hơn với lưu lượng và tải trọng đã tăng gấp nhiều lần của các đoàn tàu ». Nhà báo viết tiếp : « rồi đây người lái tàu Bùi Thái Sơn sẽ phải trả lời trước pháp luật về lý do chạy tàu quá tốc độ cho phép. Nhưng ngành đường sắt cũng không thể rũ bỏ trách nhiệm khi để ra chủ trương rút ngắn thời gian chạy tàu xuống 28 giờ khi cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng. Vụ tai nạn thương tâm này phải chăng cũng là một bài học nữa về căn bệnh thành tích trong xã hội chúng ta. »

## Đằng sau vụ án nhà báo Lan Anh : « bí mật » nào của nhà nước ?

Hai tháng sau khi quyết định khởi tố nhà báo Nguyễn Thị Lan Anh, vào đầu tháng 1.2005, về tội « *chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước* » [xem *Diễn Đàn* số 148], bộ công an đã yêu cầu Viện kiểm sát tối cao truy tố phóng viên của báo *Tuổi Trẻ* phụ trách theo dõi con sốt giá thuốc tây từ năm 2003 đến nay. Cùng bị đề nghị truy tố trong vụ án này còn có ông Nguyễn Mạnh Cường, cán bộ phòng hành chính bộ y tế. Theo cơ quan an ninh điều tra, ông Cường đã sao chụp cho nhà báo Lan Anh công văn ngày 19.5.2004, có đóng dấu « mật », của bộ trưởng Trần Thị Trung Chiến đề nghị thủ tướng chính phủ giao cho bộ kế hoạch - đầu tư thanh tra toàn diện Zuellig Pharma, một công ty nước ngoài giữ độc quyền phân phối tân dược ngoại nhập ở Việt Nam.

Cũng theo cơ quan điều tra, phóng viên Lan Anh đã sao chụp lại công văn này cho hai phóng viên khác, Đỗ Trung Hiếu (báo *Nhân Dân*) và Đặng Thị Thanh Tâm (báo *Lao Động*). Ngày 20.5.2004, cả ba tờ báo *Tuổi Trẻ*, *Nhân Dân* và *Lao Động* đều đưa tin bộ y tế trình thủ tướng công văn nói trên. Về phần nhà báo Lan Anh thì khẳng định bản tin đăng trên báo *Tuổi Trẻ* được bà viết trên cơ sở những phát biểu công khai của quan chức bộ y tế tại một cuộc họp báo ba tuần trước đó, và không có ai cung cấp cho bà bản sao công văn 19.5 cả. Riêng hai nhà báo Trung Hiếu và Đan Tâm không bị truy tố sau khi khai với công an đã nhận bản sao công văn bộ y tế từ đồng nghiệp Lan Anh.

Sự kiện phóng viên *Tuổi Trẻ* Lan Anh bị truy tố đã gây cảm chấn lớn trong giới nhà báo và luật gia. Dự luận cho rằng người phải ra trước vành móng ngựa không thể là nhà báo Lan Anh mà phải là những ai trong bộ máy chính quyền và trong các doanh nghiệp dược phẩm đã tạo nên con sốt giá thuốc ngoại nhập và để cho nó kéo dài suốt hai năm qua. Mặc dù không được phép bàn luận về vụ án Lan Anh, báo *Đại Đoàn Kết* đã lên tiếng, phân tích rằng : « *Dù nhân danh bất cứ lợi ích nào, cũng chưa thể chấp nhận các lý lẽ (cho) một vụ án như vậy (hình thành) .* ». Nhà báo Lê Phong còn cho viết rằng sự kiện truy tố nhà báo Lan Anh « *có thể hiểu là một kiểu thức bao che cho tiêu cực trước công luận, cho dù về kỹ thuật chấp pháp, cơ quan điều tra có thể tìm ra nhiều lý lẽ để cột hành vi này vào một điều khoản nào đó của tội hình sự ; bởi vì kể cả trong trường hợp đó, cơ quan điều tra và cơ quan yêu cầu điều tra chưa minh chứng rõ động cơ của cuộc điều tra* ». Nhà báo còn nhắc lại một vụ án về bí mật nhà nước xảy ra cách đây vài năm. Khi ấy báo đăng tin : Thủ tướng đồng ý cho điều tra hành vi của một người lừa đảo nhiều ngân hàng ở Hà Nội. Tờ báo lập tức bị khởi tố vì xâm phạm tới bí mật văn bản của văn phòng thủ tướng. Còn người lừa đảo, dính líu tới nhiều quan chức thành phố Hà Nội thời ấy, cho tới nay người ta không biết có bị xử lý hình sự hay không ? Bài bình luận nêu câu hỏi : « *Ai bảo vệ pháp luật, bảo vệ thể chế trong trường hợp này ?* ».

Trong vụ án hiện nay, theo đề nghị của báo *Tuổi Trẻ*, hai luật sư ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông Huỳnh Quý và

ông Trần Văn Tạo, đã nhận đứng ra bào chữa cho nhà báo Lan Anh. Nguyên phó giám đốc sở công an TPHCM và nguyên uỷ viên thường vụ thành uỷ, trưởng ban văn hoá tư tưởng thành uỷ TPHCM, ông Trần Văn Tạo hiện hành nghề luật sư tại văn phòng J & J mà trưởng văn phòng là luật sư Huỳnh Quý, nguyên phó tổng biên tập báo *Pháp Luật Thành phố Hồ Chí Minh*. Khi nhận bào chữa, luật sư Tạo nói rằng : « *Việc truy tố (nhà báo Lan Anh) không chỉ là vấn đề của riêng một tờ báo, mà sẽ ảnh hưởng tới tác nghiệp của báo giới nói chung* ».

Đối với số đông người dân, « *bí mật nhà nước* » mà người ta tố là nhà báo Lan Anh đã « *chiếm đoạt* » thật ra chẳng xa lạ gì. Đó là sự bao che cho những hành động đầu cơ, lũng đoạn thị trường tây dược của công ty

### Một chuyện ghi lúc 0g ngày 8-3

Đôi khi người ta mất ngủ và không thể ngủ dù đã nốc hết một lít nước, đi loanh quanh nhà 20 vòng hoặc nằm đếm từ 1-1.000.

Nhưng tại sao lại cứ phải ngủ? Bút Bi tôi ngồi dậy gọi điện cho lão nhà văn của Đất nước đứng lên, hi vọng ông cũng mất ngủ. Bi tôi muốn trò chuyện cùng ông về một người phụ nữ. Bà ấy đang ở Mỹ, theo hành trình đi tìm công lý cho đồng bào nạn nhân chất độc da cam.

Cuộc đời vị nữ bác sĩ đất Quảng đi qua chiến tranh này giống như một cuốn tiểu thuyết. Nhưng bà không bao giờ nói về mình, về những điều kỳ lạ và những nỗi đau chiến tranh mà người phụ nữ đã gánh chịu. Cái bà muốn bây giờ là một phiên tòa lịch sử, là công lý và sự thật cho mấy triệu đồng bào nạn nhân.

Lão nhà văn đã tắt máy di động. Có lẽ ông đã ngủ hoặc ở đâu đó ngoài vùng phủ sóng. Nhưng không sao, có một người phụ nữ trẻ khác luôn biết vị nữ bác sĩ kia ở đâu, làm gì trong những ngày này. Tin tức về vụ kiện da cam đã khiến họ liên lạc thường xuyên với nhau, gần như mỗi ngày. Người phụ nữ trẻ đó là một đồng đội của Bút Bi tôi - phóng viên Lan Anh.

“ *Cô Phi Phi thế nào rồi ?* ” - Bi tôi nhắn tin. “ *Cô ấy vẫn khỏe. Hôm nay cô ấy vừa tham dự cuộc phát động chiến dịch rộng lớn tại Mỹ nhằm thu thập 1 triệu chữ ký...* ”. “ *Hãy gửi cô ấy lời chúc nhân ngày 8-3* ”. “ *Vâng, em nhớ* ”. “ *Các anh cũng chúc em những điều tốt lành nhân Ngày quốc tế phụ nữ* ”. “ *Vâng, cảm ơn các anh chị trong Sài Gòn* ”.

Điều tốt lành nhân ngày 8-3 ư ? Lạ trời cho cô phóng viên chân chất ấy đừng bật khóc vì lời chúc đó. Cô đã khóc quá nhiều trong cuộc đời quá ư gian nan khổ sở của mình rồi.

Nhưng, cô ấy đã gạt nước mắt để bước vào công việc hằng ngày, tiếp tục chuyển đến bạn đọc hình ảnh của nữ bác sĩ Phi Phi đi tìm công lý trên đất Mỹ, để đưa đứa con 4 tuổi đến trường, và giữ sự bình yên cho đứa con tương lai đang còn là bào thai chưa tròn bốn tháng.

(**Bút Bi** , *Tuổi Trẻ* 9.3.2005)

Zuellig bởi những thế lực ở cấp chính trị cao nhất [xem *Diễn Đàn* số 148]. Nếu không thì làm sao giải thích rằng : chính thủ tướng Phan văn Khải đã phải ký công văn cho phép tiến hành việc truy tố nhà báo Lan Anh ? Bí thư Nguyễn Khoa Điềm, trưởng ban văn hoá tư tưởng trung ương Đảng, phải ra lệnh cấm báo chí tuyệt đối không được viết về vụ án Lan Anh ? Luật sư Trần Văn Tạo bị sức ép từ chính quyền để ông không tiếp tục bào chữa cho nhà báo Lan Anh ?

[Tuổi Trẻ Online 8, 10 và 11.3 ; Thanh Niên 11.3 ; Pháp Luật TPHCM 10.1.05 – MA tổng hợp và bình luận]

### **Khoảng cách giàu nghèo tiếp tục tăng nhanh**

Tổng cục thống kê đã công bố hệ số chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam năm 2002 : chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người của 20 % hộ giàu nhất so với 20 % hộ nghèo nhất đã lên đến 8,1 lần. Như vậy, mức độ bất bình đẳng về thu nhập của Việt Nam đã tăng ngang mức bình quân ở các nước ASEAN khác : Thái Lan (hệ số : 8,3), Singapore (9,7), Malaysia (12,4), Indonesia (5,2), Philippines (9,7).

Song, điều đáng chú ý nhất là khoảng cách giàu nghèo đã không ngừng tăng và tăng nhanh, từ khi Việt Nam bước vào kinh tế thị trường : năm 1990, hệ số chênh lệch thu nhập là 4,1 lần, năm 1991 là 4,2 lần, năm 1993 là 6,2 lần, năm 1994 là 6,5 lần, năm 1995 là 7 lần, 1996 là 7,3 lần, năm 1999 là 7,6 lần, năm 2002 hệ số là 8,1 và đến nay chắc đã cao hơn thế. Ngoài ra, số liệu thu nhập ở Việt Nam không thể chính xác vì các hộ, nhất là các hộ giàu, có nhiều khoản thu phi chính thức, ít nhiều bất hợp pháp, không đưa vào thống kê.

Trong các nước kém phát triển, tất nhiên, có nhiều nước phân hoá giàu nghèo hơn Việt Nam như Trung Quốc (hệ số : 10,7), Brasil (31,5) hay Nam Phi (33,6). Nhưng so với các nước công nghiệp phát triển, mức chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam xấp xỉ mức của Hoa Kỳ (hệ số : 8,4) là nước vô địch về bất bình đẳng xã hội. Tại phần lớn các nước phát triển khác, chênh lệch thu nhập giữa 20 % giàu nhất và 20 % nghèo nhất khoảng 4 lần (Nhật Bản, Đức) hay 5 lần (Pháp, Canada).

[Thời báo Kinh tế Sài Gòn 3.3.05]

### **Bó tay trước nạn sách lậu ?**

Theo bà Quách Thu Nguyệt - giám đốc NXB Trẻ, khoảng thời gian giáp Tết, khi đi tìm hiểu thị trường tại Hà Nội, bà thấy sách của NXB Trẻ bị in lậu và bày bán tràn lan, nhất là ở các khu vực đường Láng, Đinh Lễ, Nguyễn Xí, Bà Triệu, Hoàng Hoa Thám... Có đến 10 tựa sách của NXB Trẻ bị in lậu mà hầu hết thuộc loại bán chạy như : Quà tặng của cuộc sống, Dạy con làm giàu (tập 1 và 2), Tư duy lại tương lai, Dám thất bại, Những câu chuyện về người thầy, 10 điều tạo nên số phận... Ngay cả truyện Harry Potter tập 5 (Mệnh lệnh phượng hoàng) mà NXB Trẻ đã mua tác quyền cũng bị NXB Văn hóa Thông tin in lậu, bị cấm phát hành nay tái xuất hiện ở các nhà sách.

Giá sách "luộc" vẫn đắt như thường, chỉ người đọc và nhà sản xuất bị thiệt. Nhà sách Đinh Lễ thậm chí còn bán

sách của NXB Trẻ giảm giá 20 %, điều mà chính NXB Trẻ còn chưa thực hiện được. " *Bọn in lậu sách thường chiết khấu cho đại lý rất cao, từ 60-70 % giá bìa, bởi vì họ đâu phải trả tác quyền, đóng thuế... Cho nên nhiều đại lý vẫn nhận bán, dù biết là sách lậu* ", bà Nguyệt nói.

Các sản phẩm "luộc" hình thức không khác gì sản phẩm thật, có khi người của NXB còn chưa phân biệt được. Bà Thu Nguyệt nhấn mạnh, độc giả khi mua sách hãy chú ý đến chất lượng giấy (sản phẩm thật giấy tốt hơn) và kỹ thuật in. Tuy nhiên, cao thủ hơn, hàng loạt cuốn sách trên dán tem in lậu được sản xuất bằng công nghệ hologram, có điều, chữ "NXB Trẻ" in mảnh nét hơn mà thôi. Điều này khiến NXB Trẻ đau đầu và đã báo cho thanh tra của bộ VHNT (NXB VHNT, một trong những nơi in lậu sách, là cơ sở thuộc bộ này !).

Hiện tại, khó có thể đưa ra con số cụ thể về mức độ thiệt hại của NXB Trẻ. Tuy nhiên, theo bà Nguyệt, thông thường những cuốn sách bán chạy nếu không bị ăn cắp bản quyền thì có thể được tái bản ít nhất năm lần, mỗi lần khoảng hai, ba ngàn bản ; còn nếu bị "luộc" thì chỉ tái bản được khoảng hai lần. Thiệt hại rất lớn.

Giám đốc NXB Trẻ cũng cho biết, đầu năm nay, NXB Trẻ đã thu nhiều kết quả trong việc đàm phán, ký kết chuyển nhượng tác quyền với các tác giả, nhà xuất bản trong và ngoài nước. Trong số này, đáng kể là ba hợp đồng với Larousse (Pháp) - một "đại gia" về từ điển - và một hợp đồng với Andrew Nurberg Associates - một nhà xuất bản "khó tính" nhất của Úc mà nếu hợp tác được thì coi như đã mở cánh cửa vào thị trường sách của nước này. Với Larousse, NXB Trẻ mua bản quyền dịch và xuất bản ba quyển từ điển Pháp - Việt, Anh - Việt và bách khoa toàn thư cho trẻ em ; còn với Andrew Nurberg Associates là bản quyền bộ sách truyện thiếu nhi Dragon Rider (Kỵ sĩ rồng). Ngay trong Hội thảo về bản quyền sách văn học Việt - Mỹ mới đây, NXB Trẻ đã đạt được thỏa thuận nhượng quyền 10 đầu sách của NXB John Wiley & Sons (Mỹ), một bộ giáo trình tiếng Anh của NXB Đại học Cambridge (Anh) và đã thống nhất nguyên tắc hợp tác xuất bản một bộ sách quản lý kinh tế (24 tập) với Mc GrawHill.

" *Chúng tôi nghiêm túc mua bản quyền, nhưng ai sẽ bảo hộ bản quyền cho chúng tôi ?* ", bà Nguyệt thốt lên.

Sau khi nhấn mạnh rằng những người làm ăn tử tế luôn cố giữ gìn uy tín, tuân thủ pháp luật và nỗ lực làm ra những sản phẩm tốt cho xã hội, còn kẻ làm ăn bất chính thì "vô tư" hưởng thụ công sức của người khác, ngang nhiên thách thức pháp luật - ngay cả sau khi Việt Nam đã cam kết thực thi Công ước Berne, báo Tuổi Trẻ đặt câu hỏi : *Nếu cứ tiếp tục kêu gọi "ý thức" và phạt hành chính đối với kẻ cố tình phạm pháp để hưởng lợi gấp nhiều lần thì sẽ bảo hộ được ai ?*

Một tuần sau buổi họp báo kêu cứu của giám đốc NXB Trẻ, một người yêu sách, ông Nguyễn Hùng Trương, nguyên chủ nhà sách Khai Trí uy tín bậc nhất ở miền Nam hồi trước, đã ra đi. Sau 5 năm xuất ngoại để đoàn tụ với vợ con ở Mỹ, ông Khai Trí đã trở về nước

năm 1996. Từ đó, ông vẫn đeo đuổi một giấc mơ : gây dựng lại một nhà sách. Ông từ trần khi giấc mơ còn chưa thể thực hiện, thọ 80 tuổi.

(Theo các báo Lao Động, Tuổi Trẻ 5.3, Tuổi Trẻ 12.3.2005)

## Bộ Giáo dục đã "buông" hồ sơ ĐKDT

Trên đây là tựa một bản tin của báo điện tử VietNamNet ngày 26.1.2005, theo đó phó vụ trưởng vụ Đại học và sau Đại học Ngô Kim Khôi cho biết, bộ GD-ĐT đã có công văn số 345/DH&SDH chính thức giao việc in và phát hành hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT) ĐH, CĐ cho các sở GD-ĐT. Bộ sẽ gửi mẫu hồ sơ cho các sở GD-ĐT sau ngày 02/02/2005, tức là sau hội nghị tuyển sinh.

Các sở GD-ĐT sẽ chủ động tổ chức việc in và phát hành, trừ khi gặp khó khăn thì mới yêu cầu vụ ĐH và sau ĐH giúp đỡ giải quyết.

Những năm trước, bộ GD-ĐT đảm nhiệm công việc in và phát hành hồ sơ ĐKDT này và phân phối thông qua các sở. Năm nay, bộ chỉ giữ cho mình trách nhiệm in và phát hành cuốn sách *Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ 2005* và *Quy chế tuyển sinh ĐH 2005*.

Ông Lê Tiến Hưng, giám đốc sở GD-ĐT Nghệ An cho biết, đây là một cải tiến của bộ. Lợi ích rõ nhất là giảm được một khoản chi phí vận chuyển hồ sơ từ Bộ GD-ĐT về các địa phương. Việc in ấn hồ sơ này không khó bởi nhiều địa phương đã có các nhà xuất bản và cơ sở in đảm nhiệm tốt.

Ông Nguyễn Văn Ngai, phó giám đốc sở GD-ĐT TpHCM nhận xét : « *Khi được giao mẫu, mỗi địa phương sẽ được chủ động hơn trong khâu in ấn, cách thức phát hành, không phải ngồi đợi hồ sơ "rớt" về từng đợt như trước* ».

☞ Nhưng đó chỉ là những nhận xét hiển nhiên. Đi vào chi tiết hơn, tờ báo cho biết, mỗi bộ hồ sơ được tính giá thành 900 đồng và bán tới học sinh với giá 1.200 đồng. Năm 2004, có hơn 1,5 triệu hồ sơ ĐKDT vào các trường ĐH, CĐ được bán ra, mang về cho vụ ĐH một khoản lời 450 triệu đồng. Không biết có phải vì con số này mà các quan chức của bộ GD-ĐT giữ riết từ nhiều năm nay « trách nhiệm » in và phát hành mẫu ĐKDT hay không. Còn việc cứ mỗi năm mỗi thay đổi các quy chế thi cử, tuyển sinh, bản tin của VietNamNet không nói rõ giá thành và giá bán của các cuốn best-seller *Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ 2005* và *Quy chế tuyển sinh ĐH 2005*, nên người đánh máy cũng không thể nói gì hơn. Có thể đó là những thông tin « mật » ?

## Đôi Vọng Cảnh : Chính trang không có nghĩa là xây khách sạn

LTS. Dư luận trong nước, đặc biệt là dư luận Huế, sôi sục từ nhiều tháng nay về một dự án xây khách sạn trên đồi Vọng Cảnh, do công ty du lịch Hương Giang liên doanh với một đối tác Hà Lan làm chủ đầu tư. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép, bất chấp sự phản đối của nhiều nhà văn hoá, và cả của sở Xây dựng và sở Văn hóa. Hai sở này đã khuyến cáo « *nếu triển khai là vi phạm pháp luật (như Luật di sản, quyết định quy hoạch của tỉnh...)* ». Sự việc đang

chờ « phán quyết » của thủ tướng. Dưới đây là một bài viết nhỏ trên báo *Doanh Nhân Sài Gòn* ngày 16.3.2005, có thể soi sáng một khía cạnh của vấn đề.

Lý do để một dự án liên doanh trở nên âm ỉ, theo như phản ánh của các đại biểu trong cuộc họp về đồi Vọng Cảnh Huế mới đây, là ngọn đồi di sản văn hoá - lịch sử này đã bị công ty du lịch địa phương 'đi đêm' nên một đơn vị nước ngoài 'phòng tay trên' để xây khách sạn kinh doanh du lịch.

Là người con xứ Huế xưa, lúc nào có dịp về thăm quê, tôi cũng leo lên đồi Vọng Cảnh để ngắm cảnh sắc thay đổi theo màu nước Hương giang uốn lượn từ dải Trường Sơn đổ ra phá Tam Giang. Vào thời điểm giao mùa thu - đông, đứng trên đồi Vọng Cảnh còn băng khuâng theo tiếng sấm âm vang, như muốn thúc giục đàn chim trời từ biển trở về nguồn.

Lần mới nhất tôi về, thấy đồi phải vây kềm gai để bảo toàn những hàng thông non mới trồng, trên đồi lỗ chỗ hang hốc, pháo đài của chế độ cũ còn lại và mồ mả lộn xộn. Quả tình là đồi Vọng Cảnh phải chỉnh trang, nhưng không phải đem giao cho người ta xây khách sạn, dưới lớp vỏ liên doanh.

Thuật ngữ 'liên doanh' đã từng được không ít nhà tư bản định nghĩa như sau : Khi bạn muốn chiếm một vị trí tốt, một thị trường béo, nếu khó quá thì cách hay nhất là cứ liên doanh với họ, thế là xong !

Lê Văn Sâm

## TIN NGẮN

\* Trong hai tháng đầu năm 2005, khối lượng **dầu thô xuất khẩu** đạt 3,13 triệu tấn, giảm 5,3 % so với cùng thời kỳ năm trước. Tuy nhiên, do giá dầu thế giới lên cao, giá trị xuất khẩu tăng tới 30,6 % so với cùng kỳ, đạt 1,017 tỉ USD, chiếm 25 % tổng kim ngạch xuất khẩu. Việt Nam dự kiến sẽ xuất khẩu 20 triệu tấn dầu thô trong năm 2005, tương đương mức của năm ngoái, với giá dầu dự báo vẫn ở mức cao.

\* Năm 2004, **sản lượng gạo** đã đạt đến 36 triệu tấn, tăng 1,3 triệu tấn so với năm trước, mặc dù diện tích canh tác có giảm 160 ngàn ha. Năm 2004 cũng là năm đầu tiên xuất khẩu được 100 000 tấn gạo thơm, một con số kỷ lục (tăng lên hơn gấp 3 lần so với năm trước) cho phép Việt Nam cạnh tranh với gạo Thái Lan trên thị trường thế giới. Trong hai tháng đầu năm 2005, lượng gạo xuất khẩu (482 ngàn tấn) tăng 23 %, kim ngạch (123 triệu USD) tăng 37 % so với cùng thời kỳ năm 2004.

\* Giáo sư **Hoàng Phê** đã từ trần ngày 29-1-2005 tại Hà Nội. Ra đi ở tuổi 86, GS Hoàng Phê đã có gần 60 năm cống hiến cho sự nghiệp ngôn ngữ học, cho việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chuẩn hóa và phát triển tiếng Việt. Các tác phẩm chính của ông gồm có : *Từ điển chính tả phổ thông* (đồng tác giả, 1963), *Từ điển chính tả tiếng Việt* (đồng tác giả, 1985), *Từ điển tiếng Việt* (chủ biên, 1988, tái bản liên tục cho đến nay) ; *Logic ngôn ngữ học* (1989, tái bản 2003) ; *Từ điển văn* (1996) ; *Chính tả tiếng Việt* (1999)...



## Paul Wolfowitz, chủ tịch Ngân hàng Thế giới ?

Tiểu Hằng Ngôn

Bạn quý,

Trong tháng 3 vừa qua, có lẽ hai sự kiện nói lên khá rõ chính sách ngoại giao của Mỹ là việc Bush đề cử John Bolton làm đại diện Mỹ ở Liên Hợp Quốc (LHQ) và Paul Wolfowitz làm chủ tịch Ngân hàng Thế giới (WB – World Bank) thay thế James Wolfensohn khi ông này mãn nhiệm vào tháng 6 năm nay. Nếu bạn theo dõi chính trị Mỹ mấy năm gần đây thì hẳn bạn còn nhớ Bolton và Wolfowitz là hai nhân vật đầu đàn điều hâu tân bảo thủ (xem Tiểu Hằng Ngôn, “Điều hâu Mỹ, ai là ai?” trên *Diễn Đàn* số 124, tháng 4/2003, và Trần Hữu Dũng, “Tân bảo thủ và chính sách ngoại giao Mỹ hiện nay,” *Thời Đại Mới* số 1, tháng 3/2004).

John Bolton ? Người đã từng tuyên bố rằng “không có cái gì gọi là LHQ cả”, rằng “nếu trụ sở LHQ ở New York có mất đi 10 tầng thì cũng không hề hấn chi”, rằng “ngày Mỹ rút khỏi hiệp ước thiết lập Toà án Tội phạm Quốc tế là ngày hạnh phúc nhất đời tôi”? Trong một chính phủ chủ trương hành động đơn phương, John Bolton là kẻ quyết liệt chống đa phương hơn ai hết. (Người đỡ đầu Bolton là cựu nghị sĩ cực bảo thủ Jesse Helms, luôn ngăn chặn Mỹ đóng niên liễm cho LHQ.) Vậy mà Bush lại cử ông ta làm đại diện Mỹ ở tổ chức quốc tế này thì quả là một sự khinh miệt công khai, khó tưởng tượng. (Cũng nên nói thêm là Bolton cực lực ủng hộ Đài Loan trở thành một quốc gia độc lập. Bush nghĩ gì khi phái ông này đến LHQ trong khi cần sự cộng tác của Trung Quốc trong vấn đề Bắc Triều Tiên?)

Nhưng dù sao thì Bolton sẽ chỉ là đại diện Mỹ (và trước đây cũng đã có nhiều đại diện Mỹ như Daniel Patrick Moynihan, Jeanne Kirkpatrick, có ác cảm với LHQ), đề cử Paul Wolfowitz vào chức vụ điều hành Ngân hàng Thế giới lại là chuyện khác.

Chắc bạn còn nhớ thứ trưởng quốc phòng Wolfowitz? Ông ta là một cột trụ của nhóm “tân bảo thủ” trong chính phủ Bush, là “bộ óc” đằng sau chiến lược xâm chiếm Iraq, “vẽ lại bản đồ Trung Đông” bằng vũ lực của Mỹ. Giao cho người như thế trọng trách giúp đỡ các quốc gia đang nghèo nàn, chưa phát triển, thì có khác chi giao trứng cho

ác ? Hơn nữa, nhiều người còn nhớ Wolfowitz cũng là đồng tác giả “Defense Planning Guidance” của Lầu Năm Góc dưới thời Bush cha. Tài liệu này kêu gọi Mỹ không cho bất cứ nước nào (cả bạn lẫn thù) đủ mạnh để thách thức địa vị độc tôn của Mỹ. Chẳng trách khi nghe tin Wolfowitz được đề cử làm chủ tịch Ngân hàng Thế giới lắm người chỉ biết ngửa mặt kêu trời!

Khách quan thử hỏi, trước hết, Wolfowitz có khả năng và kinh nghiệm gì cho chức vụ ấy ? Những người phản đối việc đề cử này chỉ rõ là ông hiểu biết rất hạn chế về lĩnh vực kinh tế tài chính, ít quen thuộc và cũng không tỏ vẻ quan tâm gì đến các vấn đề phát triển. Cho đến nay, Wolfowitz chỉ chuyên về quân sự và chiến lược. Phe ủng hộ Wolfowitz thì nhắc đến mấy năm ông làm đại sứ ở Indonesia, kinh nghiệm thực tế về phát triển kinh tế có thừa!

Ai cũng nhìn nhận rằng Wolfowitz là một trí thức cỡ lớn, song những người không thích ông thì cho là ông quá ngây thơ, khả năng phán đoán đáng ngờ vực. Không ai quên được những tiên đoán quá sai lầm của Wolfowitz về chiến tranh Iraq (rằng dân Iraq sẽ dâng hoa đón chào lính Mỹ, rằng Mỹ không cần đến mấy trăm ngàn quân để bình định Iraq, rằng tiền dầu lửa Iraq sẽ dư trả kinh phí chiến

tranh). Về tài quản lí của Wolfowitz thì, theo nhiều nhân viên của Lầu Năm Góc, cũng không có gì sáng chói. Là thứ trưởng, đáng lẽ phải lo điều hành thì ông chỉ lưu tâm đến chính sách, bỏ mặc cho lãng phí, tham ô tràn lan trong chính Bộ Quốc phòng của ông.

Song, quan trọng hơn ngò vực về khả năng và kinh nghiệm của cá nhân Wolfowitz là quan ngại về

chính sách của Ngân hàng Thế giới dưới sự lèo lái của ông. Điều mà mọi người đều tiên đoán là Wolfowitz sẽ dùng tổ chức này làm công cụ cho Mỹ (mặc dù chính Wolfowitz phủ nhận ý định ấy).

Phe tân bảo thủ thì hi vọng rằng Wolfowitz sẽ giúp “phổ biến dân chủ” (như, theo họ, Mỹ đang làm ở Iraq). Cụ thể hơn, họ khẳng định Bush đề cử Wolfowitz vì hiểu rằng “dân chủ không chỉ là bầu cử nhưng còn là sự phát triển thị trường, pháp trị, bảo vệ nhân quyền và quyền tư hữu, và mở cửa cho thương mại quốc tế”. Mấy người này cho là WB có thể, và phải dẫn đạo, giúp thiết lập dân chủ kiểu đó. Họ muốn WB đặt điều kiện là sẽ không trợ giúp các chế độ “độc tài” và “bạo chúa” (theo định nghĩa của họ), dù dân ở đó đói nghèo cách mấy.

Có người (như Adam Posen, trên *Financial Times*) viết thẳng thừng rằng Wolfowitz sẽ phục vụ quyền lợi Mỹ, biến WB thành một công cụ của Mỹ, và biết đâu nhờ vậy mà thế giới cũng được lợi lây ! Song đó lại chính là điều



Xem tiếp trang 11

# Ấn Tượng Huế

Phong Quang

Hội An ngày 23 tháng 3-2005

Tôi viết thư này ở Hội An, trong khi chờ đợi giờ đi phi trường Đà Nẵng bay ra Hà Nội.

36 giờ ở Hội An là thời đoạn chót của một tuần lễ ở miền Trung, sau một tuần lễ ở Sài Gòn (trong đó có hai ngày đi Mũi Né – Phan Thiết – Vũng Tàu).

Thời học sinh, trước khi đi du học, tôi có dịp ra chơi Huế mấy ngày, nhưng không quen biết ai, kỉ niệm Huế sau gần nửa thế kỉ, chỉ còn lại mấy nhịp cầu Trường Tiền, lăng Gia Long, lăng Tự Đức, lăng Minh Mạng, mỗi lăng một vẻ, nhưng đều để lại một ấn tượng sâu sắc vì nó hoà nhịp với thiên nhiên, cảnh trí xung quanh -- của lăng Khải Định tôi chỉ ghi nhớ lại cái lối lăng, kịch cớm. Tháng 12 năm 1975, chiếc máy bay C130 đưa tôi từ Hà Nội vào Sài Gòn có ghé qua sân bay Đà Nẵng, nhưng tôi chỉ nhìn thấy đèo Hải Vân, núi Ngũ Hành qua cửa sổ. Đây là lần đầu tiên tôi được đi thăm Thừa Thiên, Đà Nẵng, Mỹ Sơn, Tam Kỳ, Chu Lai và Hội An. Như vậy là đi sau phần đông bạn đọc, nên xin miễn kể lễ, mô tả -- và lại một chuyến đi ngắn ngủi như vậy, phần lớn thời gian là ngồi trên xe và gặp gỡ bạn bè, nên thấy qua loa, nghe lồm bồm, để viết bậy. Tôi chỉ xin ghi lại vài cảm tưởng và chuyển tải những thông tin đã kiểm chứng, những điều mà bạn đọc ở xa khó nắm bắt.

Ấn tượng đầu tiên, mạnh mẽ, khi đặt chân tới Huế sau một tuần ở Thành phố Hồ Chí Minh là cảm tưởng an bình, thanh thản. Còn có tiếng xe máy, tiếng còi, tiếng mời gọi của những anh xích lô những chị bán hàng, nhưng so với sự ô nhiễm không khí và ô nhiễm âm thanh kinh khủng của Sài Gòn, Huế là hiện thân của sự bình lặng, an nhiên. Con người được mời gọi nhìn ngắm thiên nhiên, chọn một thế đứng, một nếp sống hoà hợp với đất trời, sông núi, cây cỏ quanh mình. Cùng với Hội An, Huế là thành phố duy nhất ở miền Nam đã kháng cự lại được sự tràn ngập của “nếp sống Mĩ” trong những năm chiến tranh -- mặc dầu nó không tránh được bom đạn Mĩ đổ xuống năm 1968 và còn mang trong mình những vết thương vật thể và tinh thần vẫn chưa khép lại (có những vết thương mà thời gian và sự im lặng sẽ không bao giờ khép lại, phải có một kí ức tập thể và trước tiên, một cái nhìn đúng cảm, chân thành của mọi người mới mong hàn gắn được những thương tổn ấy). Nỗi lo của tôi khi về Huế chuyến này thu gọn vào hai điều : làm sao Huế có thể phát triển trong khi hình như tài nguyên duy nhất của vùng đất này là du lịch ? và làm sao Huế giữ được chính mình trước làn “sóng thần” du lịch đã bắt đầu tràn tới ?

Tất nhiên tôi chưa có câu trả lời. Nhưng mấy ngày ở Huế cũng làm tôi bớt lo, và hi vọng Huế sẽ tìm ra đáp án thoả đáng. Để chia sẻ với bạn đọc cảm tưởng bớt lo, trước tiên hãy lấy một thí dụ cụ thể : đường Phạm Ngũ Lão. Ai qua TP Hồ Chí Minh cũng biết con đường Phạm Ngũ Lão, điểm hẹn của “Tây ba lô” và “du lịch bụi”, nơi thanh niên (phương Tây) có thể ăn ở dưới 10 đô la một ngày. Huế cũng có một con đường Phạm Ngũ Lão, ngắn hơn, từ đầu tới cuối, toàn là khách sạn (trung bình hay rẻ), quán ăn, gallery và shop. Nhưng không khí ở đây khác hẳn Sài Gòn, không xô bồ và ồn ào. Dường như du khách (ba lô hay samsonite, bụi hay sang) đến đây cũng thăm thấu ngay cái chất Huế. Và trên con đường Phạm Ngũ Lão ấy, nằm giữa hai khách sạn là ngôi nhà xinh xắn của anh Bửu Ý và chị Nguyễn Thị Lợi. May mắn của chúng tôi là còn ở Huế buổi chiều thứ bảy. Mỗi thứ bảy, vào đúng 5 giờ chiều, có một cuộc hoà nhạc và ca Huế “tại gia”. Hai “cô” Thanh Hương và Minh Mẫn, tuổi quá 80, là hai giọng ca Huế “quốc bảo”, như cụ Quách Thị Hồ ca trù ở Hà Nội. Và chị Thanh Tâm mà kiều bào ở Pháp đã có dịp thưởng thức giọng ca năm nào. Mỗi tuần, hai cô “đến hẹn lại lên”, cô Minh Mẫn đi bộ, cô Thanh Hương đi xe đạp tới đây để có dịp “hát chơi” những làn Nam Ai, Châu Văn... cho những người “biết nghe” và “biết đờn”. Chị Thanh Tâm mặc bộ áo vàng, sau một buổi trình diễn ở khách sạn, ghé qua đây để ca Huế “cho vui” rồi rẽ xe máy tiếp tục “chạy sô”. Chị Hồng Cúc được anh chồng chờ xe tới để ngâm thơ trên tiếng đàn tranh của ba nhạc sĩ : chị Lợi chủ nhà, chị Kiều và con gái, cô Trang. Giữa buổi hoà nhạc, một nhạc sĩ nữa tới tham gia : một nhà sư trẻ, tôi xin miễn nêu tên vì nghe nói sư phụ của thầy không muốn thầy đàn hát như vậy. Được nghe ca Huế nhạc Huế, trong căn phòng ấy, bốn bề là những bức tranh mà tác giả chính là chị Lợi, là cả một điểm phúc. Hơn cả điểm phúc vì nó cho tôi thăm thấu chất Huế và tin rằng ở thành phố này, không thiếu những cao điểm trên đó Huế sẽ giữ được bản sắc của mình trong con hồng thủy của du lịch đại trà.

Đọc đến đây chắc một anh bạn trong ban biên tập sẽ trách tôi hoặc tự thán : tay này lại ăn phải bả Huế rồi. Không hẳn vậy đâu : nếu phải so sánh sự ứng xử của Huế và của Hội An trước làn sóng du khách và sự tiếp xúc với thế giới hiện đại, chắc tôi sẽ chấm nhất Hội An nhì Huế. Sự hiếu khách mà an nhiên tự tại của Hội An có lẽ là di sản của quá khứ thương cảng suốt mấy thế kỉ -- trong thời gian đó, Huế khép mình trong vị trí kinh đô. Xin đóng ngoặc.

Yếu tố thứ hai làm tôi tin vào sức sống của Huế là câu chuyện đôi Vọng Cảnh. Báo chí đã nói tới “vụ” này từ cuối năm ngoái, nhưng thú thực là tôi không theo dõi, nên về tới Thành phố Hồ Chí Minh, phải tìm thầy (và may mắn tìm đúng thầy) để nắm rõ nguyên uỷ. Thư này không phải chỗ kể lại diễn biến xì căng đan này, nhưng cũng xin tóm tắt những điểm chính để bạn đọc có thể rút ra ý nghĩa. Vọng Cảnh là một ngọn đồi nằm trên thượng nguồn của Huế, đúng chỗ sông Hương rẽ ngoặt. Đứng từ đây, ta nhìn rõ sông Hương từ Trường Sơn chảy xuôi về phía Linh Mục trước khi chảy qua cố đô. Quay người 180 độ, hiện ra toàn cảnh Lăng Tự Đức và xa hơn, các Lăng

Minh Mạng, Gia Long. Tóm lại, đây là điểm cao từ đó người ta có thể nhìn bao quát cả một vùng quanh Huế, nơi có hơn 30 lăng mộ và hơn 40 chùa chiền. Cái tên Vọng Cảnh có từ khi người Pháp gọi đây là Belvédère và xây dựng ở lưng chừng đồi một công viên đang được bảo quản khá tốt : sự có mặt của Pháp còn thể hiện trong cái lô cốt xấu xí mà quân đội viễn chinh xây trên đỉnh đồi cách đây hơn nửa thế kỉ. Cái tên gốc tây đó làm cho có người tưởng rằng ngọn đồi này chỉ liên quan tới thời Pháp thuộc. Chỉ cần đi vài cây số, tới Lăng Tự Đức, sẽ thấy ghi trên tấm bia nhà vua để lại : đây là một trong 6 ngọn núi nằm trong quần thể lăng mà ông đặt tên là Lí Khiêm Sơn. Và Đồi Vọng Cảnh – Lí Khiêm Sơn nằm trong quần thể di tích xếp hạng đã được UNESCO bảo vệ như là di sản của nhân loại.

Vậy mà chính quyền Huế đã thoả thuận với một nhà đầu tư Hà Lan để xây trên di tích lịch sử và văn hoá này một khách sạn bốn năm sao gì đó. Dự án này chưa được chính phủ thông qua, nhưng nhà cầm quyền đã làm “lễ động thổ”. Hành vi “động trời” này đã gây ra một cuộc “động đất” trong dư luận Huế, dư luận trí thức cả nước, và ngay trong nội bộ Ủy ban nhân dân Huế (hai giám đốc sở tẩy chay lễ động thổ và gửi đơn phản đối quyết định của chủ tích uỷ ban). Ở Huế đi đâu cũng nghe chuyện “đồi Vọng Cảnh” nhưng tôi chưa gặp người nào tán thành dự án này. Dư luận trong giới trí thức và văn nghệ sĩ từ Sài Gòn qua Vũng Tàu, Đà Nẵng ra Huế đều một mực phản đối. Những lời lẽ nặng nề nhất được dành cho hai nhà trí thức đại biểu quốc hội, cho đến nay được coi là tiến bộ, không hiểu vì sao đã lên tiếng ít nhiều ủng hộ dự án khách sạn, bây giờ hình như đang phải “động thổ” trước làn sóng dư luận (ra Hà Nội, tất nhiên tôi sẽ tìm gặp ít nhất một trong hai vị này để hiểu thêm ngọn nguồn).

Báo chí hôm qua đưa tin chính quyền Huế vẫn chưa chịu từ bỏ dự án khách sạn này. Nhưng Bộ văn hoá đã đề nghị Thủ tướng ra chỉ thị ngừng dự án.

Khi tôi viết dòng này, chưa biết chính phủ sẽ quyết định ra sao. Nhưng khó tưởng tượng rằng chính phủ dám khiêu khích dư luận tới mức bao che một dự án vi phạm pháp luật và đe dọa môi trường sinh thái của cả một thành phố.

Nhất là trong lúc này, trong cơn sốt tây duộc, dư luận đang phẫn nộ trước việc khởi tố cô Lan Anh, kí giả báo *Tuổi Trẻ* (xem *Diễn Đàn* số trước và số này).

Đồi Vọng Cảnh, xì căng đan thuốc men không phải là những vụ bê bối duy nhất : vụ “cáp treo” Vũng Tàu (mà người ta gọi mĩa mai là “đây phơi quần áo” dính tới dự án khách sạn -- lại khách sạn -- của con trai tướng Lê Đức Anh -- lại ông tướng này), vụ chia mặt hồ Trị An... đã, đang hoặc sẽ được báo chí phanh phui. Phải chờ đợi, từ nay tới Đại hội X của ĐCS (năm 2006) những vụ bê bối sẽ được phơi bày. Một phần vì nạn tham nhũng tràn lan, không thể lực nào có thể che đậy ếm nhem được hết. Mặt khác, tố cáo lẫn nhau cũng là một phương pháp tranh giành quyền lực “tích cực chuẩn bị đại hội đảng”.

Khởi tố một nhà báo công tâm, một phụ nữ nhạy cảm và dũng cảm (mĩa mai thay, đúng vào Ngày quốc tế phụ

nữ) là “thông điệp” gửi cho các nhà báo để ngăn đê, hạn chế vai trò điều tra và khuếch âm của báo chí. Mặt khác, nó mặc nhiên thừa nhận sức nặng của dư luận, của một xã hội công dân đang – khó nhọc – hình thành, mà ngay từ bây giờ chính quyền không thể coi nhẹ.

Phong Quang

### Thư từ Mỹ... (tiếp theo trang 9)

làm những người khác lo sợ: “Dân chủ” của tập đoàn Bush là thứ dân chủ thân Mỹ. Và liệu pháp “xoá đói giảm nghèo” duy nhất của phe bảo thủ Mỹ là buông thả mọi kiểm chế thị trường, mặc cho tư bản thao túng.

Cụ thể hơn, người ta lo ngại là dưới quyền của Wolfowitz, Ngân hàng Thế giới sẽ chú trọng hơn đến Trung Đông (và sẽ bỏ bê châu Phi dưới Sahara), giúp Mỹ tái thiết Iraq, và như chính quyền Palestine bằng mỗi viện trợ để họ nhượng bộ Israel. Oái oăm là, trước đây, lúc còn nghĩ rằng họ đủ sức nuốt Iraq một mình thì chính Mỹ đã bảo WB đi chỗ khác chơi, để họ “một mình một chợ”.

Nhiều người cũng tiên đoán là dưới quyền Wolfowitz, có lẽ WB sẽ nghiêng về viện trợ không hoàn lại hơn là cho vay. Thoạt nghe thì điều này có lẽ tốt cho những nước nghèo, nhưng sự thật là khi cho vay thì tính kinh tế của dự án được thẩm sát kỹ hơn, các yếu tố chính trị khó được đưa vào. Trái lại, viện trợ không hoàn lại thì dễ bị “chính trị hoá”. Nói khác đi, tuy các nước nghèo sẽ “khoẻ” hơn khi nhận viện trợ không hoàn lại (so với vay), chính WB lại có quyền hơn trong quyết định ai được cấp viện, ai không, và qua đó (Mỹ) có cơ hội can thiệp vào nội bộ các nước ấy hơn.

Về đời tư, nhiều người xầm xì về liên hệ “khá thân mật” mấy năm nay giữa Wolfowitz và bà Shaha Riza (cả hai đều li dị, có con riêng). Bà này sinh ở Tunisia, lớn lên ở Saudi Arabia, có quốc tịch Anh, hiện là cố vấn trong Vụ Trung Đông và Bắc Phi của WB, và nổi tiếng là người tranh đấu cho nữ quyền Á Rập. Liệu Wolfowitz và bà Riza có thể tách rời liên hệ cá nhân và liên hệ trong công việc khi bà làm dưới quyền ông?

Khác với Bolton, mà có lẽ Bush gửi đến LHQ để “thọc gậy bánh xe”, làm sao cho tổ chức này càng ít hiệu lực càng tốt, Wolfowitz được Bush gửi đến WB với sứ mệnh “tích cực” hơn: biến tổ chức này thành một công cụ của Mỹ. Hẳn là như vậy. Song, như Stiglitz tiên đoán, chính vì thế mà WB sẽ bị những người ghét Mỹ ghét lây, thành công đã khó lại càng khó thêm. Tuy nhiên, với thế lực (vẫn còn) của Mỹ, và truyền thống là chủ tịch WB sẽ do Mỹ chọn, Paul Wolfowitz hầu như chắc chắn sẽ được Hội đồng Điều hành của WB chính thức chấp thuận. Nhiệm kỳ Bush sao quá dài!

Hẹn bạn thư sau,

Tiểu Hằng Ngôn  
Dayton, 23-3-2005

## Bình thường hoá... (tiếp theo trang 1)

Trong diễn văn đọc ngày kỷ niệm 75 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3.2.1930 – 3.2.2005), tổng bí thư Nông Đức Mạnh có một lời đánh giá về những năm ngay sau chiến tranh : « Do hậu quả chiến tranh hết sức nặng nề, đất nước bị tàn phá, công nghiệp còn hết sức nhỏ bé, nông nghiệp thì lạc hậu, lại bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận toàn diện về kinh tế, cô lập về ngoại giao, âm mưu gây bạo loạn lật đổ, do phải tập trung sức lực trong cuộc chiến đấu mới bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và do cả những sai lầm về một số chủ trương và chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, nhất là về nhận thức ta chưa hiểu thật đúng, thật phù hợp về chủ nghĩa xã hội, chủ quan, nóng vội trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội – ĐĐ nhân mạnh -, cho nên nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. ».

Điều đáng tiếc là lời tự phê quá chung chung này không mấy may đi vào cốt lõi của sự việc : vấn đề không phải ở bản thân việc để ra và thực hiện những chính sách, chủ trương sai lầm nào đó – không chính quyền nào tránh khỏi đã từng có chủ trương sai. Mà là, trong suốt quá trình để ra và thực hiện những chính sách, chủ trương đó, Đảng luôn luôn ngăn cản mọi tiếng nói công khai phê bình chúng, thậm chí đồng hoá những người có các quan điểm phê phán đó với những « lực lượng thù địch ». Nhân danh « ổn định chính trị », để bịt miệng người dân. Điều đó, chứ không phải chỉ là sai lầm của một chính sách cụ thể nào, khiến cho nhiều khi – quá nhiều khi – phải đợi đến lúc chính sách ấy phá sản, gây ra « khủng hoảng nghiêm trọng », nó mới được sửa đổi.

Ba mươi năm đã qua. Dù kể cả hai cuộc chiến tranh biên giới sau đó, nước VN đã có hơn một phần tư thế kỷ hoà bình, trong đó 15 năm liên tục từ 1990 đến nay, để xây dựng lại cuộc sống sau những tàn phá của chiến tranh. Những mối quan hệ bình thường đã được lập lại với các nước thù địch cũ. Thảm đỏ đã được trải ra chào đón những công ty và du khách Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc v.v. Hàng trăm ngàn người Việt đã từng phải nuốt nước mắt mạo hiểm ra đi tìm cuộc sống nơi quê người nay đã trở về thăm lại quê hương, gia đình. Đó là những kết quả tốt đẹp có được sau những năm « đổi mới », góp phần tạo ra những tiến bộ về kinh tế. Bộ mặt đất nước rõ ràng khởi sắc hơn. Nhưng vẫn còn quá nhiều rào cản, trở lực, để « phát huy nội lực » của toàn dân trên con đường phát triển kinh tế, xã hội. Có thể kể sơ : những chính sách hộ khẩu của thời chiến vẫn tiếp tục được áp đặt trên quyền tự do tìm nơi sinh sống của người dân ; kỷ cương phép nước vẫn không vượt được lên trên quyền tác oai tác quái, thường là « nhân danh Đảng », của các quan lại các cấp, từ trung ương đến địa phương ; tự do ngôn luận vẫn bị chà đạp thô bạo bởi các đạo luật dành độc quyền xuất bản, báo chí cho các cơ quan của Đảng ...

Ba mươi năm đã qua. Đã đến lúc bình thản xếp lại những chiêu bài « ổn định », để bình thường hoá quan hệ giữa chính quyền với người dân, bằng cách gỡ bỏ mau chóng những loại rào cản đó.

**Hoà Vân**

## NHỮNG VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH

Một ông bố và con trai trở lại Việt Nam

*Tom Bissell*

**Nguyễn Lộc** trích và chuyển ngữ.

*Vi nguyên tác quá dài so với khuôn khổ Diễn Đàn, người dịch xin được chọn lựa theo chủ quan để có thể gởi đến bạn đọc phần nào những gì tác giả muốn nói. Xin xem nguyên tác trên tạp chí Harper's, 12.2004 : War Wounds, A father and son return to Vietnam ; Tom Bissell.*

*Tom Bissell còn là tác giả tập kí sự Chasing the Sea và tuyển tập truyện ngắn God Lives in St. Petersburg, sẽ do nhà Pantheon xuất bản vào đầu năm 2005.*

**K**hởi thủy là cuộc chiến. Khi nhìn lại quãng đời niên thiếu của mình, một cách phải lẽ, đám con cái của nhiều cựu chiến binh Việt Nam cảm nhận được điều này bằng một tín niệm đơm màu thánh kinh *Khởi thủy là cuộc chiến*. Nó thù lù ra đó, trong quá khứ của lớp cha chú chúng tôi, một ngôi sao đang tắt có sức hủy diệt hết mọi thứ lân la đến bên nó. Đối với những đứa con trong tuổi đang khôn lớn của nhiều cựu chiến binh, cái xa vời của cuộc chiến hầu như không thể nào ước định được, vì nó xảy ra *trước-bạn*, trước khi bạn có thể nắm bắt được cái tai ương về chính chỗ đứng của bạn trong dòng thời gian, trước khi bạn nhận thức được rằng, cái hiện thực của bản thân bạn - phòng ngủ của bạn, các đồ chơi và các sách truyện bằng tranh của bạn - thì không hề mắc mó gì với cái thực tế của cha bạn. Song, xa vời là thế đấy, hệ quả của cuộc chiến lại mật thiết đến độ ta khó có bề lẩn thoát được. Trong mọi bữa ăn, Việt Nam ngồi cùng bàn - vô hình - với gia đình chúng tôi. Mẹ tôi, li dị cha tôi khi tôi mới lên ba, được ông bố đại tá Thủy Quân Lục Chiến, đeo lon con ó, của bà giới thiệu để hai người biết nhau, rốt cục đã không kham nổi những đêm ác mộng, những ngày mộng dữ, mù tịt không biết mình sẽ phải nghiệm sinh về ông chồng nào trong từng mỗi khoảnh khắc của đời mình.

Mẹ tôi xuất thân từ gia đình có truyền thống dài lâu của những người lính đầy huy chương. Bà hiểu cái đám đàn ông từng kinh qua chiến trận. Đó là chuyện họ đã *từng làm*. Bất kì bóng tối nào chiến tranh còn vằng vắt lại trong tâm khảm của những kẻ sống sót - và chiến tranh làm thế, nó hiển nhiên làm thế ; bà hiểu - cần phải được chấp nhận trong cam chịu. Nhưng người anh hùng của chiến trận đã cùng bà thành thân lại chỉ có thể cam chịu

trong vật vờ. Ông ấy đã không trở về từ Normandy mà từ một xứ sở, trong suốt những năm tháng ban đầu của cuộc hôn nhân hai người, đã trở nên ngấm ngấm đồng nghĩa với thất bại và man rợ. Chiến tranh, đúng lẽ ra, rồi cũng phải chấm dứt. Thế nhưng, người chiến binh anh hùng của bà thì vẫn mãi còn lâm trận.

Thở bé, tôi từng kinh hoàng với những đêm cha tôi, say be bét, lên vào phòng tôi, đánh thức tôi dậy, và suốt hàng giờ mỗi bận, cố gắng giải thích cho tôi, đứa con trai mười tuổi của ông, tại sao các quyết định của ông - những quyết định mà ông tự ôn lại cho mình không chút nương tay, những quyết định đã khiến những người bạn thân của ông phải bỏ mạng - lại là những quyết định duy nhất mà ông đã có thể làm. Những đêm khác, ông lại da diết nhớ những người đàn bà khác nhau ông từng theo đuổi ở Việt Nam, mà số người ấy có thể nhiều đến mức dị thường, mang đến trí tưởng tượng còn non nớt của tôi những hình ảnh kì cục, trong đó tôi là một đứa bé trai Á châu.

Lúc trẻ, tôi hay ngắm cái [chiến thương] bội tình "purple heart" (ông gọi nó, "cái huy chương ngu ngốc") lồng trong khung kính của ông, cạnh đó là bức ảnh cha tôi thời đang thụ huấn ở Quantico. Chữ BISSELL in stencil ngang ngực trái của ông. Vòm cây xanh thân thuộc của Virginia sùng sững sau ông. Ông trông na ná một Harrison Ford trẻ trung và đang mỉm cười, súng trong tay, mắt ông dịu dàng một cách vô tư lự. Tôi muốn tìm lại người đàn ông ấy. Tôi tin rằng tôi sẽ tìm ra ông ở Việt Nam, nơi ông đã được hình thành và đã bị phá hỏng, đã bị giết và đã phục sinh. Khi, qua điện thoại, tôi báo với cha tôi rằng, tôi đã có vé máy bay, chúng tôi có thể lên đường trong vài tháng tới, ông im lặng, im lặng như tôi vẫn từng nghe thấy nơi ông. Ông nói, "Trời !"

Sau mấy tiếng đồng hồ lái xe, xuôi ven biển, men theo những con đường được chăm sóc tử tế đến không ngờ, xuyên qua những quãng khiến ta cảm thấy như những đường hầm xanh um của miền quê Việt Nam. Miệng cha tôi phát ra những tiếng khoái trá khi ông cầm cúi trên tờ Viet Nam News ông vớ lấy ở phi trường thành phố Hồ Chí Minh, nơi chúng tôi ghé qua vài tiếng trước khi lên đường ra Huế, ở miền trung Việt Nam.

Chúng tôi băng qua cái ngồn ngang thôn ố của nhiều làng. Tôi nhìn thấy những người đàn bà đội nón lá nông dân, những chiếc thúng đầy lúa, tất thảy những cái khuôn sáo về cảnh trí vẫn gắn liền với Cuộc chiến tranh Việt nam. Có điều, đây không phải là những người đàn bà VC, và sẽ không có G.I. bám theo, thọc lưỡi lê vào các thúng gạo, tìm kiếm vũ khí giấu ở trong. Khuôn sáo chẳng mang một nghĩa lí gì, mà đây phải đâu là khuôn sáo, chúng chính là những tất yếu của cuộc sống người Việt. Tôi đã minh thị được rằng, khuôn sáo cung ứng khá nhiều thông tin nhưng chúng không định nghĩa được sự việc là bao, và đột nhiên nhận thấy cách chúng ta dùng tên gọi Cuộc chiến tranh Việt Nam nó có vẻ kì kì sao ấy, một câu không có tính từ mà càng nghĩ tôi càng thấy dị hợm. Nó nhằm vào lấy cả một dân tộc và ném dân tộc ấy vào cuộc xung đột triển miên.

Sau một lúc, tôi hỏi: "Mình đang ở đâu?"

Hiền nói : "Gần tới đèo Hải Vân rồi", và chỉ về phía trước nơi con đường lúc nhúc những xe đồ đang ngoằn ngoèo bò lên rặng Trường Sơn. Bên trái chúng tôi, bức tường thành cây thông lá dài và rậm đột nhiên vỡ ra, lộ lộ một vực dốc đứng. Ngoài kia bờ vực là cái bất tận xanh ngát của Biển Đông, một cõi hỗn mang với những chớp màu trắng cực kì xao động khiến cho tôi chừng như chờ được nhìn thấy khuôn mặt của đấng tạo hóa (tạm dịch Yahweh - nl) lướt ngang qua đó.

Đến đỉnh đèo chúng tôi phải dừng lại vì hơi bị kẹt xe, cha tôi ra khỏi xe để chụp ảnh. Tôi đi theo ông. Trời lạnh chừng như tuyết có thể rơi, mây sà xuống thăm đẫm. Cha tôi muốn được chụp ảnh, ông đưa máy ảnh cho tôi.

Tôi nhìn chăm chăm cái món đồ cổ lỗ ấy, một chiếc Yashica FX-7.

Ông tự hào tuyên bố : "Lần đầu tới Việt Nam cha đã có máy ảnh này"

"Đây là cái máy ảnh mà bố đã dùng để chụp hết thảy các phim dương bản ấy à ?" *Bộ phim đèn chiếu của John C. Bissell về Việt Nam* là một bộ phận quan trọng thời tuổi nhỏ của tôi ở Michigan. "Bố, máy ảnh này ba mươi tám tuổi rồi !"

Ông nhìn tôi. "Không, bậy nào. " Ông giơ tay lên, huơ huơ một cách vu vơ. "Nó ... bao nhiêu hà ? Ba mươi hai tuổi."

"Nó ba mươi tám tuổi rồi, Bố. Suýt soát bốn mươi."

"Không, làm gì đến, vì 1960 cộng bốn mươi năm là 2000. Cha tới đây năm 1965, vậy thì..."

"Vậy thì bây giờ là 2005 trừ đi hai."

Cha tôi im lặng, rồi đột ngột ông tái mét : "Ôi Chúa tôi. Holy shit."

"Cũng khó tin, nhỉ ?"

"Tôi đâu ngờ mình già tới vậy, cho đến phút này."

Ông sờ sờ lên mặt, vẻ lo lắng, trong khi tôi đưa ông vào tầm nhìn của ống kính.

Một lúc sau, do tôi cứ khẳng khẳng, chúng tôi dừng lại Đài tưởng niệm Mĩ Lai, ngoài thị xã Quảng Ngãi vài dặm Sơn Mĩ là một tiểu khu được phân ra làm nhiều xã, với Mĩ Lai là xã nổi tiếng hơn cả. Năm 1968, trong một khu vực của Mĩ Lai, những tội ác chiến tranh đầy tai tiếng của Mĩ đối với những người dân làng Việt Nam đã xảy ra : Đầu khoảng chừng từ 150 đến 570 thường dân không vũ khí đã bị làm thịt một cách tàn bạo khiếp đảm theo nhiều cách. Cha tôi đã không muốn đến đây, vì nhiều lí do, có những lí do dễ hiểu, có những lí do hơi khó hiểu hơn. Một trong những cái "hơi khó hiểu" là mối quan hệ bè bạn mập mờ của ông với đại úy Ernest Medina, chỉ huy đại đội C, một đơn vị trong Lữ đoàn 11, Sư đoàn 23 Bộ binh, trách nhiệm phần lớn các vụ tàn sát ở Mĩ Lai Medina, một người Mĩ bản địa (người "da đỏ", gọi theo thói thường -- nl), bị vụ Mĩ Lai làm tiêu tủng cuộc đời binh nghiệp nhiều triển vọng của ông, cuối cùng đã quay về sống ở phía bắc bang Wisconsin, và cha tôi

thình thoảng vẫn gặp ông. Cha tôi vẫn cho rằng Medina là một "người tốt", ông này tuyên bố không hề ra lệnh cho những vụ việc đã xảy ra và không giải thích được việc ấy. Trên đường đến đây, cha tôi có câu nhàu là tôi không hiểu cho rằng những vụ như Mĩ Lai vẫn xảy ra luôn, chỉ có tầm cỡ là nhỏ hơn thôi. Tôi nhìn ông, kinh ngạc. Tôi hiểu ông muốn nói gì, và ông biết tôi hiểu ông muốn nói gì, nhưng phải nghe chính ông nói ra những lời hàm chứa ý dung dưỡng việc sát nhân ấy thì thật cũng quá sức. Tôi có thể vặn lại, và tôi suy tởn vặn lại : *Thế bố đã từng làm điều như vậy ư ?* Nhưng tôi đã không hỏi, vì không nên để cho bất kì một người cha nào bị con mình hỏi câu ấy. Vì không người cha nào phải nghĩ rằng, dù trong thoảng chốc, con của ông ta tin là ông có thể làm như thế. Vì tôi biết rằng cha tôi không thể làm như thế. Và tôi đã tự nhủ như thế, khi chúng tôi đi gần đến Sơn Mĩ.

Những khuôn viên được đánh dấu bằng những hàng cọ cao, gió rít, những con đường gập ghềnh, với hàng giậu xanh tía xen vuông vắn và nhóm tượng, nhóm tượng xé lòng : xác những phụ nữ bị bắn chổng chất lên nhau, những trẻ con van xin, những nắm tay bắt khuất giờ cao. Đây là những trường hợp đầu tiên tôi nhìn thấy điêu khắc Cộng sản mà không bị kích động đến độ phải cầm búa tạ lao vào chúng ngay tức khắc. Trong khi đó cha tôi quan sát bia mộ liệt kê tên tuổi của một số nạn nhân Sơn Mĩ.

" Con không thấy điều gì ? " ông hỏi khi tôi đến gần bên.

Một cột số ghi tuổi nạn nhân như thế này : 12, 10, 8, 6, 5, 46, 14, 45. Hầu hết là nữ. "Con không thấy đàn ông, trai tráng."

"Ấy là vì không có trai tráng nào quanh đây. Đây là một làng VC."

"Bố. Bố."

"Thì chỉ là một nhận xét thôi mà. Cả vụ này có khả năng là một tác vụ trả thù. Thật ra, tôi biết nó là vụ trả thù. Có thể họ bảo, "Mình sẽ dạy chúng một bài học", rồi họ tàn sát mọi người. Đó là một vi phạm slight mọi điều luật và qui định cả về đạo lí lẫn thành văn, quân sự lẫn dân sự."

Chúng tôi lần bước qua bên nhà bảo tàng, tôi để ý thấy các cây cọ mang nhiều biển nhỏ đánh dấu những vết đạn còn thấy được do đám lính bắn trong cuộc tàn sát. ("Giết vài cái cây !", trong ngôn từ lính Mĩ ở Việt Nam, tương đương với câu "Bắn thả giàn đi !") "Chúa ơi," cha tôi kêu khẽ, dừng lại để lần ngón tay trên thân cây cọ những nhện nhện những lỗ đạn bắn Guơng mặt ông chột trông ma quái "Năm trăm người..."

...

Tôi gặp Hiền và cha tôi đứng bên chiếc hào nơi vùi xác nhiều nạn nhân của cuộc tàn sát Mĩ Lai. Cảnh đấy là một bức họa kiểu *Guernica* với những chiếc trực thăng gieo chết chóc và lính Mĩ, nét mặt hung ác, úp chụp lên trên những phụ nữ và trẻ con Việt Nam không một phương cách tự vệ.

Hiền nói : "Tại sao có một kẻ giết chóc, như Calley, trong lúc một kẻ khác, như Colburn lại cố gắng ngăn ngừa ? Khác nhau chỗ nào ? "

Cha tôi nhìn đăm đăm chiếc hào. Ông bảo Hiền : " Chi là... chiến tranh ". Hiền gật, nhưng tôi biết anh ta không thỏa mãn với câu ấy. Tôi không thỏa mãn với câu ấy. Hình như, cha tôi cũng thế Ông nói thêm, về tra vấn, "Tôi đoán, rốt cuộc lại đó là chuyện ki luật". Sau khi Hiền bỏ đi, cha tôi xoa ngực ông, qua lớp áo "Nhói tim."

Tôi nói, "Ừ."

Cha đã từng thấy TQLC Mĩ trả thù, nhưng họ chỉ giết đàn ông chứ không giết đàn bà và trẻ con. Kinh thật. Khi chúng ta đến đây chúng ta là... là những *crusaders* ! Chúng ta có bốn phận giúp đỡ người ta. Chúng ta có bốn phận cải thiện cuộc sống cho họ, mang lại cho họ dân chủ. Và cách chúng ta làm thì đầy đạo lí... Ông thờ dãi, xoa môm, lắc đầu, với mọi dáng điệu đang kiếm tìm một nghĩa lí Vụ Mĩ Lai xảy ra hai năm sau khi cha tôi rời Việt Nam Chiến tranh Việt Nam năm 1966 không phải là chiến tranh Việt Nam của năm 1968, cuộc chiến đến lúc ấy đã đốn sụm cả nút những nhân vật và thiện ý, kể cả nơi những kẻ đã hoạch định và chủ xướng cuộc chiến. Kennedy, McNamara, Johnson : đến năm 1968 họ đều đã mất ngôi vị. Tôi nghĩ tới một câu chuyện cha tôi có lần đã kể tôi nghe, vụ ông được lệnh chở một tù binh Việt cộng về Tam Kỳ bằng trực thăng. Ông mô tả tù binh ấy là "một chú nhỏ bị đe dọa, sợ gần chết, bị trói chặt nhưng vẫn còn giẫy giụa. Và hẳn ta đã chống cự và chống cự và chống cự đến 45 phút. Hẳn *biết* mình sẽ bị ném ra khỏi trực thăng. Hẳn biết thế. Nên khi đến Tam Kỳ, họ hỏi cha, "Câu học được gì nào ?" Cha nói, "Tôi học được rằng, cái thằng nhóc kia muốn giết tôi vì hẳn ta nghĩ rằng tôi sẽ tống nó ra khỏi trực thăng !" Và *goddamnit*, có lúc tôi suy tởn làm vậy thật." Hai chúng tôi đã cười với nhau, tàn nhẫn. Chuyện giặc giã. Cha tôi không thể nào ném một người bị trói ra khỏi trực thăng, dù trong tình huống nào. Nhưng tôi tưởng tượng ra ông -- tôi tưởng tượng ra chính tôi -- ở tại Mĩ Lai này, trong những phút giây đầu tiên của cái xung động kinh khiếp ngày hôm ấy, của cái tự do độc hại của cò súng chờ sẵn trong tâm trí bạn bè, đồng chí, và tôi không ưa lắm những điều khả thể mà tôi nhìn thấy.

Cha tôi đột nhiên ngừng nhìn quá cái hào khốn nạn kia, sang đến cánh đồng xanh non gần đó. "Giá có Hiền ở đây." Có phải cha tôi, sau cùng, đã có được cho anh chàng một câu trả lời khá hơn rằng, tại sao có những người làm chuyện giết chóc khi kẻ khác lại nghĩ đến chuyện cứu vớt ? Thật ra, không phải ông chỉ muốn biết đó là ngô hay lúa mì hay gì khác đang mọc lên bên kia .

Qui Nhơn là nơi cha tôi giạt vào bờ cùng với hàng ngàn TQLC vào tháng Tư năm 1965, một tháng sau khi những người lính TQLC Mĩ đầu tiên được phái đến Đông Nam Á, qua ngã Đà Nẵng, rạch ròi với vai trò đội quân tham chiến

Phải mất khoảng mười lăm phút dò dẫm trên bãi biển để tìm ra nơi ông đổ bộ : một rặng cọ lua thưa, như nhờ

phép lạ nên chẳng đổi thay từ dạo 1965, giúp đỡ trí nhớ của ông về nơi chốn ấy. Chúng tôi đứng nhìn biển bất tận trong nắng nhợt bóng những con cò và các giàn giáo của khu du lịch đang được xây dựng cách đó chừng vài ba chục thước. Tôi bắt đầu hỏi ông này nọ, nhưng thật nhẹ nhàng ông bảo, hãy để yên cho ông một lúc Tôi biết ngay, mình có lỗi. Ông không thể nói lúc này, ông nhìn đăm đăm ra biển trong nỗi bối rối lẫn niềm hạnh ngộ Tôi lặng im. Đây là nơi mà người đàn ông tôi gọi là cha đã được sinh ra. Cứ như ông đang nhìn vào chính bản thân ông qua tấm màn che đẫm máu của kí ức.

Lúc sau, ông nói : "Họ bảo chúng tôi, đây là một cuộc đổ bộ chiến đấu. Sẵn sàng để đón nhận điều tệ hại nhất. Những con tàu chở chúng tôi tự chìm trong nước, các tàu đổ bộ và xe lội nước lội vào bờ. Chúng tôi lên bờ, trang bị đầy mình, súng lên cò, sẵn sàng chiến đấu. Chúng tôi có xe tăng, xe tải, và Ontos."

"Ontos ?"

"Xe bọc sắt sơ sài có trang bị sáu súng không giật ; Chúng bắn đủ thứ đạn. Đạn xuyên phá. Đạn chống người. Willy Peter, đó là phốt-pho trắng, một trong những thứ chết người mà mình có thể bị bắn trúng. Khi đạn nổ ra, nó phun chất phốt-pho trắng, nếu bỏ nước vào, nó lại cháy bùng lên. Nó hút lấy dưỡng khí để cháy và mình phải lấy bùn để dập tắt. Vũ khí thật đáng yêu."

"Bố lúc ấy bao nhiêu tuổi mà có được từng thứ ấy trong tay ?"

"Cha 23 tuổi. Một trung đội trưởng. Nhưng cha cũng là người chỉ huy đại đội, và tôi có tất cả những lính bộ binh và quân nhu dưới quyền. Có thể tôi là một trong những đại đội trưởng trẻ nhất ở Việt Nam, nếu không phải là người trẻ nhất." Về điểm này, tôi có thể nói là ông vẫn tự hào. "Mọi người hoan hô chúng tôi. Rất vẻ vang. Cha quá đổi thất vọng khi nói chuyện với những người không có mặt ở đó. Họ đều bảo, "Chẳng ai muốn chúng ta đến Việt Nam". Coi đó, nhất định là họ hồ hởi mở rộng vòng tay ra đón chào chúng tôi mà."

"Đến lúc nào thì tình trạng xấu đi ?"

Ông chỉ tay về những ngọn đồi xa quá Qui Nhơn -- một miền an lạc với những tam giác xinh đẹp, gỗ ghề với đá cẩm thạch lờ mờ và những những chiếc cựa sắc bằng đá trắng chia ra, vài thác nước trắng sủi bọt đổ xuống mặt những ngọn đồi "Coi thì đẹp đẽ vậy đó, nhưng VC ở trông, như chúng tôi đã phát hiện. Chỉ sau hai ngày là chúng tôi bắt đầu bị bắn. Chúng tôi thật thiếu kinh nghiệm, lúc đầu bọn mình bắn lẫn nhau. Một cậu, thật thê thảm, ngủ gục lúc canh gác và ngồi xoay người ngược hướng trong hố cá nhân. Cậu ấy thức dậy, thấy có người, và khai hỏa. Giết hết cả toán hỏa lực của cậu ta."

Tuy Phước không hẳn là một cái làng, nó là một chuỗi đảo dàn trải ra trên một cánh đồng rộng lớn bị những cơn mưa mùa đì trong nước Chúng tôi chạy giữa những đảo ấy, dọc theo một con đường thẳng cao trên mặt nước chỉ độ một tấc.

Tôi ngắm cha tôi, vẫn hút thuốc và nhìn ngó quanh

quát. Đột nhiên trông ông già hẳn ra. Ông trông không tệ Thật sự thì ông trông còn cường tráng hơn tôi, nhưng so với lâu nay thì trông ông già hẳn đi. Cổ ông bắt đầu yếu đi và xệ, mắt ông to hơn và ngả vàng, mớ lông như lông sói phía dưới cổ ông điểm bạc. Tôi 29 tuổi, hơn 6 tuổi so với lúc cha tôi bị thương. Có thể nào để tôi thật sự biết được cái gã thanh niên từng bị bầy rập ném tung lên, ban xé ra chẳng ? Liệu tôi có thể hiểu được người đàn ông này, vẫn còn đang bay bổng và trong một nghĩa nào đó vẫn còn bị xé toạc ? Đòi chúng ta, nói cho cùng, chỉ là thuộc về ta một phần. Những phần đòi đổi thay nhiều nhất của chúng ta chính là những phần thâm nhập vào cuộc đời của những người thân yêu : cha mẹ ta, con cái ta, anh chị em ta. Khi những chuyện đời ấy đan chen vào nhau chúng lại đổi thay, nhưng chúng ta không can dự vào để mô tả và giải thích chúng. Từng chuyện, từng chuyện một của chúng ta sẽ bị lôi tuột ra khỏi chúng ta, kéo xuống các hố kí ức chung của con người. Chúng được lưu giữ, nhưng chúng bị đổi thay. Một ngày nào rồi cha tôi sẽ ra đi chỉ trừ những gì tôi còn ghi nhớ về ông và những câu chuyện ông đã kể tôi nghe Tôi đã hiểu sai về ông trong bao nhiêu điều khác ? Có bao nhiêu điều về ông mà tôi chưa từng hiểu đúng ? Còn những gì tôi chưa hề hỏi ông? Và, nhìn ngắm ông, tôi muốn rằng ông sẽ không bao giờ ra đi. Tôi muốn ông mãi mãi ở đây. Còn biết bao điều để chúng tôi nói với nhau.

Rồi, một người đàn ông đi một mình, chân đất, lân la đến chào Chân tay nhẵn nhụi của ông gầy còm và nâu rám như làm bằng gỗ cây giá tị. Khi ông và cha tôi bắt tay và tán chuyện với nhau (qua sự giúp đỡ của Hiền), tôi nhận ra ông này thuộc vào lứa tuổi của cha tôi. Nếu có tình huống để chính ông này là kẻ từng giảng dạy làm bầy suýt lấy mạng cha tôi thì cũng chẳng phải là chuyện quá đáng Nhưng sự thân thiện rạng rỡ của ông ấy thì không chút màu mè, và tôi thấy được sự lúng túng của cha tôi mềm ra và tan biến dưới sự nồng nhiệt của nó. Chỉ trong chốc lát, cha tôi và ông ấy đã cùng cười vang với nhau về một chuyện gì đó.

Tôi lắng nghe cha tôi và người bạn Việt Nam mới quen của ông niềm nở chuyện trò quanh cái điều nhỏ nhặt là họ đã từng phải cầm lấy vũ khí đánh nhau trong thời trai trẻ : Vâng, cha tôi đã từng ở Việt Nam ; không, ông người Việt này suốt bấy lâu nay không phải chỉ sống trong miền Nam. Cuộc đàm đạo của hai người trôi vào một sự im lặng trang trọng, và họ gục gật đầu và nhìn nhau. Người đàn ông, nụ cười trên môi, chợt hỏi cha tôi duyên cớ nào đã mang ông về lại Tuy Phước, vì nơi đây quá đổi là xa xôi, khuất nẻo. Cha tôi phải ngẫm nghĩ một lúc lâu, tìm cách trả lời, ngược nhìn lên những cụm mây xám trên đầu, một vài mảng trời xanh thoáng hiện. Sau cùng, xoay qua Hiền, ông bảo, "Nói với ông... nói với ông ta rằng, đã lâu lắm rồi, tôi bị thương ở nơi đây."

**Tom Bissell**

**Nguyễn Lộc** trích và chuyển ngữ.

# NĂNG LƯỢNG HẠT NHÂN

**DẶNG Đình Cung**

Kỹ sư tư vấn

ĐCĐT : ddc@noos.fr

Hiện nay 17 phần trăm điện sản xuất trên thế giới là năng lượng hạt nhân. Đó là một tỷ lệ trung bình. Những nhà máy điện hạt nhân sản xuất 30 phần trăm điện tiêu thụ ở các nước thuộc khối OCDE, những nước giàu nhất. Năng lượng hạt nhân đóng góp hơn ba phần tư nhu cầu điện và một nửa nhu cầu tất các loại năng lượng của nước Pháp. Ở Việt Nam, nhu cầu điện tăng gấp hai lần tăng trưởng kinh tế và kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7 đến 8 phần trăm mỗi năm. Nhu cầu về năng lượng gia tăng rất nhanh và năng lượng hạt nhân là một thực tại. Chúng ta không thể nói suông được rằng nước Việt Nam nên xây hay không xây nhà máy năng lượng hạt nhân.

Để đóng góp vào tham luận về năng lượng hạt nhân ở Việt Nam, chúng tôi xin trình bày trong bài này [\[i\]](#)

- những phương pháp sản xuất năng lượng hạt nhân,
- những vấn đề công nghệ của ngành năng lượng hạt nhân.

## Những phương pháp sản xuất năng lượng hạt nhân

Ngoài thiên nhiên, nguyên tử uranium có tất cả ba đồng vị : 99,3 phần trăm đồng vị  $^{238}\text{U}$ , 0,7 phần trăm đồng vị  $^{235}\text{U}$ , và một tỷ lệ không đáng kể đồng vị  $^{234}\text{U}$ . Đồng vị  $^{235}\text{U}$  là đồng vị phóng xạ tự nhiên duy nhất có khả năng sản xuất năng lượng và sinh ra neutron để duy trì dây chuyền phản ứng. Đồng vị  $^{238}\text{U}$  là đồng vị phong phú [\[ii\]](#) có thể hấp thụ neutron và, do đó, có khả năng làm tắt dây chuyền phản ứng nhưng, một khi hấp thụ một neutron, trở thành đồng vị phóng xạ  $^{239}\text{Pu}$ .

Những hạt nhân deuterium và tritium hợp nhất với nhau cũng sinh ra năng lượng. Deuterium là một đồng vị của khí hydro có nhiều ngoài thiên nhiên, chủ yếu trong nước biển. Tritium là một đồng vị nhân tạo được chế tạo từ phản ứng phân hạch một hạt lithium với một neutron. Những nguyên tử lithium cũng có rất nhiều trong nước biển.

Nếu thực hiện được phản ứng hợp nhất hạt deuterium với hạt tritium một cách đại trà thì nhân loại sẽ có được một nguồn năng lượng gần như là vô tận. Nghiên cứu và phát triển phương pháp sản xuất năng lượng này phức tạp và tốn kém. Vì thế mà hầu như tất cả các nước công nghệ

tiên tiến phải liên kết để chia với nhau chi phí nghiên cứu khai triển [\[iii\]](#) : sáu cường quốc, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Liên hiệp Âu Châu, Nga, Nhật Bản và Trung Quốc, hiệp sức để khai triển máy hợp nhất hạt nhân ITER (International Thermonuclear Experimental Reactor, Lò Phản ứng Thí nghiệm Nhiệt hạch Quốc tế). Khi đang viết bài này các cường quốc đó đang quyết định đặt trung tâm nghiên cứu ở Pháp hay ở Nhật.

Hiện nay chưa ai biết được khi nào chương trình nghiên cứu những quy trình hợp nhất hạt nhân sẽ đạt kết quả. Trong khi chờ đợi thời đại hoàng kim đó, năng lượng hạt nhân được sản xuất nhờ những phản ứng phân hạch hạt nhân.

Phương pháp phân hạch một hạt nhân hiển nhiên nhất là bắn một hạt nhỏ vào hạt nhân đó. Cụ thể thì chúng ta tăng tốc những proton trong một hệ tăng tốc rồi bắn những proton đó vào một lò phản ứng chứa uranium tự nhiên. Những hạt nhân uranium bị đập vỡ sinh ra năng lượng. Sau phản ứng phân hạch này thì những neutron bị bắn ra một phần bị hạt nhân  $^{238}\text{U}$  hấp thụ để biến đồng vị phong phú đó thành đồng vị phóng xạ  $^{239}\text{Pu}$  và một phần va chạm với những vật có mặt trong lò phản ứng, giảm tốc độ và sinh ra năng lượng sau khi đập vỡ những hạt  $^{235}\text{U}$  có mặt trong uranium tự nhiên và những hạt  $^{239}\text{Pu}$  sinh ra trước đây. Dây chuyền phản ứng có thể duy trì một cách tự nhiên. Nhưng nếu có triệu chứng sắp bị tắt thì chỉ cần bắn vào lò phản ứng thêm một tia proton từ hệ tăng tốc là có thể kích động lại dây chuyền phản ứng.

Quy trình hỗn hợp tăng tốc proton và phân hạch hạt nhân này mới được sáng chế. Chúng tôi không biết đã có nguyên mẫu nào chưa. Nhưng đã có những lò phản ứng điều hành như vậy mà không có bộ tăng tốc proton mà chúng ta gọi là những lò phản ứng neutron nhanh.

Thực ra một lò phản ứng neutron nhanh dùng cả neutron nhanh để sản xuất đồng vị  $^{239}\text{Pu}$ , một đồng vị phóng xạ, lẫn neutron đã được giảm tốc để gây ra những phản ứng phân hạch và sinh ra năng lượng. Neutron bắn ra từ những phản ứng phân hạch có tốc độ 20.000 km/giây. Muốn có thể gây ra một phản ứng phân hạch với một hạt nhân  $^{235}\text{U}$  khác thì neutron đó phải va chạm với một số hạt nhân có mặt trong lò phản ứng để cho tốc độ giảm xuống 2.000 m/giây.

Khi một lò phản ứng sản xuất những hạt  $^{239}\text{Pu}$  với những phản ứng hấp thụ nhiều hơn là đập vỡ chúng với những phản ứng phân hạch thì chúng ta gọi là lò bội sinh. Những lò bội sinh tiêu thụ một phần plutonium được sản xuất như vậy và phần còn lại có thể dùng làm nhiên liệu cho những nhà máy hạt nhân chỉ chạy bằng những phản ứng phân hạch.

Những lò phản ứng neutron nhanh được khai triển từ đầu kỷ nguyên năng lượng hạt nhân. Hiện nay chỉ có những lò thí nghiệm vận hành mà thôi. Nhà máy điện hạt nhân thương mại theo công nghệ neutron nhanh duy nhất



là nhà máy Superphenix ở Creys Malville bên Pháp. Nhà máy này chạy thử để hiệu chỉnh vài năm rồi bị chính phủ Pháp ra lệnh ngưng hoạt động và tháo dỡ. Lý do chính là vấn đề chất lưu chuyển nhiệt từ lò phản ứng ra ngoài chưa được giải quyết ổn thỏa : chất lưu chuyển nhiệt là natri nấu chảy, một chất có phản ứng nổ khi chạm với nước. Có người nghĩ rằng thay thế natri bằng chì nấu chảy thì sẽ an toàn hơn. Lý do phụ là những xí nghiệp vũ khí dành plutonium để sản xuất bom nguyên tử và Thế giới hiện đang thiếu plutonium để khởi động đại trà những nhà máy hạt nhân neutron nhanh[iv].

Những lò phản ứng hỗn hợp và những lò neutron nhanh có thể tận dụng tất cả những đồng vị uranium ngoài thiên nhiên. Chúng cũng có thể tận dụng những đồng vị thorium cũng có rất nhiều ở ngoài thiên nhiên. Nhưng vì những khó khăn khai triển những lò loại đó nên những lò phản ứng có áp dụng công nghiệp đều là những lò phân hạch những đồng vị phóng xạ như đồng vị  $^{235}\text{U}$  và những đồng vị của nguyên tử plutonium.

Như nói ở trên, những hạt neutron phải giảm tốc độ từ 20.000 km/giây xuống còn 2.000 m/giây. Những hạt nhân có thể giảm tốc độ của neutron gọi là những vật điều tiết. Để cho dây chuyền phản ứng được duy trì, những vật điều tiết không được hấp thụ neutron hay chỉ được hấp thụ rất ít thôi.

Những vật điều tiết tốt nhất là nước nhẹ, nước nặng, cacbon và khí oxy-cacbonic. Nước nhẹ là nước thường gồm bởi những phân tử  $\text{H}_2\text{O}$ . Nước nặng là nước gồm bởi những phân tử  $\text{D}_2\text{O}$ . Nước này tương tự như nước thường chỉ khác là trong phân tử nước  $\text{H}_2\text{O}$  ion hydro  $\text{H}^+$  được thay thế bằng ion deuterium  $\text{D}^+$ . Nước tự nhiên gồm bởi nước nhẹ và một chút nước nặng. Muốn có nước nặng thì phải phân cất nước tự nhiên, tách những nguyên tử deuterium và oxy ra rồi kết hợp lại phân tử  $\text{D}_2\text{O}$  với những nguyên tử đó. Cacbon dùng để làm vật điều tiết là cacbon dưới dạng than chì. Còn khí oxy-cacbonic là kết quả của phản ứng oxy hóa than chì có mặt trong lò phản ứng. Nước, nặng hay nhẹ, và khí oxy cacbon còn có thể được dùng làm chất lưu chuyển nhiệt cho lò phản ứng.

Pháp có xây loại lò phản ứng gọi là UNGG (Unranium Naturel Graphite Gaz) dùng than chì làm vật điều tiết và khí oxy cacbon làm chất lỏng lưu chuyển nhiệt. Canada đã khai triển loại lò phản ứng dùng nước nặng gọi là CANDU (Canadian Deuterium Uranium). Những nhà máy này rất an toàn và chạy bằng uranium tự nhiên nên chi phí điều hành thấp. Nhưng những nhà máy này cần vốn đầu tư rất cao. Một nhà máy có đời sống kỹ thuật 40 năm phải hoạt động trong hơn một chục năm mới hoàn lại được năng lượng bỏ ra để xây ra nó ! Sau khi xây được vài nhà máy UNGG, Pháp ngưng không xây tiếp nữa và chuyển sang công nghệ lò phản ứng nước nhẹ. Còn Canada thì chỉ xuất khẩu được vài nhà máy CANDU thôi.

Song song người ta đã khai triển những lò phản ứng chạy bằng nước nhẹ.

Phân tử  $\text{H}_2\text{O}$  trong nước nhẹ hấp thụ một chút neutron và tỉ lệ đồng vị  $^{235}\text{U}$  trong uranium tự nhiên quá thấp để dây chuyền phản ứng có thể duy trì được. Vì thế những lò phản ứng dùng nước nhẹ cần đến một hỗn hợp uranium có hàm lượng đồng vị  $^{235}\text{U}$  cao hơn uranium tự nhiên, khoảng từ 3 tới 5 phần trăm, để duy trì dây chuyền phản ứng hạt nhân. Chúng ta gọi những hỗn hợp đó là uranium được làm giàu.

Những lò PWR (Pressurized Water Reactor, Lò Phản ứng Nước Nén), HTR (High Temperature Reactor, Lò Phản ứng Nước Nóng) và BWR (Boiled Water Reactor, Lò Phản ứng Nước Sôi) là những lò phản ứng hạt nhân chạy bằng uranium đã được làm giàu. Liên Xô cũ có khai triển loại lò RBMK chạy bằng uranium đã được làm giàu và dùng than chì làm vật điều tiết và nước sôi làm chất lỏng lưu chuyển nhiệt[v]. Giữa những loại lò đó thì lò PWR là thông dụng nhất vì có tỷ trọng khối lớn nên vừa rẻ lại vừa an toàn nhất.

### Những vấn đề công nghệ của ngành năng lượng hạt nhân

Rút cục hiện nay chỉ có những lò phản ứng chạy bằng nước nhẹ là thịnh hành. Nhiên liệu của những lò ấy là đồng vị  $^{235}\text{U}$  của nguyên tử uranium và những đồng vị phóng xạ nhân tạo như là plutonium  $^{239}\text{Pu}$ .

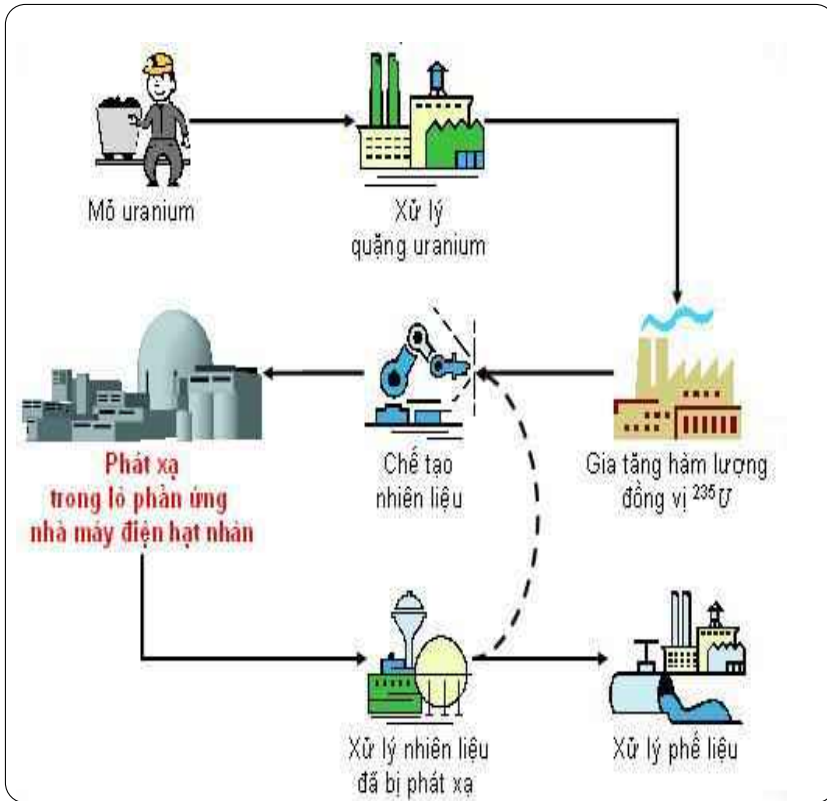
Như mọi công nghệ, công nghệ điện hạt nhân phải hòa nhập vào một chuỗi công nghệ. Muốn nắm được công nghệ điện hạt nhân phải nắm được ít nhiều những công nghệ lân cận. Chúng tôi không nói đến những công nghệ xoong chảo nặng, cơ khí nặng, luyện kim, hóa học hay tự động học mà nếu bỏ nhiều công học tập và nhiều vốn đầu tư thì một ngày nào đó cũng có thể nắm được. Ngoài những công nghệ đó còn phải nắm được những công nghệ của chu trình nhiên liệu.

Một nhà máy hạt nhân chỉ là một khâu trong một chuỗi công nghệ phức tạp gọi là chu trình nhiên liệu. Chu trình đó gồm bảy khâu :

1. đào mỏ,
2. xử lý quặng uranium,
3. gia tăng hàm lượng đồng vị  $^{235}\text{U}$ ,
4. chế tạo nhiên liệu,
5. phát xạ trong lò phản ứng nhà máy điện hạt nhân,
6. xử lý nhiên liệu đã được phát xạ,
7. xử lý phế liệu.

(xem hình trang sau)

Uranium nằm trong lòng đất từ mấy tỷ năm nay. Trong thời gian đó một số hạt nhân phân hạch và sinh ra khí radon. Khí radon là một chất phóng xạ. Khi đào mỏ thì khí radon bay ra. Nếu mỏ được khai thác trong hầm thì phải thổi gió mạnh vào hầm để thổi khí radon ra khỏi hầm và tránh cho nhân công đào mỏ bị nhiễm. Việc thổi gió vào hầm này không có gì là khó vì những hầm mỏ khác, được khai thác từ thời tiền cổ, cũng cần phải thổi gió như



Sau khâu làm giàu, uranium tự nhiên có tỉ lệ đồng vị  $^{235}\text{U}$  bị giảm đi. Người ta nói rằng uranium đã bị làm nghèo. Uranium này được để sang một bên chờ ngày công nghệ neutron nhanh được hiệu chỉnh và biến thành  $^{239}\text{Pu}$  phóng xạ. Còn uranium với hàm lượng đồng vị  $^{235}\text{U}$  được gia tăng, mà chúng ta gọi là uranium được làm giàu, thì được biến đổi trở lại thành oxy uranium  $\text{UO}_2$ . Sau khi được vo thành viên, những viên oxy uranium được đổ vào trong lòng những thanh bằng một hợp kim zirconium gọi là zircalloy. Những thanh đó có những cánh để có thể tải nhiệt khi năng lượng sinh ra nhân những phản ứng hạt nhân. Chúng được gom lại thành bó trước khi đặt vào lò phản ứng. Việc chế tạo những viên  $\text{UO}_2$  những thanh và những bó nhiên liệu này cần phải được rất chính xác để không bị trượt trặc khi đặt nhiên liệu vào lò phản ứng, khi rút chúng ra khỏi lò và để khi lò điều hành nhiệt năng có thể tỏa ra khỏi những thanh nhiên liệu một cách hài hòa.

vậy. Đặc biệt những mỏ than đá cũng có khối lượng khí radon tương tự phát ra khi đào than[vi].

Sau khi quặng được đào ra khỏi mỏ thì được lọc ra khỏi đất đá vụn. Sau khâu làm tinh khiết thì uranium ở dưới dạng oxy uranium  $\text{UO}_2$  hình bánh nguyệt màu vàng xám nên được gọi là *yellow cake* (bánh màu vàng). Khâu này cũng không có gì khó vì đó là công nghệ cổ điển của ngành luyện kim.

Uranium tự nhiên chỉ có 0,7 phần trăm đồng vị  $^{235}\text{U}$ . Hàm lượng này không đủ để duy trì dây chuyền phản ứng nên người ta phải gia tăng hàm lượng đó. Để làm việc đó oxy uranium  $\text{UO}_2$  được đổi thành khí hexa fluorur uranium  $\text{UF}_6$  qua một số quy trình hóa học. Sau đó một phần phân tử  $\text{UF}_6$  có đồng vị  $^{238}\text{U}$  được loại ra làm tăng tỷ lệ những phân tử có đồng vị  $^{235}\text{U}$ . Việc gia tăng tỉ lệ đồng vị  $^{235}\text{U}$  này gọi là việc làm giàu uranium. Vì trọng khối phân tử hexa fluorur uranium với đồng vị  $^{235}\text{U}$  và trọng khối phân tử có đồng vị  $^{238}\text{U}$  chỉ khác nhau không đáng kể nên việc làm giàu rất công phu và tốn kém.

Hiện có nhiều phương pháp tách phân như là phương pháp khuếch tán, phương pháp siêu quay rầy hay là phương pháp laser. Chỉ có những cường quốc có vũ khí hạt nhân mới nắm được công nghệ này. Những nước này là Anh, Nga, Hoa Kỳ, Pháp và Trung Quốc. Ấn Độ và Pakistan gần đây cũng có thử vài quả bom nguyên tử nhưng chưa biết có đủ khả năng công nghệ để được coi là thành viên câu lạc bộ những nước có vũ khí hạt nhân hay không. Các nước đó ngăn cản không cho những nước khác mua hay để khai triển công nghệ làm giàu uranium viện có rằng họ muốn chống tăng sinh vũ khí hạt nhân.

Cũng vì viện có không cho tăng sinh vũ khí hạt nhân những nước có vũ khí hạt nhân cũng không bán cho những nước khác uranium đã được làm giàu. Vì không có khả năng tự quản lý uranium đã được làm giàu những nước không có vũ khí hạt nhân không còn lý do để khai triển công nghệ sản xuất những bó nhiên liệu hạt nhân nữa.

Về việc chọn lựa những loại nhà máy điện hạt nhân thì các nước không có vũ khí hạt nhân chỉ được mua hay, nếu có khả năng công nghệ, khai triển những lò phản ứng kiểu PWR thôi. Những nước có vũ khí hạt nhân đơn phương quyết định rằng tất cả những lò phản ứng hạt nhân khác đều có tiềm năng tăng sinh vũ khí hạt nhân.

Gần đây liên doanh Framatome Siemens chào hàng loại lò phản ứng gọi là EPR (European Pressurized Reactor, Lò Phản ứng Nước Nén Âu-châu). Họ giới thiệu loại lò đó là một thiết bị thế hệ thứ tư, tối tân hơn, tận dụng đồng vị  $^{235}\text{U}$  hơn, có thể đốt nhiều nguyên tử uranium hơn và nhất là an toàn hơn. Thực ra đó chỉ là một lò thuộc loại PWR có tiến bộ một chút nhưng không phải là một cách mạng công nghệ. Những chuyên gia năng lượng hạt nhân gọi lò phản ứng thế hệ thứ tư là những lò neutron nhanh đang được triển khai !

Sau khi nhiên liệu  $\text{UO}_2$  đã được phát xạ và những đồng vị phóng xạ đã được tận dụng để sản xuất năng lượng, những bó thanh nhiên liệu được rút ra khỏi lò và đặt trong một bể nước kế cận với lò phản ứng chờ cho mức phóng xạ giảm xuống.

Khi phóng xạ giảm xuống đến mức không đáng kể thì những bó nhiên liệu được xẻ nhỏ và hòa tán trong những

bể acid. Những nguyên tử được phân loại. Những nguyên tử uranium và plutonium được biến chế thành nhiên liệu cho một suất nã. Những nhiên liệu đó gọi là MOX (Mixed Oxyd, Oxyd Hỗn hợp). Những sản phẩm phân hạch còn lại là những chất phóng xạ alpha, rất độc hại, với nửa đời sống [vii] rất lâu dài. Vì thế chúng đặt ra vấn đề an toàn. Rất may là khối lượng những sản phẩm đó tương đối rất nhỏ nên có thể kiểm soát việc lưu trữ chúng. Ngoài ra một phần lớn sẽ có thể được xử lý trong những lò neutron nhanh tương lai khi những lò đó được hiệu chỉnh.

Cũng như khâu làm giàu uranium, những nước có vũ khí hạt nhân tổ chức độc quyền công nghệ xử lý nhiên liệu đã bị phóng xạ viện có nguy cơ tăng sinh vũ khí hạt nhân.

Còn việc xử lý phế liệu thì chính sách của họ chưa rõ lắm. Chắc sẽ là phế liệu của ai thì người ấy lo và mỗi nước phải tự khai triển hay mua công nghệ rất cầu kỳ này.

### Kết luận

Nhiều người tưởng rằng nếu có tiền mua một nhà máy điện hạt nhân và thuê chuyên gia ngoại quốc đến dạy cho vài kỹ sư bản xứ điều hành nhà máy là đủ để đưa đất nước họ vào kỷ nguyên hạt nhân. Đó là một sai lầm có thể dẫn nước họ đến chỗ mất tự chủ.

Hiện nay những cường quốc hạt nhân viện có muốn giới hạn tăng sinh vũ khí hạt nhân nên :

- chỉ cho phép xí nghiệp của họ bán những nhà máy loại PWR,
- không cho phép chuyển giao công nghệ làm giàu uranium và xử lý nhiên liệu đã bị phát xạ.

Một nước mua một nhà máy điện hạt nhân mà không thuộc câu lạc bộ những nước có vũ khí hạt nhân sẽ bị ngoại bang bắt chẹt ở đâu vào, khi mua nhiên liệu để chạy nhà máy, cũng như ở ngõ ra, khi phải thải nhiên liệu đã bị phát xạ.

Một nước mà dân cũng như những người lãnh đạo không có kiến thức cao về công nghệ sẽ không biết mua công nghệ nào để cho thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ của nước đó. Nước đó cũng có khả năng bị những xí nghiệp trong ngành hạt nhân lừa bịp.

Nếu bây giờ tay không mà bỏ tiền ra đào tạo chuyên gia cùng lúc nhờ nước ngoài xây một hai nhà máy điện PWR thì cũng có thể làm được. Nhưng cần phải vất vả trong 10 đến 15 năm, nghĩa là năm 2015 hay 2020 mới sẵn sàng. Lúc đó những lò PWR sẽ tròn một nửa thế kỷ đời và rất có thể được thay thế bằng một loại lò khác tân tiến hơn. Nói một cách khác có nghĩa là chạy theo một công nghệ lạc hậu.

Một ngày nào đó, Việt Nam cũng phải đi vào công nghệ hạt nhân. Vấn đề là, trên thị trường công nghệ, chỉ có luật mua đi bán lại. Để vào kỷ nguyên năng lượng hạt

nhân, Việt Nam nhắm công nghệ của khâu nào trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, có gì để trao đổi với nước khác và làm gì để duy trì nền độc lập ?

**Đặng Đình Cung**  
Kỹ sư tư vấn  
ddc@noos.fr

---

[i] Chúng tôi cố gắng viết bài này cho gọn với mục đích để người đọc hiểu nguồn gốc khoa học và kỹ thuật của những vấn đề. Độc giả nào có nhu cầu thì tham khảo thêm những sách của bộ "Que sais je ?" do Presses Universitaires de France xuất bản :

- Blanc D., "La Physique Nucléaire", số 2139
- Lewiner C., "Les Centrales Nucléaires", số 1037
- Reuss P., "L'Énergie Nucléaire", số 317
- Vendryes G., "Les Surgénérateurs", số 2362

và tra những trạm Internet : [www.sfen.org](http://www.sfen.org), [www.worldnuclear.org](http://www.worldnuclear.org) và [www.people.howstuffworks.com](http://www.people.howstuffworks.com).

Ngoài ra, nếu ở Pháp thì cũng có thể

- xin hãng Areva (27 29 rue Le Peletier, F 75009 Paris) gửi biếu cuốn "Tout sur l'Énergie Nucléaire, d'Atome à Zirconium",

- đăng ký đi thăm một nhà máy điện hạt nhân hay nhà máy điện nào khác của Électricité de France

- và thăm viện bảo tàng năng lượng hạt nhân với pin nguyên tử Zoé (Espace Zoé, Centre d'Etudes Nucléaires de Fontenay aux Roses, 18 route du Panorama, F 92265 Fontenay aux Roses, điện thoại 0146.54.93.81, địa chỉ điện tử [dcom@aramis.cea.fr](mailto:dcom@aramis.cea.fr))

[ii] Một đồng vị phóng xạ là một hạt nhân có thể bị đập vỡ bởi một neutron để sinh ra năng lượng, một số sản phẩm phân hạch và một số neutron. Một đồng vị phong phú có thể hấp thụ một neutron để trở thành một đồng vị phóng xạ.

[iii] Và chia xẻ lợi nhuận khi sẽ có kết quả !

[iv] Vì lý do đó mà plutonium là một đe dọa cho an ninh Thế giới chứ không thể là một đe dọa cho môi trường. Chúng tôi xin sẽ đề cập đến vấn đề này vào một dịp khác.

[v] Lò phản ứng hạt nhân bị nạn ở Tchernobyl là một lò RMBK.

[vi] Mọi vật trên thế gian này đều phóng xạ ít hay nhiều. Nguyên tử những khoáng vật cũng tự nhiên phóng xạ và sinh ra khí radon. Khi đào mỏ dù là để lấy bất cứ một chất gì thì cũng giải phóng radon bị giam trong đá. Thổi gió vào hầm mỏ không những mang dưỡng khí cho công nhân thở mà còn thổi radon ra ngoài trời để làm giảm nguy cơ bị radon phát xạ.

[vii] Cường độ những vật phóng xạ giảm đi một nửa sau một khoảng thời gian cố định gọi là nửa đời. Ví thế sau một thời gian ngắn hay lâu tất cả những đồng vị phóng xạ đều sẽ biến mất. Nửa đời những đồng vị khác nhau thất thường : có những đồng vị với nửa đời vài khắc giây đồng hồ và những đồng vị khác với nửa đời mấy tỷ năm và được coi là ổn định.

# Tháng 4, 1905 ở vịnh Cam Ranh

Vinh Sinh

## I

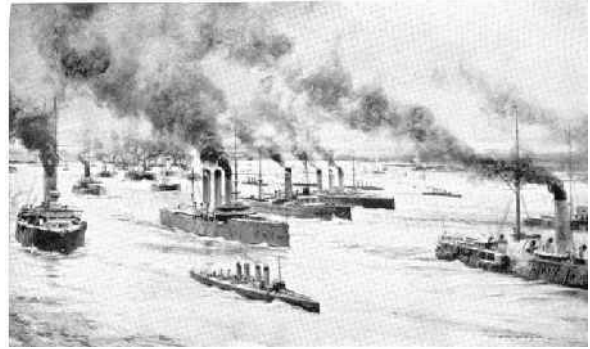
Táng sáng ngày 31 tháng 3, 1905, từng chiếc khu trục hạm Nga từ từ ló dạng ở cửa biển vịnh Cam Ranh còn quỵện sương mù. Những chiếc tàu này vượt cửa Bé và vịnh trước để kiểm tra an toàn cho đoàn tàu 45 chiếc của hạm đội Baltic,<sup>[1]</sup> tức hạm đội Thái Bình Dương II, dưới quyền chỉ huy của đô đốc Rozhstvensky. Chỉ trong vòng 2 tiếng đồng hồ sau đó, hạm đội Baltic thả neo, “đậu thành 5 hàng song song với những chiến hạm bọc sắt lớn nằm án ngữ cửa vịnh”.<sup>[2]</sup> Sau 28 ngày trường vượt trùng dương từ đảo Madagascar thuộc Pháp, Cam Ranh là bến cảng nghỉ chân đầu tiên sau một hải trình dài 4.500 hải lý. Cam Ranh cũng là trạm tiếp tế nhiên liệu và lương thực cuối cùng trước khi đoàn tàu khổng lồ này lên đường đi Vladivostok nhằm trợ chiến cho hạm đội Thái Bình Dương I đang tranh hùng với hải quân Nhật trên vùng biển Bắc Á từ hơn một năm ròng. Cam Ranh còn là điểm hẹn với hạm đội Thái Bình Dương III của đô đốc Nebogatoff hãy còn lẻo đẻo theo sau.



Trước đó Cam Ranh một thời đã từng là bến cảng khá nhộn nhịp của hải quân Pháp. Vào thời điểm năm 1905, quân cảng này đã “đượm vẻ hoang vắng điêu tàn”.<sup>[3]</sup> Nhưng dù sao Cam Ranh vẫn nổi danh là một “hải cảng thiên nhiên toàn bích, an toàn, rộng rãi, mặt nước phẳng lặng như tờ”.<sup>[4]</sup> Chiến hạm Nga tuy đã lỗi thời, nhưng những giàn cự pháo 12 ly và 10 ly trang bị trên tàu là lý do khiến nhiều quan sát viên cho rằng hải quân Nga “chỉ có thể thua trận trong trường hợp khả năng pháo kích của họ quá tồi”.<sup>[5]</sup> Bởi vậy, sau khi hạm đội Baltic vào hạ neo ở Cam Ranh, dư luận báo chí ở Singapore, Manila, Malacca, Sài Gòn, Hồng Kông và những thành phố nhiều người Hoa ở ven biển Thái Bình Dương không ngớt chào đón về một trận hải chiến không tiền khoáng hậu sắp diễn ra

trong nay mai.<sup>[6]</sup> Sĩ phu nước ta chắc hẳn cũng nhờ vậy mà theo dõi được những diễn tiến của chiến tranh Nhật Nga.

Ngày 2 tháng 4, đô đốc Pháp de Jonquières, phó tư lệnh hải quân Pháp ở Thái Bình Dương, dẫn tuần dương hạm *Descartes* ghé thăm xã giao hạm đội Nga. Nhưng khi de Jonquières trở lại ngày 22 tháng 4, tuy vẫn giữ thái độ hòa nhã bất thiệp, đô đốc Pháp yêu cầu hạm đội Nga phải nhổ neo trong vòng 24 tiếng đồng hồ.



Tại sao Pháp lại có thái độ lạnh nhạt với Nga? Lý do dễ thấy nhất là lực lượng Nga đang bị lực lượng Nhật do danh tướng Nogi Maresuke chỉ huy phản đòn tới tấp trên chiến trường Mãn Châu. Nhưng lý do chính yếu vẫn là áp lực của Nhật và đồng minh là Anh. Bằng mọi cách, hai nước này đòi Pháp phải ngưng chỉ những “hành động có tính cách dung túng” (*indulgent attitude*) đối với hạm đội Nga. Thêm vào đó, chính quyền Hoa Kỳ cũng cảnh giác cực độ trước sự xuất hiện của hạm đội Nga ở một địa điểm không cách bao xa thuộc địa mà họ mới chiếm từ Tây Ban Nha là Phi Luật Tân. Nhật báo *Evening Sun* ở New York bình luận: “Nếu không có sự dung túng” của Pháp và “tệ hơn nữa là sự vô ý” của chính phủ quyền Đông Pháp đã cho phép hạm đội Nga ghé vào Cam Ranh lâu hơn thời hạn 24 tiếng đồng hồ theo luật quốc tế, thì Rozhstvensky không tài gì có thể chuẩn bị giao chiến với hạm đội Nhật. Bài báo kết luận là “ai cũng thấy rằng nếu không có sự che chở của Pháp”, toàn bộ hành trình 18.000 hải lý của Rozhstvensky từ biển Baltic, xuống Đại Tây Dương, vòng châu Phi qua Ấn Độ Dương, rồi ngược lên miền Bắc Thái Bình Dương “bất quá chỉ là một kế hoạch vô vọng, điên khùng” (*a hopelessly mad enterprise*).<sup>[7]</sup> Cần nói thêm là hạm đội Baltic phải vừa đi vừa tránh sự nhòm ngó của hải quân Anh, nhưng nhờ có căn cứ hải quân của Pháp ở Madagascar và Việt Nam cung cấp than đá và lương thực nên cuối cùng mới có thể tham chiến, mặc dù sau đó sẽ bị hải quân Nhật của đô đốc Tôgô Heihachirô tập kích ở eo biển Tsushima và tiêu diệt sau 24 giờ giao tranh.

Trước yêu sách đột ngột của chính quyền Đông Dương, đúng 1 giờ trưa hôm sau, Rozhstvensky ra lệnh nhổ neo và cho hạm đội Baltic “dàn thành đội ngũ ngoài cửa vịnh Cam Ranh”. Quang cảnh hoành tráng của hạm đội Nga lúc bấy giờ được mô tả trên báo *The Times* của Anh như sau: “Các chiến hạm Nga dàn thành một hình cánh cung dài như vô tận, trải dài từ mũi Valera sang tận mũi bên này của bán đảo Cam Ranh”.<sup>[8]</sup> Sau khi de Jonquières đã trình trọng đưa tiễn chân soái hạm của

Rozhestvensky ra đến cửa vịnh, nhằm tránh trách nhiệm cho Pháp là đã cho phép hạm đội Nga vào lấy thêm nhiên liệu và lương thực trong một thời gian khá lâu, ông đánh điện về sớ chỉ huy với lời lẽ khôn khéo, tựa hồ như chẳng hay biết gì cả về tình hình chiến sự Nhật Nga : “Hạm đội Nga đã rời bờ biển An Nam và đang tiến về hướng Đông. Không rõ sẽ đi đâu!”<sup>[9]</sup> Sự thật thì sau khi tuần dương hạm của de Jonquières vừa đi khuất, Rozhestvensky lại đưa hạm đội của mình vào ẩn náu, lần này ở vịnh Vân Phong, không cách cửa Bé bao xa. Trên thực tế Rozhestvensky chỉ ra khỏi bờ biển Việt Nam vào ngày 14 tháng 5, sau khi hạm đội Thái Bình Dương III của đế đốc Nebogatoff đã bắt kịp và đã lấy thêm than đá nhằm chuẩn bị cho cuộc hành trình định mệnh. Ngoài ra, trước khi rời Cam Ranh, Rozhestvensky cũng đã khôn khéo dàn xếp để de Jonquières mặc nhận cho một số tàu tiếp tế của hạm đội Baltic khởi đi chuyển ngay nhằm có đủ thời gian để bốc xếp hết than đá.

Cần nói thêm là trước đó, vào ngày 15 tháng 4, bốn chiếc tàu vận tải của hãng Hamburg-Amerika (Đức) chở 30.000 tấn than đá đã cập bến Cam Ranh để cung cấp nhiên liệu cho hạm đội Baltic. Vì không biết cuộc thư hùng với hải quân Nhật sẽ kéo dài bao lâu, mọi chiến hạm được lệnh đổ than tới mức tối đa. Những chỗ trống trên tàu hầu như đều trở thành nơi chứa than. Than đổ bừa bãi ngay cả trên boong tàu, chỉ có sàn pháo đài được chừa trống nhằm khỏi vương vãi khi lâm chiến.<sup>[10]</sup> Tàu chở than cũng mang theo thư tín gia đình cho thủy thủ gửi qua một địa chỉ trung gian ở Sài Gòn. Hôm đó cũng là ngày đầu tiên sau mấy tuần lễ lên đên trên đại dương, thủy thủ trên tàu được ăn xúp cải bẹ và rau tươi chở từ Sài Gòn. Những thương nhân người Pháp cung cấp lương thực đủ loại cho hạm đội, từ trái cây, rau tươi, cho đến bột mì, đồ hộp hay thịt gà, thịt bò. Những hàng này bán “với giá cao kinh khủng, chưa nói những mặt hàng xa xỉ có lời lớn như rượu vang hay rượu mạnh”. Bởi vậy, có thể hiểu tại sao chính phủ Đông Pháp đã chần chừ không muốn nhanh chóng chấp hành lệnh trục xuất.<sup>[11]</sup> Thương nhân người Việt cũng thường mang thực phẩm ra bán bằng ghe.<sup>[12]</sup> Đặc biệt vào đêm 16 tháng 4, 1905, biết thủy thủ Nga sẽ ăn mừng lễ Phục Sinh, ghe thuyền của các thương nhân người Việt chở gà vịt, rượu đế ra bán cho tới khuya. Thủy thủ Nga nhận xét là các mặt hàng do người “An Nam” chở ra bán giá phải chăng, đặc biệt họ tấm tắc tán thưởng món rượu đế, khen là “mỹ tửu” giống rượu của người Nga,<sup>[13]</sup> ý chừng muốn so sánh với rượu Vodka.

## II

Có ai ngờ trong những ghe ra bán thực phẩm trên tàu Nga lúc ấy lại có chiếc ghe chở ba người giả dạng thương nhân để quan sát tận mắt văn minh cơ khí của phương Tây qua lăng kính là chiến hạm Nga ! Ba thương nhân giả dạng này không ai khác hơn là ba nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp trong chuyến Nam Du năm 1905.

Trong tự truyện, Huỳnh Thúc Kháng ghi lại về việc lên xem tàu Nga qua mấy dòng đơn giản như sau : “Lúc đi ngang qua Nha Trang, được tin chiến hạm Nga đậu tại Cam Ranh, bèn giả khách buôn, thuê thuyền đánh cá, mua

trứng gà cùng trái cây các thứ, lên thuyền Nga xem rất khoái. Đấy chẳng qua vì tính thiếu niên hiếu kỳ, chứ không có ý gì”.<sup>[14]</sup> Trong ba nhà chí sĩ nói trên, chỉ có Huỳnh để lại chứng từ về cuộc “thám hiểm” độc đáo này. Cũng dễ hiểu thôi, vì Trần Quý Cáp thì mất sớm -- ba năm sau (1908), khi phong trào Dân biến ở miền Trung bột phát, cụ bị sát hại ở Khánh Hòa, còn Phan Châu Trinh thì ít khi đề cập đến việc riêng tư trong các trước tác văn xuôi (hầu hết là chính luận), hay nếu có nhắc tới chuyện riêng chẳng nữa thì cũng để làm sáng tỏ những công việc chung có liên hệ tới đồng bào và đất nước mà thôi.

Các đây khá lâu, khi đọc những dòng chứng từ trên đây của Huỳnh Thúc Kháng, người viết không khỏi lấy làm lạ. Đã đành Huỳnh Thúc Kháng là người có trí nhớ tuyệt vời, hầu như chẳng bao giờ lẫn lộn các chi tiết, bởi vậy chúng tôi tin việc các cụ tự mình “tạo điều kiện” để lên quan sát chiến hạm Nga 100 năm trước đây phải là chuyện có thật nên Huỳnh mới ghi lại trong tự truyện cho hậu thế biết. Tuy nhiên, người viết không khỏi thắc mắc vì sao một việc kỳ thú và có ý nghĩa như vậy mà từ trước tới nay ít thấy ai nhắc đến. Thắc mắc ấy cứ lờn vờn trong đầu. Chuyện mạo hiểm của các cụ xui chúng tôi nhớ lại một mẩu chuyện tương tự xảy ra ở Nhật Bản vào giữa thập niên 1850. Khi chiến thuyền của đế đốc Perry (Hoa Kỳ) đến Nhật, Yoshida Shōin nhận thấy cần phải tìm hiểu về Tây phương nên đã táo bạo chèo thuyền nhỏ ra biển rồi tìm cách đột nhập lên tàu của Perry để tìm đường du học. Kế hoạch không thành, Shōin bị bắt và bị giao trả lại cho cơ quan hữu trách Nhật, rồi bị giam lỏng một thời gian. Qua những hành động quả cảm trong cuộc đời vòn vẹn 29 năm, sau khi mất Shōin được người Nhật xem là “người đi tiên phong của phong trào dẫn đến Minh Trị Duy tân”. Một chi tiết ít được biết tới, nhưng cụ Ngô Đức Kế có thuật lại rằng khi quan tỉnh lên án đày Huỳnh Thúc Kháng ra Côn Đảo (1908) “có dẫn việc đi xem thuyền Nga mà bắt tội”.

Nhớ lại chuyện cũ, gần đây chúng tôi tìm đọc các sách nói về hạm đội Baltic thử xem có cuốn nào ghi lại thời gian hạm đội cập bến ở Cam Ranh hay chẳng. May mắn thay, chúng tôi tìm được hai cuốn sách tiếng Anh, một cuốn đặc biệt nghiên cứu về hạm đội Baltic và một cuốn là hồi ký của một sĩ quan Nga trên hạm đội Baltic còn sống sót sau trận hải chiến với hải quân Nhật ở eo biển Đối Mã. Cả hai cuốn thuật lại khá chi tiết những sự việc xảy ra khi hạm đội vào đậu ở Cam Ranh. Hai cuốn sách đó là : *The Fleet That Had to Die* (Hạm đội phải bị tiêu diệt) của Richard Hough và *Tsushima* (Eo biển Đối Mã) do A. Novikoff-Priboy trước tác. Những thông tin về hạm đội Baltic trong thời gian cập bến ở Cam Ranh trong phần đầu của bài viết này phần lớn dựa theo hai nguồn tài liệu đó. Căn cứ vào những thông tin này chúng tôi mới biết chắc là có khá nhiều ghe thuyền của các thương nhân người Việt ra bán thực phẩm cho thủy thủ và việc lên tàu của các thương nhân này cũng khá dễ dàng -- một phần có lẽ do nhu cầu khẩn thiết của thủy thủ người Nga về lương thực, đặc biệt là các thức ăn tươi. Do đó, chúng ta có thể suy luận là việc giả dạng làm thương nhân của ba nhà chí sĩ chắc hẳn cũng không mấy khó khăn, điều cốt yếu là cần phải có óc quả cảm, táo bạo và liều lĩnh thì họa hoàn mới dám nghĩ tới kế hoạch đó.

Vậy trong bộ ba Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp, ai là người khởi xướng việc này ? Chắc hẳn người đó không phải là Huỳnh Thúc Kháng, vì như nhà nghiên cứu Huỳnh Lý đã nhận xét, Huỳnh Thúc Kháng “nhạy nhay chốn trường ốc nhưng chất phác ở ngoài đời”.<sup>[15]</sup> Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp tình tình đã hăng say mà còn có tầm nhìn sâu rộng, đặc biệt Phan là người “từng trải và nhạy bén”<sup>[16]</sup> và chắc hẳn là nhân vật có đầu óc táo bạo nhất trong bộ ba. Chỉ cần xem một vài hành tung của Phan thì rõ. Ví dụ, chẳng bao lâu sau chuyến Nam Du, khi nghe tin Phan Bội Châu đã sang Nhật -- và chính Nhật Bản là nước đã chiến thắng Nga, tiêu diệt hạm đội Baltic mà Phan đã quan sát tận mắt – Phan đã tìm cách lặn lội sang Quảng Đông để gặp Phan Bội Châu, rồi từ đó cùng sang Nhật trong khoảng 2 tháng (vào năm 1906) để nhìn tận mắt đất nước mới canh tân sau Minh Trị Duy tân. Rồi cũng chính Phan, sau khi được phóng thích từ lao tù Côn Đảo, đã tìm đường sang chính ngay nước Pháp để tìm con đường giải cứu cho đồng bào. Tư tưởng táo bạo “Không vào tận hang hùm sao bắt được cọp” được thể hiện suốt cuộc đời xả thân vì đồng bào, vì nước quên mình của Phan. Bởi thế, chúng ta sẽ không ngạc nhiên nếu trên thực tế, giữa Phan và Trần Quý Cáp, chính Phan là người đầu tiên ngó ý về cuộc đi “thăm sát” văn minh Tây phương táo bạo ngay ở vịnh Cam Ranh 100 năm trước đây.

Khi nhìn lại lịch sử nước nhà vào đầu thế kỷ XX, chúng tôi không khỏi có cảm tưởng là bánh xe lịch sử dường như chuyển mạnh từ năm 1905.

Edmonton, tiết Đông chí, 2004

Vĩnh Sinh

[1] A. Novikoff-Priboy, *Tsushima* (Eo bể Đối Mã) do Eden và Cedar Paul dịch sang tiếng Anh từ tiếng Nga (New York : Alfred A. Knopf, 1937), trang 95.

[2] Richard Hough, *The Fleet That Had to Die* (Hạm đội phải bị tiêu diệt) (New York : The Viking Press, 1958), trang 137.

[3] Như trên, trang 129.

[4] Như trên, trang 127.

[5] Như trên, trang 133.

[6] Như trên.

[7] Như trên, trang 132.

[8] Như trên, trang 135.

[9] Như trên, trang 136.

[10] Novikoff-Priboy, trang 95.

[11] Hough, trang 135.

[12] Novikoff-Priboy, trang 97.

[13] Như trên, trang 98.

[14] *Huỳnh Thúc Kháng tự truyện*, Anh Minh dịch ra quốc ngữ từ Hán văn. Huế : Nxb Anh Minh, 1963), trang 26-27.

[15] Huỳnh Lý, *Phan Châu Trinh : Thân thế và sự nghiệp* (Đà Nẵng : Nxb Đà Nẵng, 1993), trang 42.

[16] Như trên.

## Một bài thơ Tess Gallagher

*Tess Gallagher sinh năm 1943, là vợ của Raymond Carver (1938-1988) nhà văn và thi sĩ Mỹ, họ gặp nhau năm 1977. Sống chung được 11 năm thì Raymond Carver chết. Bài thơ này cũng như nhiều bài thơ khác trong tập thơ "moon crossing the bridge", xuất bản 1992 là một hoài niệm về cuộc sống chung đó.*

*Thơ Tess Gallagher có những đặc tính "hậu hiện đại", với những chủ đề rất đời thường, với ngôn ngữ rất bình dị ; xuống dòng mà chưa hết câu một cách thường xuyên. Nhưng ở đây, khác với nhiều bài thơ trong đó thủ pháp này bị lạm dụng như một cái móc không ý nghĩa, việc ngắt câu trước khi hết ý được cảm nhận rõ ràng như một lời thủ thủ chậm rãi, như thể tác giả mời gọi người đọc tự tiếp nối câu thơ bằng một lời đối thoại thâm lặng, trước khi đến lượt tác giả.*

*Giọng bài thơ thâm thì mà hàm súc, tinh tế, mang cái nồng ấm của cặp vợ chồng rất hiểu nhau, như than hồng phủ trong tro. Đồng thời hình ảnh đó, cũng như hình ảnh tiếng nói xuyên qua hai miền sáng tối chia đôi trong căn phòng, cũng gợi lại việc trong khi cần đến nhau vẫn chấp nhận và tôn trọng những khác biệt, những khoảng tối riêng của mỗi người.*

H.T.

### EMBERS

He was suffering from too much light  
the way our afternoons recover from  
morning rain by slicing the room  
in half. I read to him to bring a voice  
sideways, to touch him more, and join  
our listening or laughter or mutual derision.  
To be one and none. Sometimes a rhyme can  
snuff its substance, yet release  
a second lasting. To speak aloud at a grave  
breaks silence so another heat  
shows through. Not speaking, but the glow  
of that we spoke.

### TRO HỒNG

Thời ấy anh đau đầu hoài vì nhiều ánh chói  
khi chúng tôi qua những buổi chiều nắng phủ  
con mưa buổi sáng, chia căn phòng  
làm hai. Tôi đọc sách cho anh để đem tiếng nói  
đến gần bên, để sát kê anh hơn nữa, để cùng  
lắng nghe, nói tiếng cười, hay chế nhạo mình.  
Để là một và không là ai. Đôi khi một vẫn điệu  
tự tàn lụi, lại dậy lên  
lần nữa. Nói vang trước mộ phần  
đập vỡ thỉnh lặng khiến hơi ấm nào  
toả lan. Phải đâu lời nói, chỉ là hào quang  
của tiếng nói hai người.

Bản dịch của Hàn Thuỷ

## *Con đường dẫn đến* **kiến trúc hậu hiện đại**



Ngày 15-7-1972, quần thể chung cư « Pruitt Igoe » ở Saint-Louis (Mỹ, 1952-55, kts Minoru Yamasaki) đã bị phá sập. Sự kiện được coi như biểu tượng của sự cáo chung của nền « kiến trúc hiện đại », ít ra ở Mỹ.

Văn Ngọc

Từ hơn 30 năm nay, **kiến trúc hậu hiện đại** đã chiếm được một địa vị ngày càng vững chắc ở hầu khắp mọi nước trên thế giới, kể cả những nước chưa phát triển.

Mặc dầu chưa thay thế hết được các công trình « kiến trúc hiện đại » - những « bức tường thành » dày đặc, và những « chuồng thỏ » của những năm 50-60 - hiện vẫn còn *trơ gan cùng tuế nguyệt*, trừ khi có bị phá đi như quần thể chung cư « Pruitt Igoe » ở Saint-Louis, Mỹ, vào năm 1972, nhưng dấu sao nó cũng đã làm thay đổi một cách đáng kể bộ mặt kiến trúc của các đô thị và nhất là của các khu chung cư nằm ở ngoại vi các thành phố.

Có thể nói rằng, sự ra đời của các phong cách hậu hiện đại vào những năm 60-70 của thế kỷ XX đã là một bước ngoặt quan trọng của kiến trúc, thoát tiên trong phạm vi các nước công nghiệp phát triển, rồi dần dần, ảnh hưởng của nó đã lan truyền rộng khắp tới các nước đang phát triển. Từ « hậu hiện đại » đã được Charles A. Jencks, một nhà nghiên cứu lịch sử kiến trúc người Mỹ, sử dụng lần đầu tiên vào năm 1975. Nội dung của nó sẽ được đề cập tới một cách cụ thể trong bài này.

Song cũng cần phải mở một dấu ngoặc, là vào những năm 60-70, không chỉ có hiện tượng **kiến trúc hậu hiện đại** - thực chất chỉ là biểu hiện văn hoá - nghệ thuật của một xã hội công nghiệp phát triển : tính chất phê phán của nó chỉ giới hạn ở một vài điểm, chủ yếu thuộc về *hình thức* bên ngoài - song song với nó, còn có phong trào **kiến trúc thích ứng**, chủ trương *tiết kiệm nguyên vật liệu* và *khai thác những nguồn vật liệu và năng lượng mới*, đồng thời giữ gìn *bản sắc văn hoá cộng đồng* trong kiến trúc. Hai xu hướng này, thực ra không mâu thuẫn với nhau, ngược lại, chúng có thể bổ sung cho nhau.

Trở lại vấn đề : từ đâu đã nảy sinh ra hiện tượng kiến trúc hậu hiện đại ? Phải hiểu hiện tượng này như thế nào ? Và nó đã đem lại những gì mới mẻ ?

## **Trở về cội nguồn của « kiến trúc hiện đại »**

Giải thích sự hình thành của kiến trúc hậu hiện đại đòi hỏi phải đi ngược trở lên cội nguồn của nền kiến trúc hiện đại, hiểu theo nghĩa rộng, lần theo những bước đi của nó, ít nhất từ đầu thế kỷ XIX đến nay ở các nước công nghiệp phát triển ở Âu châu và Bắc Mỹ, từ khi những công trình đầu tiên của **kiến trúc sắt thép** xuất hiện (đầu thế kỷ XIX), đến phong trào « **Tân nghệ thuật** » (Art nouveau, 1850), tiền thân của nền « **Kiến trúc hiện đại** » (Architecture moderne 1920-1970...), cuối cùng đến các phong cách kiến trúc được gọi là « **hậu hiện đại** » (Post-Modernisme), ra đời vào những năm 60-70 của thế kỷ XX.

Chúng ta sẽ thấy rằng trong suốt thời gian dài hơn một thế kỷ này, có những động cơ đã luôn luôn thúc đẩy kiến trúc phải thay đổi cả từ quan niệm đến phong cách để thích nghi với đời sống ngày một đổi mới. Những động cơ đó gắn liền mật thiết với nhau một cách biện chứng : sự phát triển của **kinh tế** và của **khoa học, kỹ thuật**, kéo theo những thay đổi trong **đời sống xã hội**, từ đó ảnh hưởng tới những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người, đến **cái gu** và **trình độ thẩm mỹ** của quần chúng, v.v.

Có thể nói một cách khái quát rằng, tất cả đã bắt đầu từ cuộc **Cách mạng công nghiệp ở Âu châu** (1780-1880), không những đã tạo ra những phương tiện kỹ thuật, và những **vật liệu** mới cho ngành xây dựng, mà còn làm đảo lộn cả **môi trường sống, nếp ăn ở và làm việc** của con người. Xã hội công nghiệp đặt ra những nhu cầu, những phương châm mới, tạo ra một tâm thức mới, do đó, khung cảnh sống và cách sống cũng phải « **thích nghi** », kéo theo những thay đổi quan trọng trong quan niệm về kiến trúc : yếu tố **công năng** được đưa lên hàng đầu, và khía cạnh **văn hóa-lịch sử** của một nghệ phẩm, kể cả kiến trúc, gần như bị gạt bỏ, ít ra bởi một số lý thuyết gia.

Ngoài ra, còn có vấn đề **vật liệu** : trước sự ra đời của hai vật liệu mới, sắt thép và bê-tông, người kiến trúc sư từ trước tới nay vẫn quen suy nghĩ với vật liệu gạch đá, nay cũng phải " thích nghi " với những vật liệu mới và những đặc tính kỹ thuật của chúng.

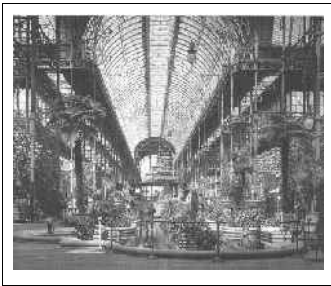
Ngay từ 1841, Augustus Welby Northmore Pugin đã viết : « *Trong một công trình kiến trúc, mỗi chi tiết đều phải đáp ứng một nhu cầu, hoặc về mặt kỹ thuật, hoặc về mặt công dụng, và hình dạng của một công trình kiến trúc cũng phải tùy thuộc vật liệu được chọn lựa* ». (A.W.N. Pugin, The true Principles of Pointed or Christian Architecture, 1841). Pugin chủ yếu lấy kiến trúc gothique làm mẫu mực, do tính công năng của nó.

Thực ra, đây cũng chỉ là những ý tưởng bắt nguồn từ **truyền thống duy lý của Pháp** ở thế kỷ XVII-XVIII : ngay từ 1747, Batteaux, trong tác phẩm « Les beaux-arts réduits à un même principe », đã viết : « *Kiến trúc không phải chỉ để phục vụ con mắt, mà còn là một dịch vụ* ».

Hogarth, một kiến trúc sư người Anh, trong tác phẩm « Analysis of Beauty : of Fitness », cũng nhấn mạnh về sự cần thiết phải « thích nghi » cái đẹp thẩm mỹ, cụ thể là cái hình dạng bên ngoài của một vật dụng, với công năng của nó, nhất là trong kiến trúc.

Nhiều ý tưởng quan trọng khác, liên quan đến mối quan hệ giữa hai khía cạnh **thẩm mỹ** và **công năng**, cũng đã xuất hiện vào thời kỳ này. Năm 1835, thượng nghị viện Anh cho điều tra về chất lượng của design và các sản phẩm xuất khẩu của nước Anh vào lúc đó, kiến trúc sư T.L. Donaldson đã phát biểu như sau : « *Tôi chưa bao giờ thấy một cái máy chạy tốt mà lại không đẹp* ». Redgrave, trong bản báo cáo về chất lượng design ở Đẩu xảo quốc tế năm 1851, cũng đã nhận xét : « *Lược bỏ đi những chi tiết trang trí trên những sản phẩm công nghiệp, hoặc thủ công nghệ có tính công năng cao, chỉ có thể làm nổi bật lên vẻ đẹp thanh nhã của chúng* ». Oscar Wilde, nhà văn kiêm nhà mỹ học, cũng đã từng nói : « *Mỗi cái máy tự nó đã có sẵn một vẻ đẹp rồi, không cần phải trang trí thêm làm gì* ».

## Vật liệu mới, thẩm mỹ mới



Joseph Paxton, Crystal Palace (1851)

Tại cuộc Đẩu xảo quốc tế năm 1851 ở Anh, một công trình kiến trúc hoàn toàn được lắp ghép bằng khung sắt thép tiền chế và kính, mang tên Crystal Palace, mà tác giả là Joseph Paxton, đã gây được sự chú ý của mọi người : điều làm cho người ta ngạc nhiên nhất, là nó không thuộc một phong cách kiến trúc nào có trước đó. Nó không có *dĩ vãng văn hoá-lịch sử* ! Thực ra, những xưởng dệt ở Anh, ngay từ những năm 1790 cũng đã được xây bằng sắt thép và kính, song ở một qui mô nhỏ hơn, và chưa có một phong cách gì rõ rệt. Thư viện Sainte-Genevieve (1843-50), và Thư viện quốc gia Pháp (1862-68), mà tác giả là kiến trúc sư Henri Labrousse, cũng đã được xây dựng với kết cấu sắt thép, nhưng kín đáo hơn.

Vào thời đó, quan niệm về thẩm mỹ trong kiến trúc vẫn còn bị hạn chế bởi những khái niệm cổ điển về hình khối, thường là đặc trưng của kiến trúc gạch đá, cũng như về cái đẹp ước lệ của tỷ lệ, mà nguồn gốc lên đến tận kiến trúc cổ điển Hy-Lạp/La-Mã. Nhìn một công trình kiến trúc, người ta thường liên tưởng đến phong cách này, hay phong cách nọ, người ta có những *mốc văn hóa và lịch sử* để so sánh. Kịp đến khi kiến trúc sắt thép xuất hiện, đem đến cho người ta một cái nhìn mới về *không gian kiến trúc*, về *vật liệu*, về cái đẹp của *nhịp điệu*, đồng thời nó cũng đem lại những ấn tượng mới, những cảm giác mới.

Người ta bắt đầu nhạy cảm với thẩm mỹ của những chiếc cầu sắt đầu tiên : cầu Coalbrookdale ở Anh (1777, dài 30m), cầu Sunderland (1793, dài 62m), cầu Schuykill (1809, dài 92m), và cuối cùng chiếc cầu treo ở Menai (Pays de Galles, 1818, với nhịp cách chính dài 153m). Ngay từ 1850, Wyatt, một kiến trúc sư người Anh, đã gọi những chiếc cầu này là những « kỳ quan ».

Wyatt đã tiên đoán không lầm, bởi cùng với những « kỳ quan » khác, cũng là những kết quả hợp tác giữa những kỹ sư kết cấu và kiến trúc sư, như Tháp Eiffel (1889), Galerie des Machines (1889), Kết cấu nhẹ hình quả cầu (dôme

géodésique) của Richard Buckminster Fuller ở Đẩu xảo quốc tế Tokyo (1957) và Montréal (1967), Kết cấu lưới thép của Frei Otto ở Sân vận động Munich (1967), Kết cấu nhẹ 3 chiều của Stéphane du Château v.v., vào những năm 60 của thế kỷ XX, chúng đã trở thành những mẫu mực kinh điển cho một trong những phong cách « hậu hiện đại » : phong cách High-Tech !

Viollet-le-Duc (1814-1879), kiến trúc sư và lý thuyết gia nổi tiếng người Pháp, đã từng nói một câu đầy ý nghĩa, trong một cuộc đàm thoại về kiến trúc : « *Ngày nay, người kiến trúc sư không cần gì mà phải bán khoán, tự hỏi ngôi nhà mình vẽ có thuộc phong cách La Mã, Gothique, hay Phục Hưng không ? Thái độ đó không dẫn đến một sự sáng tạo nào cả. Người kỹ sư khi thiết kế một đầu máy, có bao giờ lại nghĩ đến bắt chước một chiếc xe ngựa đầu ?* ». Ông còn nói một câu rất thâm thúy khác : « *Muốn có một nền kiến trúc mới, phải có cả một nền văn minh, văn hóa mới* ».

## Phong trào Tân Nghệ thuật (Art Nouveau, 1850)

Song song với ảnh hưởng của vật liệu, còn có ảnh hưởng của những ý tưởng có tính chất kinh tế-xã hội, chẳng hạn như chủ trương « nghệ thuật phục vụ cho số đông và cho đời sống thường ngày ». do William Morris, một nhà thơ, kiêm nhà mỹ thuật công nghiệp người Anh khởi xướng vào những năm giữa thế kỷ XIX, thúc đẩy trước hết ngành mỹ thuật công nghiệp (design), và lôi cuốn được sự nỗ lực của các họa sĩ và kiến trúc sư, dẫn đến sự ra đời của phong trào « Art Nouveau » (« Tân Nghệ thuật »), với những người đi tiên phong như : William Morris, Mackintosh, Mackmurdo, v.v. Phong trào này đã có một ảnh hưởng nhất định lên hầu hết các ngành nghệ thuật tạo hình đương thời ở Âu châu : kiến trúc, design, điêu khắc và ngay cả hội họa (Gauguin và trường phái Pont Aven, Pháp ; Gustav Klimm, Áo) .

Đặc biệt, trong kiến trúc, ảnh hưởng này đã rất quan trọng trong các tác phẩm của Gaudi (Tây Ban Nha), Victor Horta, Henry Van de Velde (Bi), Endell, Otto Wagner (Áo), và Guimard (Pháp).

Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội Âu châu và Bắc Mỹ đang bước vào giai đoạn công nghiệp hóa triệt để, nhằm đi đến sản xuất hàng loạt, ít ra những vật dụng như giường, tủ, bàn ghế, v.v., những đường cong phức tạp và những mô típ trang trí rườm rà của phong cách Art Nouveau đã nhanh chóng bị gạt bỏ.

Ngay từ 1904, ở Áo, kiến trúc sư Behrens đã dứt khoát từ bỏ phong cách Art Nouveau để đi vào con đường phục vụ công cuộc công nghiệp hóa một cách triệt để, đề cao những hình khối vuông vức và những mô-típ trang trí có góc cạnh vuông. Behrens là người đầu tiên chú ý đến thẩm mỹ của toàn bộ các vật dụng trong đời sống thường ngày, từ kiến trúc, cho



Victor Horta, Nhà phố ở Bruxelles (1892), phong cách Tân nghệ thuật.



đến các sản phẩm công nghiệp, thậm chí cho đến tờ giấy viết thư của hãng sản xuất. Quan niệm của ông về vai trò toàn diện của design quả thực là mới mẻ đối với thời ấy. Chính Behrens là thầy dạy của Walter Gropius, người đã sáng lập ra trường mỹ thuật Bauhaus (1919). Gropius và ê-kíp Bauhaus, cùng với Le Corbusier, J.J.P. Oud, và Mies van der Rohr, đã đặt nền móng cho « phong cách quốc tế », hạt nhân lý thuyết của « kiến trúc hiện đại ».

Nhưng cũng may thay, là vào những năm này, ở Âu châu và ở Bắc Mỹ, không phải chỉ có những kiến trúc sư đi theo hướng công nghiệp hóa triệt để. Mặt khác, sự phụ thuộc vào vật liệu mới đã không làm trở ngại cho những tìm tòi nhằm đổi mới phong cách kiến trúc để thích nghi với những nhu cầu về tiện nghi và thẩm mỹ của quần chúng.



Norman Shaw, Nhà phố ở Belford Park (ngoại ô London), 1872, với những chiếc bow-windows, tiền thân của những chiếc bow-windows trong kiến trúc.

Ngay từ những năm 70 của thế kỷ XIX, ở Anh, Áo, và ở Bắc Mỹ, đã có những tìm tòi mới mẻ của một số kiến trúc sư tài năng, như : Philip Webb, Norman Shaw, Voysey, Mackintosh (Anh) ; Otto Wagner, Joseph Olbrich (Áo) ; Stanford White, H.H. Richardson, Frank Lloyd Wright (Mỹ), trong hướng thích nghi kiến trúc nhà ở với đời sống mới, độc lập với việc thay đổi vật liệu. Đó là những ngôi nhà ở nông thôn của Philip Webb ; những ngôi nhà phố của Norman Shaw (New Zealand Chambers ở London, và Belford Park, ngoại ô London) ; những biệt thự sang trọng của Otto Wagner và Frank Lloyd Wright, v.v. Điều đáng chú ý, là những dãy nhà phố do Norman Shaw thiết kế, với những chiếc bow-windows, xen kẽ với những yếu tố kiến trúc cổ điển, cũng như những chiếc bow-windows trên những công trình của Victor Horta ở Bruxelles, 20 năm sau, không khỏi làm cho chúng ta ngạc nhiên, vì non một thế kỷ sau đó, truyền thống này đã được lấy lại bởi ít nhất một trong ba xu hướng của phong cách « hậu hiện đại » hiện vẫn còn thịnh hành.

Song, ảnh hưởng quyết định nhất, dẫn đến « phong cách quốc tế », và « kiến trúc hiện đại », vẫn là từ phía những kiến trúc sư, tuy cũng xuất thân từ phong trào Art Nouveau, song triệt để hơn với quan niệm duy lý : Josef Hoffmann (học trò của Otto Wagner) và Adolf



Adolf Loos, Biệt thự Karma (1904-1906), phong cách Tân nghệ thuật (Art Nouveau).

Loos, cả hai là người Áo. Những ngôi biệt thự do Hoffmann, hoặc Loos thiết kế vào những năm 1904-1910, có thể coi như là tiền thân của những ngôi biệt thự của Le Corbusier, hoặc của Walter Gropius vào những năm 20. Mặc dầu Adolf Loos, trên một vài công trình của mình, vẫn còn sử dụng những chi tiết kiến trúc lịch sử (mà sau này chắc hẳn đã ảnh hưởng đến phong

cách tân cổ điển, một trong 3 phong cách hậu hiện đại).

Chỉ cần so sánh biệt thự Karma của Adolf Loos (1904-06), với một tác phẩm « tân cổ điển » của Robert Venturi (Mỹ) : ngôi nhà của gia đình Flint (1981), hoặc ngôi nhà của bà mẹ Venturi (1962), chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy rằng, chúng có cùng những yếu tố kiến trúc cổ điển, và có cùng một phong cách... « tân cổ điển » !

« **Phong cách quốc tế** » (Style international, 1920) và « **Kiến trúc hiện đại** » (Architecture moderne 1920 - 1970...)

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, ở Anh, Bỉ, Đức, Áo, Tây Ban Nha, v.v., kiến trúc tương đối có điều kiện thuận lợi để phát triển một cách khá tự do, thoải mái, so với ở Pháp, đặc biệt ở Paris : từ sau công cuộc cải tạo vĩ đại của Haussmann (1853 - 1870), và nhất là từ sau những công trình nổi tiếng bằng sắt thép ở cuối thế kỷ XIX trở đi, cho đến những năm 50-60 của thế kỷ XX, ngoại trừ một vài công trình, coi như những bước đầu xây « thử nghiệm » vật liệu bê-tông của Auguste Perret ra, và những công trình có tính chất lý thuyết, hay cương lĩnh, của Le Corbusier, còn thì những xu hướng kiến trúc gọi là mới mẻ đã không có điều kiện để nảy nở, chủ yếu do sự độc quyền chỉ đạo và quản lý của một nhóm giáo sư, viện sĩ bảo thủ, đã bóp nghẹt óc sáng tạo của lớp kiến trúc sư trẻ ngay từ trứng nước, với phương pháp đào tạo cổ hủ, lỗi thời, của trường Cao đẳng Mỹ thuật Paris, chủ yếu chỉ dựa vào lý thuyết, và mục đích cao cả nhất là dẫn dắt sinh viên (bằng đủ mọi cách) đến Giải thưởng La Mã ! Cũng vì vậy, mà đến khi phải tái thiết lại nước Pháp sau cuộc Đại chiến thứ II, các Giải thưởng La Mã và các vị giáo sư, viện sĩ khả kính kia, khi được nhà nước giao nhiệm vụ, đã rất lúng túng trong công việc qui hoạch và xây dựng lại các thành phố bị tàn phá, bởi chưa bao giờ họ có được những kiến thức cụ thể này ! Người duy nhất có khả năng làm được việc này, và đã có một đề nghị cụ thể cho thành phố Saint-Dié, là Le Corbusier, thì lại bị từ chối, và không phải chỉ có một lần ! Có thể nói rằng, cuộc tái thiết lại nước Pháp sau chiến tranh đã là một thất bại lớn. Trong giới kiến trúc, người ta còn bảo đây là một cuộc lỡ hẹn không thể tha thứ được (với lịch sử) !

Ở các nước như Anh, Bỉ, Đức, Áo, Tây Ban Nha, v.v., cũng may là đã không xảy ra chuyện này ! Nhiều xu hướng đã nảy nở song song, thoải mái : **phong cách biểu hiện lãng mạn**, với Erich Mendelsohn, Bruno Taut, Wassili Luckhardt, Hans Scharoun (Đức), Gaudi (Tây Ban Nha), v.v. đã đẻ ra những kiệt tác, và đã có những ảnh hưởng sâu rộng đến mãi sau này : Saarinen, với Nhà ga hàng không TWA (NY, 1962), Jorn Utzon, với Cung Opera ở Sydney (1956-62), Frank O.Gehry; với Bảo tàng Guggenheim, Bilbao (1991-97) ; **phong cách lập thể**, với Walter Gropius, Le Corbusier, Adolf Meyer, và Mies van der Rohr, đã dẫn đến " **phong cách quốc tế** ".

Trường **Bauhaus** (Đức) ngay từ khi thành lập (1919), với cả một đội ngũ lý thuyết gia (trong đó phải kể cả Mondrian), đã đẩy mạnh việc truyền đạt thẩm mỹ của các mặt phẳng nhẵn nhụi, « thuần khiết », của các hình khối vuông góc và các đường thẳng góc. Thẩm mỹ hiện đại, tính cách hiện đại, đã được quan niệm như thế, thì không lấy gì làm lạ là trong kiến trúc, « phong

cách hiện đại » cũng sẽ loại bỏ tất cả những gì bị coi là rườm rà, phù phiếm, thậm chí cái lương : tất cả những mô típ trang trí, thức cột, hoa văn, diềm, gờ, v.v. Không những thế, Walter Gropius, khi sang tới Mỹ, còn cho đẹp hết cả những gì gọi nhắc đến những *cội nguồn lịch sử của kiến trúc* trong thư viện của trường đại học mỹ thuật Harvard !



Le Corbusier, Biệt thự Savoye ở Poissy (1929), phong cách quốc tế.

Một trong những nét chính của « phong cách quốc tế », chính là cái quan niệm thẩm mỹ khá trần trụi, khô khan, và « thẳng góc » này, cốt để cho việc sản xuất hàng loạt được dễ dàng. Ngoài ra, vật liệu phải là : bê-tông, sắt thép và kính, và không có chi tiết trang trí, nhất là những chi tiết mang một dấu ấn văn hóa-lịch sử nào đó (gờ, diềm, v.v.). Quan niệm thẩm mỹ của Le Corbusier thiên về các « hình khối đơn giản », quả là rất gần với nhóm Bauhaus, nhưng thật ra ông cũng rất mâu thuẫn, và không nhất quán với chính mình. Ông đã thiết kế những ngôi biệt thự và những chung cư rất vuông vức, nhưng mặt khác, ông cũng đã thiết kế ngôi nhà thờ Ronchamp (1953), mà ai cũng phải công nhận là một kiệt tác, nhưng lại là một sáng tác, với toàn những đường cong, và hoàn toàn tự do, bay bổng !



Walter Gropius (Đức), Nhà ở xây hàng loạt (1928) – phong cách quốc tế

Dẫu sao, phong cách quốc tế mà Le Corbusier, Walter Gropius, và Mies van der Rohr đề xướng ra, cũng đã nhanh chóng lan truyền sang khắp các nước Âu châu, và nhất là Bắc Mỹ. Ở đây, nó đã được áp dụng ngay một cách đại trà vào các ngôi nhà chọc giời của Sullivan, Sarrinen, Raymond Hood, John Mead Howells, Skidmore, Owings & Merrill, v.v. và của chính Mies van der Rohr và Le Corbusier !

Điều mà người ta có thể nhận xét được, là cả những nhà máy bằng kính của Walter Gropius, cả những ngôi biệt thự, những chung cư, tu viện và nhà thờ của Le Corbusier, đều là những loại kiến trúc có một phong cách thẩm mỹ nhất định, tuy rằng khá khô khan, lạnh lẽo, và trên một số mặt nào đó, có tính công năng cao, nhưng hoàn toàn không kinh tế ! Chỉ cần xem 5 nguyên tắc trong cương lĩnh về kiến trúc hiện đại của Le Corbusier cũng đủ thấy rằng muốn đáp ứng đúng những điều đó, thì kinh phí cho xây dựng sẽ phải nhân lên ít nhất gấp đôi, hay gấp ba, so với những công trình xây dựng bình thường. Những nguyên tắc đó là :

1. Nhà phải xây trên cọc bê-tông (như kiểu nhà sàn)
2. Mặt bằng phải được giải tỏa tối đa, vách có thể làm bằng những cấu kiện nhẹ, đúc sẵn, để có thể xê dịch.
3. Mặt tiền phải phẳng, nhẵn, không có gờ, diềm.
4. Cửa sổ kính phải là một băng dài liên tục chạy ngang suốt mặt tiền.
5. Mái phải là mái bằng.

Nói chung, quan niệm về kiến trúc của Le Corbusier, mặc

dầu nhằm mục đích phổ cập rộng rãi, có lúc còn mang đậm tính chất xã hội như ở Pessac (gần Bordeaux), nhưng thực ra lại không kinh tế : từ Đơn vị Marseille, với những cột chống vĩ đại bằng bê-tông, với cái gác sân thượng đồ sộ, để không không sử dụng, đến Ronchamp, mà chỉ riêng việc thực hiện cái mái cong hình thuyền bằng bê-tông cũng đã đủ tốn kém rồi ! Ở Pessac, những ngôi nhà với băng cửa sổ kính chạy dài, đã bị những chủ nhân xây bít lại (một nửa), mái bằng đã bị thay thế bằng mái dốc, v.v. Do đó, không lấy gì làm lạ là những đề nghị của Le Corbusier về phong cách kiến trúc hiện đại, ít ai có thể theo được, trừ khi có thừa tiền để phung phí.

« Phong cách quốc tế » dựa trên những ý tưởng của nhóm Bauhaus và của Le Corbusier trùng hợp với nhau ở quan điểm thẩm mỹ một phần, nhưng chủ yếu, đó là một sự trùng hợp về mặt quan niệm kinh tế-xã hội, thậm chí một sự liên minh chiến lược, nhằm đạt đến một mục đích chung. Dẫu sao, « Phong cách quốc tế » cũng đã khống chế nền kiến trúc ở Âu châu và Bắc Mỹ tới mãi sau những năm 70 mới tạm chấm dứt ! Mặc dầu vậy, ảnh hưởng của nó về mặt thẩm mỹ hiện đại không phải là nhỏ, và ngoài những thủ lĩnh của phong trào ra, nhiều tên tuổi kiến trúc sư tầm cỡ quốc tế khác, như : Alvar Aalto, Marcel Breuer, Erich Mendelsohn, Hans Sharoun, Richard Neutra, Eero Saarinen, Oscar Niemeyer, v.v. cũng đã ít nhiều áp dụng phong cách này ở một thời điểm nào đó.

Nhưng hậu quả tai hại nhất của « phong cách quốc tế » là ảnh hưởng của nó lên nền kiến trúc ở Âu châu vào giai đoạn 20 năm trước và sau cuộc Đại chiến thứ II, mà người ta gọi chung là " kiến trúc hiện đại ". Sau chiến tranh, do thiếu chuẩn bị về mặt lý thuyết kiến trúc, nhất là ở Pháp, giới kiến trúc sư nắm quyền hành đã dựa một cách rất đại khái vào những lý thuyết của « phong cách quốc tế » và những công trình thử nghiệm của Le Corbusier (Đơn vị Marseille), để tái thiết lại các thành phố và ngoại ô. Và vì, về mặt kinh tế, không thể nào đập theo được những thí dụ như Đơn vị Marseille, nên người ta đã thiết kế và xây dựng tùy hứng, không tôn trọng những nguyên tắc tối thiểu về qui hoạch, về tổ chức không gian, cũng như về chi tiết kiến trúc. Do đó, đã nảy sinh ra những loại kiến trúc mà người dân thường gọi là « những chuồng thỏ », tiêu biểu cho thời kỳ này. Trớ trêu thay, đây cũng là thời kỳ mà người ta xây dựng nhiều nhất, đáng gọi là thời kỳ vàng son, không phải là của kiến trúc, mà là của những hãng kiến trúc sư lớn, những hãng kỹ sư, những hãng thầu, những kỹ nghệ gia trong các ngành vật liệu xây dựng, những dân làm áp phe trong ngành nhà đất, v.v.

### Sự ra đời của các phong cách hậu hiện đại

Trong bối cảnh bế tắc của nền « kiến trúc hiện đại » vào những năm 50-60, thế hệ các Giải thưởng La Mã cũng đã ra đi gần hết rồi, hoặc sẽ bị hạ bệ trước cuộc nổi dậy của sinh viên năm 68, và cùng với nó Giải thưởng này cũng sẽ bị bỏ hẵn (nhưng chưa phải là vĩnh viễn, vì nó sẽ tái xuất giang hồ dưới những hình thức khác, và thị trường kiến trúc vẫn do một nhóm người độc quyền nắm giữ chặt chẽ !). Mặc dầu thế, một thế hệ kiến trúc sư và lý thuyết gia trẻ đã xuất hiện đông đảo ở khắp mọi nước phát triển trên thế giới, và đều có cùng một chí hướng : đập đổ « phong cách hiện đại » và những lý thuyết cứng nhắc, khô khan của nó, xây dựng một nền kiến

trúc nhân bản hơn, « thích nghi » một cách linh hoạt hơn với cái gu thẩm mỹ và nhu cầu của người sử dụng, cũng như với cuộc sống ngày một đổi mới, và nhất là không cắt đứt với quá khứ văn hoá-lịch sử.



Venturi, Nhà ở Pennsylvania (Mỹ), 1962-64 - phong cách hậu hiện đại.

Khi ta nói phong cách « hậu hiện đại » là nói một cách chung, để chỉ cả 3 xu hướng chính của nó. Ba xu hướng này sử dụng 3 ngôn ngữ khác hẳn nhau, đó là :

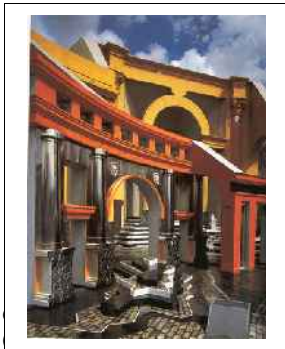


Venturi, Nhà ở Delaware (Mỹ), 1978-1983 – phong cách tân cổ điển.

**1/ xu hướng « hậu hiện đại »** : Aldo Rosi (Ý - Trường trung học ở Broni ) ; Rem Koolhaas (Hà Lan - Khách sạn « Sphinx » ở Times Square ) ; Venturi (Mỹ- Nhà đường lão ở Philadelphia, 1960-63) ; Peter Eisenman (Mỹ) ; Michael Graves (Mỹ) ; Fernando Montes (Pháp) ; Leon và Rob Krier (Đức), v.v.

**2/ xu hướng « tân cổ điển »** : Venturi (Mỹ - Nhà ở Delaware) ; Charles Moore (Mỹ - Piazza d'Italia) ; Ricardo Bofill (Tây Ban Nha), v.v.

**3/ xu hướng « High Tech »** (John Foster (Anh - Mái vòm Nhà quốc hội Reichstag, Berlin) ; Renzo Piano, Richard Rogers (Trung tâm văn hoá Pompidou), Helmut Jahn (Trung tâm thương mại Sonny Center, Berlin), v.v.



Trên thực tế, có nhiều trường hợp, ở trong cùng một công trình kiến trúc, người ta có thể kết hợp thoải mái nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau. Do đó, có những phong cách mà chúng ta khó có thể khung lại trong một định nghĩa đơn giản được. Cũng như, có những kiến trúc sư sử dụng nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau : đó là trường hợp của Venturi, của Frank O. Gehry, chẳng hạn.



John Foster, Nhà băng Hồng Kông -Thượng-Hải (1979-86) – phong cách High Tech.

Hai xu hướng 1/ và 2/ hơi giống nhau ở một điểm, là cùng sử dụng những yếu tố kiến trúc có một dĩ vãng văn hoá-lịch sử nhất định (điều mà " phong cách quốc tế " đã loại trừ không thương tiếc) . Nhưng trong khi ở xu hướng 1/, đó là những yếu tố kiến trúc có công năng, ích lợi cụ thể, chẳng hạn như : cái bow-window, cái vòm cuốn, cái cầu thang, v.v. thì ở xu hướng 2/, các yếu tố kiến trúc có tính cách tượng trưng cho một thời kỳ văn hoá- lịch sử nào đó, như hàng cột

Hy Lạp, La Mã, vòm chống gothique, đá lát thời Phục Hưng, v.v. được sử dụng cốt để tạo nên một cảnh trí, một không khí

văn hoá-lịch sử giả tạo, đôi khi siêu thực. Phong cách 2/ (tân cổ điển), có cái lô gích và cái hấp dẫn của nó : chỉ cần nhìn một bức tranh toàn cảnh đô thị hiện đại, người ta cũng thấy rằng những công trình kiến trúc cổ xen kẽ với những công trình kiến trúc hiện đại không nhất thiết gây nên một sự hỗn độn, mà ngược lại, có thể gây nên một sự tương phản vừa cả về mặt thẩm mỹ, lẫn về mặt văn hóa, tạo nên một sự sinh động, hấp dẫn nhất định.

Điểm hơi giống nhau của hai xu hướng 1/ và 2/, thực ra chỉ là về hình thức. Trên thực tế, hai xu hướng này rất khác nhau về mặt ngôn ngữ. Xu hướng 1/ (hậu hiện đại) đa dạng, phong phú hơn, và cũng linh hoạt hơn, vì nó có thể diễn đạt thoải mái với tất cả các phương tiện, khả năng tạo hình, tạo dáng cho một công trình kiến trúc : nó là một xu hướng mở, và có thể áp dụng cho nhiều chương trình xây dựng. Nó cũng là xu hướng kế thừa « phong cách quốc tế » một cách rõ rệt nhất, với một cái nhìn phê phán tinh tế, và một quan niệm thẩm mỹ khác hẳn, năng động hơn, tế nhị hơn, đồng thời cũng nhân bản hơn.



Frank O.Gehry, Trường học ở Los Angeles (1981-1984) – tác phẩm kết hợp nhiều phong cách.

Xu hướng thứ ba, phong cách **High Tech**, mà người thủ lĩnh ngay từ lúc đầu là Sir John Foster, kts người Anh, có nguồn gốc lịch sử xa xôi là những công trình bằng sắt thép ở thế kỷ XIX, nhưng cũng có những cái mốc gần hơn : đó là kết cấu vòm hình quả cầu của B.R. Fuller, kết cấu lưới thép của Frei Otto, và những kết cấu nhẹ ba chiều của Stéphane du Château.

Phong cách High-Tech sử dụng chủ yếu khung sắt thép nhẹ và kính, kết hợp với tường bê-tông hoặc gạch, chỉ thích nghi được với một số chương trình mà thôi, chứ không linh hoạt như phong cách hậu hiện đại. Tuy nhiên, kết hợp với nhau, cả 3 phong cách này có thể tạo nên những hiệu quả bất ngờ, điều mà từ một số năm nay nhiều kiến trúc sư đã bắt đầu khai thác.

Xem như vậy, **cả 3 xu hướng** chính hiện nay của « kiến trúc hậu hiện đại » đều cơ bản khác với « phong cách quốc tế » và « kiến trúc hiện đại » ở chỗ : mỗi xu hướng một cách, chúng đều quay trở về *cội nguồn văn hoá-lịch sử* của kiến trúc để tìm nguồn cảm hứng, đồng thời để *kế thừa* di sản cũ một cách sáng tạo và có phê phán, tuân theo một quy luật hoàn toàn lô gích : tất cả những gì đi ngược lại với những nguyện vọng bản năng, sâu kín của con người, đều không thể tồn tại lâu dài được.

Có thể nói rằng, **kiến trúc hậu hiện đại** (hiểu theo nghĩa rộng : gồm nhiều xu hướng) là một nền kiến trúc *sinh động, đa dạng*, chủ yếu vì nó *nhân bản* và giàu *tính sáng tạo*. Mặt khác, nó là một nền **kiến trúc mở**, vì nó không bị gò bó bởi những lý thuyết cứng nhắc, do đó nó có khả năng *thích nghi* dễ dàng với những nhu cầu, sở thích của người dân. Tất cả những phẩm chất đó, cũng như tất cả những ý tưởng sáng tạo mới mẻ mà kiến trúc hậu hiện đại đã đem lại từ hơn 30 năm nay, đều có thể được kế thừa trong một nền **kiến trúc thích ứng**, phù hợp với điều kiện của mỗi nước.

**Văn Ngọc**

Điểm sách

## DẤU ẤN

tập truyện ngắn

tác giả : Nguyễn Thị Thanh Bình

nhà xuất bản : Văn Mới, 2004



Văn Ngọc

*Dấu Ấn* là tên tập truyện ngắn của Nguyễn Thị Thanh Bình, một nhà văn nữ sống ở Mỹ, đã từng có nhiều tác phẩm xuất bản từ những năm 80.

Điều đáng chú ý, là gần như toàn bộ 19 truyện ngắn trong tác phẩm này đều nói về tình yêu, và quan trọng hơn nữa, là về sự... thiếu tình yêu ! Đây không phải là thứ tình yêu thiên về nhục cảm, hoặc tình yêu thực dụng, ngược lại, đó là một thứ tình yêu lãng mạn, đôi khi nhẹ nhàng như mây khói, điều mà ở thời buổi này quả là hiếm, thậm chí có thể bị coi như lạc điệu, nhất là trong văn chương !

Bởi vậy mà nó như một sự thách thức. Một thời thượng hiện nay, là phải nói nhiều đến những khía cạnh tính dục và tình dục trong tình yêu, thậm chí phải « dao to búa lớn », « mạnh mẽ, mạnh mẽ », khi nói đến những chuyện này trong truyện ngắn hoặc trong tiểu thuyết. Rất hiếm tác phẩm hấp dẫn được đọc giả với những cuộc phiêu lưu tình cảm không đi đến đâu. Có thể nói rằng tác giả *Dấu Ấn* đã vượt qua được phần nào những thử thách này, và đã đến được với đọc giả bằng cách tiếp cận riêng biệt của mình về tình yêu nam nữ.

Đọc *Dấu Ấn*, người ta sẽ bắt gặp những con người, nói chung cô đơn, nhưng đây một sức sống âm thầm, mãnh liệt, những con người có thể có thực ở đâu đó, trong cộng đồng người Việt sống trên đất Mỹ, hoặc chỉ do trí tưởng tượng của nhà văn sáng tạo ra. Đó cũng còn là những con người phần nào yếm thế và hơi bị lạc lõng. Lạc lõng giữa cuộc đời, hay lạc lõng giữa một nền văn hoá xa lạ ? Trong đáy sâu tiềm thức, họ luôn cảm thấy một sự nhiễu loạn, nhưng bản thân họ lại bất lực, không biết mình muốn gì, phải làm gì. Khát khao hạnh phúc, khát khao tình yêu, nhưng đôi khi họ không sao định hình được cái thứ hạnh phúc ấy, cái thứ tình yêu ấy. Có một sự hồ hững vô tình hay cố ý nào đó, khiến cho hầu hết các cuộc phiêu lưu tình cảm trong truyện, cuối cùng đều không đưa đi đến đâu cả. Đường như những người chủ động trong cuộc không đủ tập trung vào cái điều mình đang săn đuổi, tìm kiếm.

Hoặc giả, những câu chuyện đó đều có thật trong đời

thường, nơi mà những cuộc phiêu lưu như thế đôi khi cũng có một tầm quan trọng nào đó, một kích thước nào đó. Song, trong văn chương, nghệ thuật, chúng cần có thêm một kích thước khác : kích thước hư cấu, kích thước sáng tạo.

Hoặc giả, tất cả chỉ là dụng ý của tác giả. Các cuộc phiêu lưu ấy đều không cần đi đến đâu hết, chúng đều không cần thiết phải có một kết thúc, vì những điều đáng nói đã được nói ở suốt dọc câu chuyện rồi ?

Nhưng ngay cả như vậy, vẫn thiếu một cái gì đó để thuyết phục người đọc. Bởi người đọc, trong thể loại văn chương này (truyện ngắn, hay tiểu thuyết), bao giờ cũng chờ đợi những cảm xúc thật sự mãnh liệt, do chính nội dung câu chuyện và cách kể chuyện gây nên. Đương nhiên, văn phong cũng là một yếu tố quan trọng, đôi khi quyết định.

Trong tập truyện *Dấu Ấn*, chính văn phong trữ tình, giàu chất lượng thẩm mỹ của tác giả, đã tạo nên được cái không khí lãng mạn, cuốn hút người đọc.

Các nhân vật nữ trong tập truyện đều có một tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu con người, mặc dầu họ đã không mấy may mắn với những người đàn ông mà họ từng gặp. Ta hãy nghe một nhân vật nữ trong truyện cảm nhận về mùa ve sâu ở Virginia :

« Ôi, mùa ve sâu của Virginia. Thảo nào những cụm mây đã bắt đầu khoe áo mỏng ở trên cao. Những tiếng ca râm rân mời mọc ở những bụi cây ngọn cỏ, những gọi tên đồng đánh rên vang qua từng mỗi góc phố, những sáng trắng, những trưa hồng, những chiều vàng, những đêm xanh huyền hoặc của chào nhau trong mùa tình ve đực. Phải rồi, mười bảy năm lặng thắm trong đất cát mới có một mùa hè trở về khuấy động. Mười bảy năm thức dậy từ găm đất để thấy trời xanh như chưa bao giờ, rục rờ như chưa bao giờ những giọt nắng, lửa ấm như chưa bao giờ mùa hè... » (NTTB, Khi ve sâu trở lại, tr. 103)

Người ta chỉ tiếc là trong tập truyện, các nhân vật đã suy luận quá nhiều, giải thích quá nhiều, làm mất đi cái không khí sâu lắng, tĩnh lặng, cần thiết cho người đọc để tự suy nghĩ và cảm thụ. Có lẽ đó là cái nhược điểm lớn nhất của tác phẩm.

Nếu phải bình chọn, có lẽ tôi thích nhất những truyện ngắn như : *Hương biển*, *Huyền thoại về một tin xuân*, *Những đợt sóng*, *Dân bà*...

Một truyện ngắn khác hơi đặc biệt, là truyện *Dấu Ấn*, trong đó người ta được nghe hai nhân vật tranh luận về văn chương, khá lý thú. Ta hãy nghe nhân vật nhà văn nữ trong truyện nói : « Nếu một nhà văn có tài thì họ sẽ viết như là sống thực, còn không thì kể chuyện mưa cũng ra chuyện nắng thôi... ». Điều này nên hiểu như thế nào ? Vẫn biết rằng, điểm xuất phát của văn chương bao giờ mà chẳng là cuộc sống. Song, những điều mình sống thực, có đủ để làm nên văn chương, nghệ thuật không ? Hay đó chỉ là một phần chất liệu làm nên tác phẩm ?

Quan trọng hơn cả, theo tôi nghĩ, vẫn là óc tưởng tượng và trí sáng tạo của nhà văn, hay người làm nghệ thuật. Những sự kiện dàn trải trong một lôgic nào đó, hoặc những tình cảm đôi khi bị pha loãng trong cuộc sống hàng ngày, thường thiếu sự cô đọng và tương phản cần thiết để có thể gây nên những cảm xúc lớn.

# Hương Biển

truyện ngắn

Nguyễn Thị Thanh Bình

Người đàn ông đó lâu lâu vẫn lai vãng trong những giấc mơ của tôi. Nơi một bãi biển hoang vắng, đôi chân trần của ông ta thường để lại trên cát ướt những câu thơ thật buồn mà hình như chỉ mình tôi đọc được. Những câu thơ ấy lắm khi bị sóng cuốn đi rất nhanh, như ông ta cũng lướt đi quá nhanh cùng với những ngày biển trở mình giông bão.

Đêm qua tôi lại mơ thấy ông ta lần nữa và sáng nay thức dậy tôi bỗng ngỡ ngàng như đang kiếm tìm một điều gì đó sắp sửa xảy ra. Một điều gì đó hết sức thần diệu rồi sẽ cuốn phăng tôi đi. Tôi sẽ ngủ thật ngoan hiền trong vòng tay ôm của biển.

Trong những dự cảm mơ màng màng ấy, hình như tôi thấy sự sống đang bắt đầu trở về trong tim. Hơn bao giờ hết, tôi muốn vật tất cả những lọ thuốc ra ngoài ô cửa. Ôi, sao nắng bỗng lung linh từng sợi nhỏ và đến cả từng hạt cát thấy thảy cũng đều lung linh. Có phải lúc này tôi chẳng cần một thứ gì nữa cả, những lọ thuốc hay những mũi chích đối với tôi giờ vô hiệu, ngoại trừ một chút nắng trong đôi mắt của người đàn ông ấy.

Buổi sáng tôi lang thang trên biển. Buổi chiều tôi cũng âm thầm ra biển, trung bình một ngày hai bận. Cả tuần lễ nay không ngày nào là tôi không ra thăm biển. Người đàn ông đã hứa sẽ mang về cho tôi những chiếc rương bí mật vớt từ lòng đại dương sâu thẳm. Tôi sẽ tiếp tục sống và chờ đợi ông ta, cho dù càng lúc tôi càng giạt mình vì khuôn mặt xanh mướt của mình trong gương. Vị bác sĩ sẵn sóc sức khoẻ vẫn làm tôi có cảm tưởng như mình sắp được giải thoát tới nơi. Tôi sẽ không còn phải chịu đựng những đòn đau hủy diệt của thể xác. Những ngày đi đối gió và được sống gần biển, tôi như quên đi những ám ảnh về một giấc ngủ thiên thu nào đó – Căn phòng lấp lánh kính phản chiếu từng rặng phi lao xanh ngắt, lồng trong một mảnh trời biếc như ngọc thạch thênh thang mây trắng, trông giống cảnh vật của một động thiên thai nào bỏ ngõ – Chưa bao giờ tôi thấy say mê đất trời và ao ước được bay bổng cùng ai đó lên cao, lên cao mãi như thế. Nhưng ông ta ở đâu, hay suốt đời tôi chỉ có thể bắt gặp người đàn ông ấy trong giấc mơ.

Xung quanh chẳng ai chịu nổi những ứ đọng thất thường của tôi. Tôi là đứa con gái cô độc, chưa bao giờ biết cảm tạ những ân sủng của tình yêu.

Hình như tôi không mấy được Thượng Đế thương yêu. Người ta bảo tôi hết như con búp bê vô cảm. Tôi chẳng hôn ai và được ai hôn.

Vẫn như thường lệ, sáng nay tôi lại ra biển độc thoại. Bao giờ một mình cũng thiếu vắng cả. Tôi đi lơ ngơ bỏ lại

đằng sau những dấu chân cát lạnh hết con nhỏ thất tình. Nhìn biển bất ngờ nổi con thịnh nộ, tôi mới hoàn hồn sực tỉnh. Mới sáng sớm hôm qua ra thăm biển lúc mặt trời thức dậy, trông biển hiền hòa và lóng lánh như ẩn chứa hàng ngàn con mắt lay động. Chiều hôm qua biển vẫn còn nắng ấm nồng nàn. Vậy mà trước mặt, biển đã biến hình. Nhắm mắt lại thấy biển, mở mắt ra cũng thấy biển nhưng biển bây giờ đã trở nên dữ dằn, hung hãn. Nghe nói có một cơn bão rớt sắp đi qua. Thảo nào nhìn vẻ đẹp cuồng nộ của biển, tôi mới nhận ra sự vắng lặng không ngờ của bãi biển hôm nay. Không còn ai dám quanh quẩn, kể cả chú "lifeguard" canh chừng cũng đã bỏ đi, nên tôi tha hồ được ngắm biển kỹ hơn. Chính những lúc này tôi mới chia sẻ được sự cô độc đồng cảm giữa mình và biển. Biển vắng bóng thuyền, như tôi vắng vòng tay ôm bên cạnh. Sáng hôm đó tôi trở về phòng khóc một trận vô có. Tự nhủ tôi sẽ yêu biển cho đến chết. Ở nhi, không phải mọi điều quan trọng trong đời tôi đều có biển làm chứng cả sao ?

Chiều đến tôi lại vờ quên áo ấm để được co rút trên biển. Tôi vẫn không thể không ra thăm biển khi chiều vừa xuống. Những sợi tơ chiều màu tím tím khi được rưng bay cùng sóng biển trông ảo diệu làm sao ! Những lúc ấy tôi có cảm tưởng như ngoài khơi kia, biển vẫn thích chọn thời khắc này để ghé sát rong rêu thâm thì. Và chừng như ở nơi bờ cách xa chân mình vài gang tay, tôi cố nghe nổi xao động ấy của biển vọng lại để đập cùng tôi những ngọn sóng triều tâm tư. Tôi bắt đầu muốn viết cho biển những câu thơ, rồi bỗng nhớ vô cùng những con dã tràng tuổi nhỏ ở một bờ biển xa tấp quê nhà.

Sự xuất hiện của một giọng đàn ông rất trầm đối với tôi lúc đó tưởng như là một tai họa. Tôi không tin trên biển vào lúc này vẫn còn có một ai khác, ngoài mình. Tôi chỉ muốn được yêu biển và giữ lấy biển cho riêng mình. Nhưng tiếng nói ấy đã phát ra như áp ú từ một bờ ngực ấm :

– Chào cô nhỏ.

Tôi ngược lên, chột hoa mắt khi vừa bắt gặp thứ đốm sáng quen thuộc trong đôi mắt của người đàn ông. Không thể cảm thấy có một ánh nhìn nào ám áp như vậy nếu tôi chưa từng được gặp ông ta lần nào. Điều này làm nổi sợ hãi trong tôi bỗng biến mất, nhường lại cho nổi thích thú không tên.

Có thật là ông ta đây không ? Người đàn ông đã từng đi xuyên qua những giấc mơ của tôi. Thật tình tôi muốn hét, muốn kêu lên một điều gì đó nhưng môi tôi như cứng lại, tê dại trong những cảm xúc thật bàng hoàng và hỗn loạn.

Người đàn ông nhìn sững vào mắt tôi. Một lần nữa tôi lại bị hai vũng nắng lung linh tuyệt vời ấy tóa ngập vào tim óc xao xuyến. Đôi mắt của ông ta. Những trao gởi bí mật trong những giấc mơ tâng sáng. Đôi mắt ấy bây giờ cũng chột biết nói thứ ngôn ngữ không lời. Một bày tỏ óng ánh niềm vui :

– Thật là một điều kỳ dị. Sao tôi lại được gặp cô nhỏ ở đây trong một ngày biển vắng như thế này chứ.

Tôi đáp không một chút nghĩ ngợi, như một người vừa được vận đúng tần số :

– Thật là một điều kỳ dị. Em cũng nghĩ như ông vậy. Sao lại có một người xuất hiện trong một ngày biển vắng như thế này nhi.

- Tôi nằm phục ở đây cả nửa hôm rồi, để chờ quay và chụp vài tấm hình của biển trong ngày bão rút ấy mà. Tin khí tượng đôi khi chẳng đúng đâu, nhưng tòa soạn cần thì mình cứ phải chờ thôi.

- A, hóa ra ông là phóng viên nhiếp ảnh à ?

Tôi vừa thoáng để ý tới những thứ máy móc trang bị linh tinh trên tay lẫn trên vai ông ta. Dáng người đàn ông to cao, cơ hồ như cả vòm trời muốn phủ xuống bao chỗ lấy tôi - một tôi lướt thướt và yếu mệnh như vệt nắng chiều tà.

Ông ta đó, nói nói cười cười như tôi vẫn thường mơ thấy. Chỉ khác một điều là ở ngoài giấc mơ, trông mắt liếc nhìn đong đưa ấy được trời đất lúc này pha màu xanh lơ, như màu mắt biển vào ngày hè nắng đẹp :

- Vàng, một cái nghề không mấy thú vị cho một cái tổ ấm. Tôi phải nay đây mai đó khá nhiều.

- Ông nói như có vẻ than vãn một điều gì. Nhưng mà không phải đàn ông là người lúc nào cũng thích chờ đón những cái mới, những thay đổi bất ngờ cả sao ?

Ông ta nheo mắt, dịu dàng như chưa bao giờ :

- Có những thay đổi làm đảo lộn cả đời sống không phải của riêng ta, mà của cả những hệ lụy tới mình nữa có nhỏ ạ. Ví dụ như những tình cờ...

Người đàn ông bỏ lưng câu nói, chỉ nhìn sâu vào mắt tôi. Một cái nhìn táo tợn, hớp hồn người đối diện. Hình như cả tôi và ông ta đều ngỡ ngàng. Tự nhiên tôi thấy mình bị quặn thắt ở ngực. Sao những điều quá đẹp vẫn hay làm tôi đau tim bất tử. Lẽ nào ông ta sẽ là của tôi ? Không, người đàn ông có đôi mắt đẹp lạ lùng như thế này chỉ có thể gặp gỡ trong những giấc mơ. Diễm ảo và diễm ảo.

Không nhiên tôi hốt hoảng rú rê những con ho trở về. Tôi vẫn thường bị ghen thờ, điều này chẳng có gì lạ. Chỉ tội nghiệp là ông ta chưa hề được báo trước điều này. Càng lúc về lướt cuống lo âu của người đàn ông càng như xoáy thêm những con ho của tôi. Con bệnh lần này trở về không đúng lúc và nhất định không chịu dứt đi.

Cuối cùng ông ta phải bế thốc tôi lên, như bế thốc một xác chết đi chôn. Xác chết của đứa con gái lần đầu được gần gũi thứ hơi thở nồng ngái đàn ông, nhưng chỉ mơ hồ cảm nhận - Mùi hương của biển mà buồng phổi chết khát của tôi đã nốc đầy suốt buổi chiều hôm ấy - Đến mê man và đến phải chở vào bệnh viện cấp cứu.

Vậy là lần gặp gỡ đầu coi như tôi mắc nợ người đàn ông chút on "cứu tử". Dĩ nhiên là ông ta vẫn chưa hề được báo trước là dấu chậm thế nào, tôi cũng phải "ra đi". Và điều này làm tôi đốn đau không tả khi chính ông ta là người đã phải chia tay tôi vào chuyến bay muộn màng của chiều hôm sau.

\*  
\* \*

Ông ta đi rồi, tôi mới phát hiện ra mình cũng chẳng còn được dịp ở lại thành phố miền biển này bao lâu nữa. Tôi cần trở lại nơi có vị bác sĩ gia đình vẫn thường theo dõi bệnh tình của mình.

Cuộc đời có lắm điều phi lý, không lẽ tôi cứ vờ thờ ngây bảm vào lời hứa sẽ trở lại nay mai của ông ta ? Tôi và

Michael gặp nhau chỉ hơn một buổi chiều ngắn ngủi. Cái tên Michael của ông ta lúc này đã được tôi đọc trại ra thành tên gọi cho riêng mình : Mai Khôi.

Có phải vì Mai Khôi là một người đàn ông quá đẹp và quá khỏe mạnh nên người rồi chẳng bao giờ trở lại để dạy cho một con bé yếu bệnh là tôi biết thế nào là tình yêu, thế nào là môi hôn diễm tuyệt, thế nào là những trao gửi rung động của những kẻ yêu nhau. Lẽ nào tôi lại phải ra đi, lại phải từ bỏ cuộc đời, lại phải... chết trước khi Mai Khôi mang tặng cho mình những đóa hồng. Ô mà không, tôi chỉ ao ước được thấy những chiếc rương bí mật ở dưới lòng biển cả mà thôi.

Hình như tôi đã chờ Mai Khôi đến ngày thứ ba. Mai Khôi bảo chỉ cần tối đa là hai ngày để thu xếp công việc, nhưng đó là lời hứa của một người đàn ông.

Quả thật Mai Khôi đã gây trong tôi một thứ ảo tưởng diệu kỳ. Đó là một người đàn ông mới bị vợ bỏ hay bỏ vợ cũng thế thôi ; điều ngộ ngộ là vợ của Mai Khôi cũng là một phụ nữ Việt như tôi, và có lẽ vì hơi bực mình (chỉ hơi bực mình thôi sao ?) vì sự việc rày đây mai đó của Mai Khôi nên họ bằng lòng nghi chơi nhau. Bà ấy "xóa bài làm lại" lần này với một người đàn ông tóc đen da vàng như mình. Họ lấy nhau những mười năm và theo như Mai Khôi cho biết thì dạo ấy họ vẫn còn quá trẻ Mai Khôi than thở : "Đáng ra tôi không nên lập gia đình quá sớm. Tôi vẫn còn thèm khát sự tự do, và nàng thì cũng chẳng bao giờ tỏ ra thú vị đợi chờ chồng con như những người đàn bà Á Đông khác mà tôi được biết hoặc được đọc trong sách vở. Vậy mà tôi cứ tưởng ít ra thì ba đứa con cũng có thể tập cho nàng tánh kiên nhẫn chờ chồng chứ. Tôi đi đây đó cũng chỉ vì công ăn việc làm thôi mà".

Ba đứa con ? Những tác phẩm lai Việt của Mai Khôi hẳn là xinh đẹp phải biết, nhưng dưới mắt vợ Mai Khôi thì đây là người đàn ông có nhiều khiếm khuyết. Điều này làm tôi hy vọng Mai Khôi sẽ trở lại, vì tôi cũng là đứa con gái bệnh hoạn đến... khiếm khuyết. Thật ra không hẳn như thế. Tôi chỉ định nói rằng Mai Khôi không mấy yên tâm về con bệnh của tôi. Có thể là Mai Khôi vốn thương người, hay tội nghiệp hoặc vốn thích bảo bọc. Thế thôi, nên chàng sẽ trở lại. Nhưng biết đâu Mai Khôi cũng sẽ có cả trăm ngàn lý do khác để yên lòng lãng quên tôi.

Mai Khôi nắm nhẹ tay tôi trước khi từ già : "Tôi thích đôi mắt em. Đôi mắt có khi như đang nhìn tôi, đại khờ, say mê, nhưng dường như cũng thật mông lung, xa xăm như em đang trôi tuột vào một thế giới nào khác mà tôi không tài nào với tới được". Buổi trưa sau chót Mai Khôi dìu tôi ra biển, trở tài phó nhòm nguyên cả một cuộn phim. Mai Khôi bảo khuôn mặt tôi sao ừ dột nào nũng quá, mặc dù tôi đã cố gắng mặc một chiếc áo thật sáng và già vờ cười thật tươi mỗi khi nghe Mai Khôi nhắc lớn : "Anh bầm nhé. Cười đi nào".

Ờ nhi, làm sao Mai Khôi hiểu được tại sao tôi không thể vui trọn vẹn. Cũng như làm sao Mai Khôi biết được đáng về kênh kênh dang tử của người đã hơn một lần xuất hiện trong giấc mơ của tôi, như từ tiền kiếp hai đứa là tình nhân của nhau.

Tôi đã không vui được, dĩ nhiên, vì những ám ảnh thường trực đó. Nỗi chết. Và lẽ sống. Tôi là người luôn

luôn mệt mỏi, nhưng vẫn thiết tha vô cùng với đời sống.

Vị bác sĩ bảo rằng tôi sắp được giải thoát. Chết là khi tấm màn của đời sống được kéo xuống. Tất cả những vò kịch cũng được hạ màn. Người ta sẽ được nghỉ ngơi không còn phải diễn xuất, múa máy nữa. Phải vui chứ (!)

Chết. Rồi tôi sẽ bay đi như mây vào một cõi nào không biết. Sự mệt mỏi sẽ chấm dứt và biết đâu tôi sẽ cảm thấy thông dong để bắt đầu một đời sống khác, ở một cõi đời mới. Ở đó tôi sẽ được khởi sự những cuộc vui chơi không bao giờ ngưng nghỉ. Tôi sẽ không phải đối diện với ngõ cụt của xác thân bệnh hoạn. Vòm trời nơi đó sẽ xanh bất tận và tôi sẽ không còn phải ngo ngác dành dục từng giọt nắng ử áp cho từng ngày mưa như ở trần gian. Nắng rồi sẽ bất tận, mãi mãi.

Khi đời sống đã tước đi của tôi chút hơi thở thì tôi sẽ đi đâu, về đâu nhỉ. Câu hỏi ấy bao giờ cũng vẫn cứ lẩn vẩn trong tôi, như không tài nào khuây khỏa nổi. Biết đâu khi hơi thở này bị dập tắt, tôi mới hoàn toàn được khoan khoái. Tôi sẽ tan biến, hòa nhập cùng hư không. Cái hư không mà tôi vẫn cố gắng nghe những lúc chơi voi không ngủ được. Ôi, âm điệu ấy sao vắng lặng nhưng cơ hồ tấu lên cả ngàn khúc. Và rồi tôi sẽ lo lắng, lo lắng như đang bay đi, bay đi giữa bao la vô cùng. Trong ý nghĩ này, sự chết hiện ra thật thơ mộng và mê hoặc. Nó không còn là những đe dọa của thú bóng tối rình rập bất ngờ, những bí bưng muôn đời là những ác mộng không lời giải đáp. Nó bí mật nên nó tha hồ múa may, treu cợt tôi hoặc ai đó mỗi ngày. Nó là một tên trộm tinh ranh chỉ hiện về bất chợt, sẵn sàng cướp mất của bạn thứ hơi thở cần kíp trong đời. Tôi vốn bị nghẹn thở, hoặc thở rất ít nên sự sống lúc nào cũng chực chờ đứt lìa, đứt đoạn. Điều đáng tiếc đời sống dẫu thế nào vẫn là đời sống, một đời để sống. Tôi không thể làm khác đi hay thay đổi những mầm mống định mệnh không may của riêng mình, nhưng tôi không hề khước từ đời sống nếu không phải chính nó đang chối từ tôi dần dần. Tôi phải thú thật điều này vì chắc bạn cũng thấy rằng ít người có thể khoan thai đứng dậy, nhún vai bước ra khỏi cuộc đời một cách kiêu hãnh như không hề nuôi tiếc hay vương bận một điều gì. Tôi cũng có thể nhếch môi cười khan như thể mình vốn đứng vững với sự sống và cái chết tự bao giờ. "Tôi sẽ chết có nghĩa gì đâu" và xác thân vẫn là một cái gì không đáng kể, dù chúng ta vẫn luôn luôn bị lao đao hụt hơi vì phải kiếm cách làm vừa lòng nó. Điều tôi thắc mắc vẫn là chút siêu linh mà khi ra khỏi thân xác, nó chẳng cần một chỗ tựa nhưng vẫn quỵen sống mãi trong không khí. Siêu linh ? Thôi cũng bằng mọi cách và mọi giá, hồn tôi nhất định sẽ tìm về vạt vương trên biển để báo cho Mai Khôi biết cái chết nó như thế nào, mang hình thù ra sao, hoặc thiên đường hay những ước vọng Satan cũng chỉ là một.

Trời ơi, phải chi Mai Khôi trở lại bây giờ để hà hơi vào thứ đời sống đang đến hồi kiệt sức của tôi. Tôi không sợ chết vì điều ấy hiển nhiên và không thể không có mặt. Có điều tôi muốn được chết hay nói cách khác là được yên nghỉ trong vòng tay ấm áp của Mai Khôi. Nếu Mai Khôi chưa trở lại từ đây cho đến cuối tuần thì tôi vẫn phải rời khỏi phố biển này, và biết đâu tôi cũng sẽ bực tức đến độ không tài nào nhắm mắt yên ngủ.

Mai Khôi sẽ trở lại. Tôi vẫn tin Mai Khôi sẽ là người vượt mắt tôi. Mọi sự vào những khoảnh khắc thiếu vắng này sẽ đọng lại. Để chờ được tan ra trong hơi thở của Mai Khôi. Người đàn ông với mùi hương nồng nồng ngai ngái của biển.

\*  
\* \*

Hôm đó là ngày cuối tôi ra từ biệt biển. Mai Khôi vẫn dặn tôi nhớ mang theo áo ấm và không nên ra thăm biển một mình. Mai Khôi dọa : "Không phải ai cũng hiền như tôi đâu. Coi chừng người ta sẽ giả làm chó sói để ăn thịt cô bé cho mà xem".

Biển dạo này vào buổi chiều đã thoảng lạnh. Hình như nỗi buồn làm tôi cảm thấy đất trời cũng se lại. Ngày mai tôi phải trở về thành phố của mình, nơi những ngã tư đời vẫn có những rõ ràng của thiên hạ và những túi thân vẫn hiện hình như cũ của riêng mình. Trời lạnh lạnh, tôi lại hay mặc kệ những cơn gió không đâu ấy nên vẫn ôm thói quen lì lợm không mang thêm áo.

Biển vẫn mang dáng dấp quỵen rũ – Cô đơn nhưng đầy quỵen uy – Ra biển chiều nay tôi có cảm tưởng như mình đang bị biển thôi miên để đi theo, đi theo mãi từng đợt sóng xa biệt ngoài khơi. Biển sẽ cuốn tôi xuống, cùng với nỗi quạnh hiu này được nhận chìm với rong rêu. Xung quanh tôi hình như không tìm gặp một dáng núi nào cả, nên tôi cứ ngút mắt nhìn mà chỉ thấy một đường chân trời bao la. Ở đó một chút đỏ lù và một chút xanh thắm trong đôi mắt mặt trời đã rớt xuống trên biển những vầng lệ lóng lánh, buồn buồn. Cũng không tìm đâu ra bóng dáng của những cánh chim đại bàng nghênh nghênh xoài dài, hay loài chim biển cũng đã tít tắp ở cuối chân mây tự bao giờ.

Mai Khôi là cánh chim biển đã hun hút. Người không trở lại và tôi đã hoàn toàn thất vọng. Giá tôi có thể đi đi mãi không biết mệt từ chân trời này cho đến chân trời nọ. Đi và không mong gì tìm gặp một Mai Khôi tàn nhẫn như bão cát.

Nhưng rồi tôi bỗng muốn trở về khách sạn ngay lập tức. Tôi không thể chịu nổi những đợt sóng vỗ như mê loạn trên cát. Hình như cát cũng đang thoi thóp đau mà tôi nào hay biết. Tôi nhắm mắt lại và chợt nghĩ đến những dấu chân. Những dấu chân trên cát và lời thì thầm của những chú dã tràng, những chiếc vỏ ốc nằm cô đơn trên cạn và những con ngọc trai vùi sâu dưới đại dương. Tôi cố không nghĩ đến một điều gì nữa cả, chỉ cầu xin những an lành trả lại cho biển.

Đi ngo ngác không giày không dép ra gần lộ chính, tôi mới giật mình vì tiếng còi xe và một loạt đèn pha chớp tắt, chớp tắt quẹt ngang người.

Chiếc xe dừng lại sát ngay trước mặt tôi. Người đàn ông bước ra khỏi xe hệt như bước ra từ một giấc mộng đẹp.

Tôi bị choáng váng thực sự. Những vệt nắng cuối cùng của buổi chiều bỗng vòn ra trước mặt chiếc cầu vồng diễm ảo. Người đàn ông dù đang quơ quơ cây gậy, vẫn dáng vẻ nghênh ngang như vừa mang về cho tôi thứ màu sắc bảy màu diễm ảo ấy.

Đó là Mai Khôi. Mai Khôi đó sao ? Tôi vẫn chưa hoàn

hồn, đứng chôn chân một chỗ, hệt như Mai Khôi cũng chợt bất động đến im sững.

Vài giây sau mà như cả triệu năm thiên thu, tôi mới nghe Mai Khôi mấp máy :

– Kia Kim, anh đã tới...

Vâng, đó là giọng nói mà tôi đã chờ đợi quá lâu để được nghe thấy.

Giọng nói của người yêu với người yêu. Không cần chờ gì nữa, tôi chạy nhanh tới bên Mai Khôi, bỏ nhào vào người chàng muốn khuyu xuống bất ngờ. Hình như cả Mai Khôi và tôi đều cảm thấy mình không còn đủ thời gian để câu nệ. Tôi gọi tên Mai Khôi tới tấp.

– Mai Khôi, Mai Khôi không sao chứ ?

Mai Khôi ghì siết tôi bằng một tay ôm. Ôi sức hút của thỏi nam châm tuyệt diệu. Rồi Mai Khôi dịu dàng nói :

– Đáng lẽ anh đã tới sớm hơn. Nhưng chính sự trễ nải không định trước này đã làm anh nhận thêm ra một điều kỳ diệu. Anh thấy cần em, cần đời sống hơn bao giờ cả.

– Mai Khôi bị gì vậy hả ?

– Như đã hứa, anh định trở về đây đúng hẹn để gặp lại em. Anh đã cố lái xe thật nhanh vì cũng lo lắng cho con bệnh vừa rồi của em. Trong đêm lái xe, có thể vì chút xúc động nào đó hoặc quá buồn ngủ, xe anh đã lạng quạng vào xe của người khác. Nằm nhà thương anh chẳng muốn em lo âu, nên đã ráng gồng mình không liên lạc.

– Hóa ra Mai Khôi cũng đâu tệ với em. Vậy mà em cứ tưởng...

– Em tưởng là anh... không thích em à ? Em là cô gái dễ thương nhưng nhiều khi độc đoán.

– Anh để em chờ khá lâu.

– Chính tai nạn suýt chết vừa rồi làm anh cảm thấy ham mê những ngày mình đang sống gấp bội. Anh cũng vừa nhận ra anh cần tình yêu, cần em...

– Nhưng anh đã biết gì về em mà đòi... yêu ?

– Có một sức hút nào đó giữa những va chạm của anh và em, em không nhận ra ngay từ phút giây đầu tiên sao ? Vậy điều anh cần biết về em đâu có gì quan trọng, ngoài nỗi cuốn hút ấy.

– Và như thế anh gọi là... tình yêu?

– Em phức tạp và rối rắm hơn anh tưởng. Có điều không phải là em cũng đã gọi anh trở lại đây sao ?

– Đó là tiếng gọi của những mỹ nhân ngư dưới biển hoặc những tiếng ú ớ trong mơ của sóng. Không phải của em. Một con nhỏ đang bệnh muốn chết mà còn dám gọi ai.

– Em nói nghe như thơ như văn, nhưng chính ra anh đã lỡ yêu về ôm o, cần lệ thuộc vào một người nào đó của em tự hôm ấy.

– Em biết và em cũng linh cảm như thế. Em biết rằng Mai Khôi sẽ trở lại để... vượt mắt em.

– Em nói gì vậy ? Mai Khôi hoảng hốt hết lớn.

– Ô mà không... em chỉ định nói là Mai Khôi sẽ phải trở lại để gặp em và để yêu em.

– Em đừng đùa với anh nữa. Hồi nãy anh đã đoán

đúng là em sẽ ra đây. Em chuyện trò gì với biển mà nói hoài không hết ?

– Em yêu biển và em cũng phải cảm ơn biển đã khiến em được gặp Mai Khôi, không phải thế sao?

Có lẽ lời tôi nói ra lúc ấy khẩn thiết lắm nên Mai Khôi chớp mắt. Tôi lại bắt gặp hai con ngươi lóng lánh sao hôm của Mai Khôi như vẫn rực sáng trong những giấc mơ. Đôi mắt vẫn làm tôi bàng hoàng, tê dại. Rồi Mai Khôi bất chợt cúi xuống. Bàn tay Mai Khôi ghì chặt tôi như muốn bẻ gãy từng đốt xương mảnh dẻ trên người, nhưng Mai Khôi lại chỉ muốn tặng tôi một chút môi hôn dịu nhẹ. Một nửa nụ hôn thì đúng hơn. Nửa còn lại Mai Khôi muốn để dành đến hôm nào tôi không biết (có thể vì một chân của Mai Khôi còn bị yếu chẳng, hoặc Mai Khôi lãng mạn chút chút?).

Môi Mai Khôi cơ hồ chỉ lướt thướt trên làn môi tôi, nhưng là một xúc động đầy thăng thất. Một xúc động đầu đời con gái.

Mai Khôi thì thảo vào tai tôi như lời ru nhẹ của gió :

– Có phải cả ngày hôm nay em đắm mình trong gió biển không hở ? Tóc em mần mẫn hương của biển biết không. Trời ơi, anh chỉ muốn cảm ơn em, cảm ơn cô nhỏ đáng yêu...

Tôi cũng muốn cảm ơn Mai Khôi, cảm ơn sự sống hơn một lần người đã mang đến. Một đốm sáng cuối cùng lóe lên từ những ngày tăm tối, không một bóng dáng hạnh phúc. Vậy là tôi biết mình sẽ được chết khi vừa tìm thấy đúng nghĩa sự sống.

Chỉ Mai Khôi là không hề hay biết rằng tôi sắp chết. Có điều chắc chắn tôi sẽ yên lòng nhắm mắt vì Mai Khôi đã trở lại. Tôi đã được Mai Khôi hôn và đã nghĩ thấy trọn vẹn hơi thở của biển. Thứ mùi hương ngai ngái, nồng nồng, ngây ngây như mùi đàn ông toát ra từ Mai Khôi. Tôi sẽ thèm khát mùi hương ấy biết bao, khi Mai Khôi nhất định tặng hết nửa môi hôn gấp gấp, ấm nóng còn lại...

**Nguyễn Thị Thanh Bình**

( trích từ tập truyện ngắn *Dấu Ấn*,  
nxb Văn Mới, California 2004)

## Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ

Imprimé par Point Concept, Vitry sur Seine

Dépôt légal: 178/91 \* Commission Paritaire: AS 73 324 \* Prix: 6 €

*Địa chỉ bưu điện:*

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

*Địa chỉ điện tử (E-mail):*

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

*Đại diện các nước:* xin coi thẻ lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode) ; hoặc qua E-mail (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)